Tiến sĩ **Phạm Phương Hoa** *(Chủ biên)* - **Cù Minh Nhật**

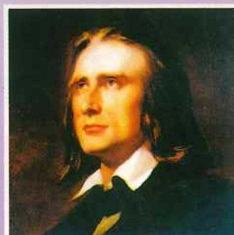
Nhạc sĩ thiên tài & Những Bài tập piano quen thuộc

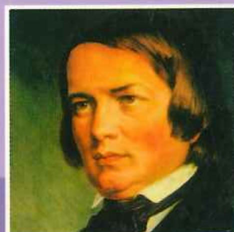
Tập 2

CD-ROM
Tặng kèm theo sách









* Câu chuyện cuộc đời các nhạc sĩ thiên tài thế giới
* Nhiều tiểu phẩm và tác phẩm tiêu biểu cho người tập piano
* Tóm gọn sự nghiệp và đặc điểm âm nhạc của tác giả

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

Tiến sĩ Phạm Phương Hoa *(Chủ biên)* - Cù Minh Nhật

Nhạc sĩ thiên tài & Những Bài tập piano quen thuộc

Tập 2









* Câu chuyện cuộc đời các nhạc sĩ thiên tài thế giới
* Nhiều tiểu phẩm và tác phẩm tiêu biểu cho người tập piano
* Tóm gọn sự nghiệp và đặc điểm âm nhạc của tác giả

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

NHẠC SĨ THIÊN TÀI

và những bài tập

PIANO quen thuộc

Tập 2



LỜI GIỚI THIỆU

Hiểu biết về những tác giả, tác phẩm piano quen thuộc là điều vô cùng cần thiết đối với những người tập đàn phím vì nó góp phần giúp chúng ta chơi mỗi tác phẩm có cảm xúc hơn và ra phong cách hơn. Hơn nữa, nó mang lại cho mỗi học viên piano nói riêng, những người yêu nhạc nói chung những tri thức âm nhạc phổ thông cần thiết, giúp chúng ta đến gần hơn với nghệ thuật âm nhạc bác học.

Nhà xuất bản Âm nhạc xin trân trọng giới thiệu cuốn **"Nhạc sĩ thiên tài và những bài tập piano quen thuộc**" do nhóm tác giả gồm *Tiến sĩ nghệ thuật học* Phạm Phương Hoa và nhạc sĩ Cù Minh Nhật biên soạn. Cuốn sách tóm lược cuộc đời, sự nghiệp, những đặc điểm và thành tựu âm nhạc nổi bật của một số nhà soạn nhạc tiêu biểu của nền âm nhạc cổ điển Tây Âu. Song song với đó, cuốn sách cũng giới thiệu khoảng 50 bài tập, gồm các tác phẩm piano nguyên gốc nổi tiếng và các khúc nhạc đã được biên soạn lược bớt hoặc chuyển soạn cho piano ở dạng diễn tấu đơn giản dựa trên những giai điệu quen thuộc trích trong các bản nhạc giao hưởng, hòa tấu thính phòng, ca khúc... của những nhạc sĩ đó.

Bộ sách gồm hai tập:

- **Tập 1:** Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm piano tiêu biểu thời kỳ âm nhạc Baroque và cổ điển thế kỷ XVII - XVIII: Handel, Bach, Haydn, Mozart, Beethoven.

- **Tập 2:** Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm piano tiêu biểu thời kỳ âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX: Schubert, Schumann, Brahms, Mendelssohn, Chopin, Liszt, Tchaikovsky.

Trong xuất bản phẩm, thông tin về các nhà soạn nhạc được khắc họa sinh động như những câu chuyện kể hấp dẫn. Thêm nữa, âm hưởng của hầu hết các tác phẩm chọn lọc trong sách đều được chúng tôi giới thiệu trong **CD quà tặng**.

Hy vọng xuất bản phẩm này sẽ mang đến cho những người học piano và bạn đọc nhiều kiến thức âm nhạc bổ ích và lý thú.

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

LỜI TÁC GIẢ

Đàn piano với âm thanh du dương và sức biểu cảm không giới hạn từng là người bạn thân thiết trong tuổi ấu thơ của nhiều nhạc sĩ thiên tài. Hầu hết các nhà soạn nhạc vĩ đại đều là những nghệ sĩ chơi piano rất điêu luyện và họ cũng thường khởi đầu sự nghiệp của mình bằng các sáng tác cho đàn piano. Nhờ những cống hiến quên mình cho nghệ thuật của biết bao thế hệ nhạc sĩ, nhân loại ngày nay được thừa hưởng một kho tàng âm nhạc vô giá, trong đó có vô vàn tác phẩm viết cho đàn piano đã trở nên bất hủ. Tuy nhiên, phần lớn bạn đọc cũng chỉ nghe đến tên của các nhà soạn nhạc thiên tài như Bach, Mozart, Beethoven, Chopin, Tchaikovsky,... chứ chưa hẳn đã biết nhiều đến những tác phẩm tiêu biểu của họ và ngược lại.

Bộ sách **Nhạc sĩ thiên tài và những bài tập piano quen thuộc** được biên soạn chính là nhằm mang đến cho người chơi đàn piano những tác phẩm piano quen thuộc và cung cấp kiến thức cần thiết về một số tác giả, tác phẩm nổi tiếng thế giới. Để hấp dẫn bạn đọc, khi biên soạn, chúng tôi đã cố gắng tóm gọn nhất những kiến thức cần thiết của môn lịch sử âm nhạc, đồng thời kể một số câu chuyện thú vị mang tính giai thoại. Trong phần giới thiệu tác phẩm, song song với việc chọn lựa những khúc nhạc có giai điệu quen thuộc, dễ chơi, chúng tôi còn tuyển chọn giới thiệu một vài tác phẩm piano tiêu biểu, được nhiều người yêu thích của mỗi tác giả.

Cũng phải nói thêm rằng, kho tàng tác phẩm piano là vô cùng lớn, có lẽ hàng nghìn cuốn sách cũng không chép ra hết được, hơn nữa, có rất nhiều nhạc sĩ tuy chưa được gọi là *thiên tài* nhưng cũng để lại nhiều tác phẩm piano đặc sắc. Trong khuôn khổ của một cuốn sách, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một số nhạc sĩ thiên tài có nhiều đóng góp trong lĩnh vực sáng tác cho cây đàn dương cầm.

Trong **CD quà tặng**, chúng tôi cố gắng giới thiệu âm hưởng phần lớn các tác phẩm chọn lọc trong sách. Tuy nhiên, đó chỉ là những gợi ý tương đối để người chơi hình dung trước về mỗi bài tập chứ không phải là bản thu âm mẫu mực. Mỗi người học cần phải tuân theo những hướng dẫn của giáo viên đồng thời có những sáng tạo của riêng mình.

Ngoài thông tin về tác giả và tác phẩm, chúng tôi cũng cung cấp thêm cho bạn đọc một số kiến thức âm nhạc phổ thông như việc giới thiệu một vài loại nhạc cụ cổ hoặc một số thể loại, hình thức âm nhạc phổ biến đương thời để giúp các bạn tiếp cận nền âm nhạc kinh điển của thế giới dễ dàng hơn. Sau khi tập xong mỗi bản nhạc, chúng ta có thể thư giãn bằng cách đọc lại những thông tin trong sách, hy vọng qua đó người học không những có thêm hiểu biết về âm nhạc mà còn có thể chơi mỗi tác phẩm được hay hơn, ra phong cách tác giả hơn.

Do trình độ của người biên soạn và nguồn tư liệu ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, chắc chắn cuốn sách không tránh được những thiếu sót nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Mọi thư từ góp ý xin gửi về địa chỉ minhnhat76@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nhóm tác giả

FRANZ SCHUBERT
(1797-1828)

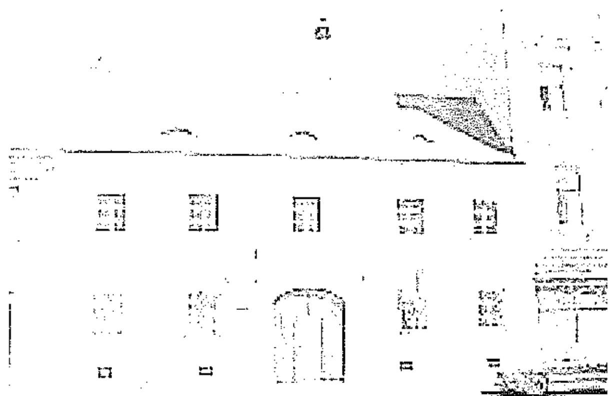


Franz Schubert (F. Su-be) là nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo, người mở đầu cho trường phái âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX. Trong cuộc đời 31 năm ngắn ngủi của mình, ông đã hoàn thành một số lượng lớn tác phẩm có giá trị ở nhiều thể loại khác nhau như giao hưởng, nhạc thính phòng, nhạc cho đàn phím và thanh nhạc. Đặc biệt, với "gia tài" hơn 600 ca khúc kinh điển, Schubert được lịch sử âm nhạc mệnh danh là "Ông vua ca khúc".

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Schubert (tên đầy đủ *Franz Peter Schubert*) sinh ngày 31 tháng 01 năm 1797 trong một gia đình nghèo ở vùng ngoại ô thành phố Vienne nước Áo. Cha của Schubert, ông Franz Theodor Schubert là giáo viên, mẹ là đầu bếp. Cha mẹ Schubert sinh tổng cộng 14 người con, Schubert là thứ tư trong số năm anh em còn sống sót đến tuổi trưởng thành. Người cha của Schubert có vốn hiểu biết tương đối về âm nhạc và biết chơi một vài nhạc cụ, vì vậy ngoài việc dạy văn hóa, ông kiêm nhiệm việc dạy môn âm nhạc cho học sinh tại trường Tiểu học nơi ông làm việc. Những lúc rảnh rỗi, ông Theodor thường dành thời gian truyền dạy cho các con vốn kiến thức âm nhạc mà mình có. Ngay từ nhỏ, Schubert tỏ ra rất có năng khiếu âm nhạc, nhất là đôi tai thính nhạy, có thể phát hiện những chỗ sai sót khi người cha chơi đàn. Bởi vậy, Schubert sớm được cha dạy chơi đàn violon và được anh cả dạy chơi piano. Chỉ trong một thời gian ngắn, khả năng chơi piano của Schubert đã vượt xa người anh của mình. Gia cảnh nhà Schubert tuy thiếu thốn vật chất nhưng đời sống tinh thần, đặc biệt là âm nhạc rất phong phú. Những buổi hòa nhạc ấm cúng trong gia đình thường xuyên được người cha tổ chức, điều

đó luôn mang lại cho Schubert niềm hứng khởi, cậu bé cũng là một thành viên quan trọng của "ban nhạc" gia đình. Năm lên 7 tuổi, người cha đưa Schubert đến nhờ Michael Holzer- nhạc công đàn organ kiêm chỉ huy đội hợp xướng tại một nhà thờ gần nhà- để Schubert được học âm nhạc bài bản hơn. Tuy nhiên, không lâu sau, ông Holzer đã phải thừa nhận rằng khi ông định dạy Schubert điều gì mới thì lập tức thấy học trò dường như đã hiểu hết rồi. Ông từng nói với bố của Schubert: "*Tôi không dám tự nhận là mình đã dạy Schubert được bài học âm nhạc nào. Đơn giản là tôi chỉ trao đổi với cậu ấy, để rồi chỉ biết nhìn cậu ta với sự kinh ngạc không nói nên lời*". Câu nói trên của thầy Holzer có thể được trích từ một truyện ký về Schubert nhằm đề cao thiên khiếu âm nhạc bẩm sinh xuất chúng của nhạc sĩ. Tuy nhiên, thực tế là Schubert có hai bàn tay với các ngón tay mập và ngắn, lại nghèo đến nỗi không có nổi một cây đàn để tập luyện nên sau này cậu không thể trở thành một nghệ sĩ piano xuất sắc. Ngoài khả năng chơi thành thạo một vài nhạc cụ, tuổi ấu thơ, Schubert còn có giọng hát rất hay và sớm bộc lộ năng khiếu sáng tác.



Ngôi nhà nơi Schubert sinh ra (Vienne-Áo)

Nhờ năng khiếu âm nhạc thiên bẩm và giọng hát đặc biệt, năm Schubert 11 tuổi (1808), người cha xin được cho cậu vào học tại chủng viện Stadtkonvikt- một cơ sở đào tạo bậc trung học dành cho con em giới thượng lưu. Tuy không phải là trường đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp nhưng ngoài việc dạy văn hóa, trường đặc biệt chú trọng phát triển khả năng âm nhạc cho học sinh. Trường có dàn hợp xướng, có dàn nhạc giao hưởng nhỏ, có các nhóm nhạc thính phòng và các nhóm hát thường hay tổ chức tập luyện, biểu diễn nghệ thuật vào các buổi tối. Về chế độ ăn uống và sinh hoạt, đối với con em nhà giàu, việc ăn no mặc ấm là chuyện đơn giản, riêng với gia đình nghèo của Schubert, do gần như không có điều kiện đóng thêm tiền ăn nên đời sống của cậu bé tại trường rất đói khổ. Trong một bức thư gửi anh trai Ferdinand, Schubert viết: "*Chắc anh chẳng lạ gì những đứa học sinh như em thường muốn ăn thêm một ổ bánh mỳ và một hoặc hai quả táo sau mỗi bữa cơm đạm bạc, nhất là khi phải chờ tám tiếng rưỡi nữa mới tới bữa ăn còm cõi tiếp theo. Vài xu ít ỏi mà cha gửi cho em thường hết bay ngay ngày đầu tiên, và những ngày sau đó em phải làm gì? Kinh thánh có câu "Những người hy vọng sẽ không phải thất vọng", em rất tin điều đó. Nếu giả sử mỗi tháng anh gửi cho em*

vài đồng bạc, em nghĩ là anh sẽ không nhận thấy điều gì khác biệt trong ví tiền của mình, nhưng em thì sẽ sống vui vẻ thoải mái hơn nhiều trong tu viện này. Thánh Mathew cũng đã nói rằng: "Ai có hai chiếc áo ấm thì nên tặng một chiếc cho kẻ nghèo khổ". Trong khi chờ đợi, em tin là anh sẽ lắng tai nghe tiếng than thở không nguôi của người em Franz khốn khổ này, người luôn yêu quý và đặt niềm tin nơi anh". Suốt 5 năm học (từ năm 11 đến năm 16 tuổi), Schubert hầu như chỉ mặc bộ đồ kaki màu xám, phải nếm trải cái giá lạnh mỗi khi mùa đông đến, và vì cái đói luôn thường trực nên càng làm cái rét buốt tăng thêm, nhất là vào ban đêm trong căn phòng ký túc xá không có lò sưởi.

Trong điều kiện khó khăn như vậy, Schubert vẫn cố gắng học tập, môn toán luôn làm Schubert mệt mỏi, trái lại môn âm nhạc lại luôn đưa cậu bé vào thế giới riêng đầy say mê, quyến rũ. Ngoài vai trò là ca sĩ của đội hợp xướng, Schubert còn là một tay đàn violon nổi bật trong đội nhạc và thỉnh thoảng được chỉ định chỉ huy đội hợp xướng tập luyện nếu người phụ trách Joseph von Spaun vắng mặt. Thời học sinh, nguồn cảm hứng sáng tác của Schubert đã rất dồi dào, nhưng vì nhà nghèo quá nên cậu không có tiền để mua giấy chép nhạc. Schubert từng than rằng: "*Nếu có đủ giấy chép nhạc thì ngày nào tôi cũng soạn ca khúc*". Mến mộ tài năng của Schubert, người chỉ huy dàn nhạc Joseph von Spaun thường quan tâm "tài trợ" giấy chép nhạc cho cậu bé. Thực tế, trong những năm học tại trường nội trú, Schubert đã sáng tác rất nhiều khúc phóng tác cho đàn piano, 4 bản ouverture, nhiều tứ tấu và ca khúc,... Lẽ thường, khi đói và rét thì bản năng sinh tồn sẽ thôi thúc con người đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cơ thể, khó có thể nghĩ được điều gì khác, mà sáng tạo nghệ thuật- dạng lao động ở tầm cao trí tuệ- thì lại càng không. Vậy mà Schubert lại có thể sáng tác liên tục trong điều kiện thiếu thốn như thế. Có lẽ sự phi thường của bậc thiên tài đã vượt ra khỏi những quy luật thông thường của tạo hóa.

Tuy có những khó khăn thiếu thốn trong đời sống sinh hoạt nhưng nhìn nhận một cách khách quan, những năm tháng học tại Vienne có ảnh hưởng rất tích cực đến tư duy cũng như thẩm mỹ âm nhạc của nhạc sĩ thiên tài Schubert. Tại kinh đô âm nhạc của thế giới, Schubert- khi là người thưởng thức, khi trong vai trò người trực tiếp biểu diễn- được thẩm thấu những tinh hoa âm nhạc của nhân loại hiện hữu trong các tác phẩm kinh điển của Bach, Haydn, Mozart, Beethoven,... Schubert cũng từng được thụ giáo các nhạc sĩ giỏi như: V. Ruczizska (nhạc sĩ người Tiệp Khắc), Antonio Salieri (nhạc sĩ người Ý, nhà chỉ huy âm nhạc trong cung đình nước Áo, đối thủ của Mozart),... Những bậc thầy danh tiếng này đánh giá cao thiên khiếu của Schubert và có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển tài

năng của người nhạc sĩ trẻ tuổi. Người ta kể lại rằng Ruczizska nói về Schubert với sự thán phục: "*Hẳn Chúa đã dạy cậu ta trước rồi!*", còn Salieri từng nhận xét: "*Schubert là một thiên tài. Cậu ta có thể làm tất cả, sáng tác ca khúc, opera, tứ tấu cho đàn dây, bất cứ gì bạn muốn!*". Cũng nhờ thời gian sống và học tập tại Vienne, Schubert có thêm nhiều người bạn tốt, họ là những trí thức tương lai của nước Áo và hiểu thiên tài âm nhạc của Schubert. Sau này, một số người trở thành những người bạn thân thiết, hết mình động viên, giúp đỡ chàng nhạc sĩ nghèo từ chuyện cơm áo đến việc truyền bá nghệ thuật.

Năm 16 tuổi (1813), Schubert tốt nghiệp trường Stadtkonvikt. Theo ý nguyện và sự mong mỏi của gia đình, nhạc sĩ trở thành thầy giáo tại trường Tiểu học, nơi cha và anh mình đang giảng dạy. Ngoài thời gian dạy học, Schubert vẫn tiếp tục theo học sáng tác với thầy Salieri và thực hành viết nhạc. Năm 1815 là năm chàng nhạc sĩ 18 tuổi sáng tác rất dồi dào, với nhiều tác phẩm âm nhạc cho nhà thờ, hai bản giao hưởng và hàng trăm ca khúc mới ra đời. Cũng trong năm 1815, Schubert quen biết với các nhạc sĩ Anselm Huttenbrenner (1794-1868) và Franz von Schober (1796-1882), sau này trở thành những người bạn rất thân thiết, giúp đỡ Schubert hết mình.

Ngay từ những ngày đầu đi dạy, Schubert đã cảm thấy công việc của một giáo viên tiểu học hoàn toàn không thích hợp với tố chất của mình, và nhạc sĩ luôn cảm thấy rất khổ sở vì điều đó. Năm 1816, Schubert nghỉ dạy sau hơn hai năm theo nghề sư phạm không mấy thành công. Nguyên nhân mà Schubert bỏ nghề dạy học được kể lại trong câu chuyện mang tính giai thoại sau đây:

Một buổi sáng, Schubert vừa đi vừa nhẩm một giai điệu âm nhạc. Trong giấc ngủ chập chờn đêm qua, khi cảm nhận một nét nhạc thoáng qua, anh liền thức dậy và ghi nó lên bìa một cuốn sách trên bàn. Giờ đây giai điệu đó đang vang lên trong đầu, khiến Schubert cảm thấy rất phấn chấn trên đường đến trường.

Vào lớp học, Schubert nhắc lũ trẻ chuẩn bị sách vở môn toán để thực hiện một vài bài tập, anh cầm sách lên và định chép đề bài lên bảng. Giai điệu trên bìa sách hiện lên trước mắt Schubert, anh lẩm nhẩm khẽ đọc nó và chợt nghĩ, mình phải phát triển giai điệu này. Và thế là thay vì chép bài tập toán lên bảng, Schubert lại kẻ khuông nhạc và viết những nốt nhạc lên đó.

Lũ học trò nhỏ rất ngạc nhiên khi thấy thầy giáo dạy toán bỗng dưng kẻ khuông nhạc và mải miết ghi chép. Đầu tiên chúng yên lặng và tò mò nhìn người thầy giáo trẻ, rồi một vài đứa bắt đầu phá lên cười. Lát sau, những đứa nghịch ngợm tung cặp sách, trèo lên bàn mà hò reo. Nhưng dường như Schubert không nghe thấy gì, tâm trí anh đã hoàn toàn bị cuốn hút vào bản nhạc.

Nghe tiếng cười đùa, la hét, ông hiệu trưởng đang ngồi trong phòng mình vội đi ra cửa. Ông thấy một số đứa bé từ lớp học chạy ra chạy vào, đuổi nhau dọc hành lang. Vội tới lớp này, nhìn qua cửa sổ, ông rất đỗi ngạc nhiên khi thấy thầy giáo dạy toán Schubert đang mê mải chép nhạc trên bảng, lớp học thì vô cùng ồn ào, lộn xộn. Lại gần, ông kêu lên: "Thầy Schubert, thầy đang làm gì vậy?". Schubert giật mình quay ra, ngỡ ngàng vì sự có mặt của ông hiệu trưởng, anh bối rối và vội xoá những nốt nhạc chi chít trên bảng.

Cuối buổi học, Schubert được mời lên phòng hiệu trưởng, và thật đáng buồn, anh đã phạm phải một điều không thể tha thứ. Anh bị nhà trường cho thôi việc.

Câu chuyện trên có lẽ được các nhà văn xây dựng để phản ánh trạng thái khác thường của người nhạc sĩ thiên tài. Nhưng chắc hẳn, trước khi ra trường cũng như trong suốt thời gian làm nghề thầy giáo, Schubert đã phải đấu tranh nội tâm rất nhiều giữa đam mê, sở thích của mình với mong muốn, kỳ vọng của cha mẹ. Gia đình Schubert, trừ người mẹ làm nghề đầu bếp, các thành viên còn lại đều theo con đường sư phạm của người cha. Với lòng thương con, cha mẹ Schubert cũng như phần lớn những bậc phụ huynh khác thường chủ quan áp đặt những điều mà họ cho là tốt đẹp đối với con cái. Cho rằng nghề nhạc sĩ thời kỳ đó không nhiều đất sống, nên cha mẹ Schubert một mực hướng con sang một nghề nghiệp khác ổn định hơn, có vị thế xã hội hơn mà ít nghĩ đến tố chất, khả năng và sở thích, mong muốn của con cái. Sau khi rời bỏ trường Tiểu học, Schubert phải đối diện với thái độ thất vọng, xa lánh của gia đình. May mắn là ông được người bạn Franz von Schober, con trai một gia đình khá giả mời đến ở nhà mình. Schubert đã đến nương nhờ nhà người bạn tốt này trong thời gian khoảng 1 năm. Năm 1817, người cha của Schubert chuyển đến làm việc tại một ngôi trường khác. Dưới áp lực của gia đình, Schubert miễn cưỡng trở lại công việc giảng dạy, nhưng chỉ chưa đầy một năm sau, nhạc sĩ đã chính thức đoạn tuyệt với nghề giáo. Nhìn lại lịch sử âm nhạc, chúng ta thấy gia đình của nhạc sĩ thiên tài Handel, Schumann, Tchaikovsky,… cũng từng muốn con trai mình trở thành luật sư. Những bậc thiên tài ấy cũng gắng gượng làm hài lòng cha mẹ nhưng rồi sau một thời gian ngắn "nếm trải sự tẻ nhạt" của nghề nghiệp mà gia đình áp đặt, họ đều quyết định bỏ dở để đi theo tiếng gọi của "tình yêu" âm nhạc.

Sau khi thôi dạy học, Schubert sống nay đây, mai đó ở Vienne trong gia đình những người bạn tốt bụng và hào hiệp. Tại Vienne, qua người bạn Schober, Schubert kết bạn với Johann Michael Vogl (1768-1840), một nam danh ca giọng trầm người Áo lớn hơn nhạc sĩ gần 30 tuổi. Schubert rất yêu thích giọng ca của Vogl và đã viết nhiều bài hát dành cho giọng của ca sĩ này, ngược lại, Vogl là một

trong những người giới thiệu, truyền bá rất tích cực các tác phẩm của Schubert trong giới âm nhạc Vienne. Đây cũng là thời kỳ nở rộ trong sự nghiệp sáng tác của Schubert, nhạc sĩ viết nhiều bản giao hưởng, tác phẩm cho dàn hợp xướng, nhạc thính phòng và ca khúc, trong đó không ít tác phẩm được Schubert sáng tác một cách đầy ngẫu hứng trong không khí thân mật của tình bạn bè.

Có nhiều lời truyền tụng về nguồn cảm hứng dồi dào như suối chảy và thiên tài sáng tác cực nhanh của Schubert, rằng nhạc sĩ có thể sáng tác ở bất cứ đâu, bất cứ thời điểm nào, chẳng hạn như: lúc ngủ Schubert vẫn đeo cặp kính dày cộp để có thể viết nhạc khi bất chợt thức giấc; hoặc mỗi bài thơ Schubert chỉ đọc một đến hai lần rồi những giai điệu tương ứng lập tức bật ra chẳng có gì khó khăn; hay có ngày, Schubert đã viết liền một lúc 7-8 ca khúc; những ý nhạc cứ nối tiếp nhau xuất hiện khiến ông gần như không kịp chép ra,... Cần biết thêm rằng, về mặt giá trị nghệ thuật, các ca khúc của Schubert được đánh giá ngang hàng với những tác phẩm giao hưởng, nhạc kịch đỉnh cao của các nhạc sĩ thiên tài khác. Chỉ tính riêng trong năm 1818, Schubert đã sáng tác tới gần 150 ca khúc cùng nhiều tác phẩm thuộc các thể loại khác.

Năm 23 tuổi (1820) là một trong những năm thành công và may mắn của Schubert khi nhạc sĩ trẻ có hai vở nhạc kịch là *Die Zwillingsbruder* và *Die Zauberharfe* được công diễn tại Vienne. Tháng 3 năm 1821, trong một buổi hòa nhạc, ca sĩ Vogl đã trình diễn ca khúc *Der Erlkonig* của Schubert và được khán giả nhiệt liệt tán thưởng. Tuy những buổi hòa nhạc trên có khiến cho giới chuyên môn chú ý nhiều hơn đến Schubert nhưng điều đó chưa đủ để tạo nên chỗ đứng vững vàng cho nhạc sĩ trẻ trong lòng công chúng. Bởi vậy, thị trường xuất bản không mấy mặn mà với việc in ấn, phát hành các tác phẩm của Schubert, nếu có xuất bản thì cũng không thường xuyên và nhuận bút cũng rất rẻ mạt.

Trong giai đoạn 25 - 26 tuổi, Schubert sáng tác nhiều tác phẩm xuất sắc như giao hưởng *Bỏ dở* (1822); liên ca khúc *Cô thợ xay xinh đẹp, op. 25* [1] (1823),...

Năm 26 tuổi (1823), sức khỏe của Schubert giảm sút rõ rệt với những triệu chứng giống căn bệnh nhiễm độc thủy ngân. Bệnh tật khiến nhạc sĩ cảm thấy mệt mỏi, chán chường đến mức có lần ông từng nói với bạn bè rằng mình đang tới gần cái chết.

Năm 28 tuổi (1825) là một năm thuận lợi hơn đối với Schubert, các tác phẩm của ông được xuất bản nhiều hơn, điều đó đồng nghĩa với việc nhạc sĩ có được khoản nhuận bút khá hơn để trang trải cuộc sống. Cũng trong năm này ông khởi thảo *Giao hưởng số 9* và hoàn thành tác phẩm sau đó một năm.

Trong hai năm cuối đời (1827-1828), mặc dù sức khỏe suy giảm đáng kể nhưng Schubert vẫn hoàn thành nhiều tác phẩm có giá trị như: tập nhạc cho piano *Những khoảnh khắc âm nhạc, op. 94* (1822-1827); tập liên ca khúc *Con đường mùa đông* (1827), *Khúc hát thiên nga* (1827); *Ngũ tấu cho đàn dây cung Đô trưởng, op. 163* (1828); bản *Messa cung Mi giáng trưởng* (1828); một số bản sonate cho piano,...

Mùa xuân năm 1828, khoảng 8 tháng trước khi Schubert qua đời, người ta tổ chức một buổi hòa nhạc giới thiệu tác phẩm của ông nhằm quyên góp để trợ giúp nhạc sĩ nghèo đang đau yếu. Buổi biểu diễn rất thành công nhưng đáng tiếc là không một nhà phê bình âm nhạc nào đến dự.

Tháng 11 năm 1828, Schubert ốm nặng với các biểu hiện đau đầu, sốt cao, các khớp sưng phồng và nôn mửa. Trong giờ phút lâm chung, tác phẩm âm nhạc cuối cùng mà Schubert muốn được nghe là bản *Tứ tấu cho đàn dây No.14 cung Đô thăng thứ, op.131* của Beethoven. Schubert qua đời ngày 19 tháng 11 năm 1828 ở tuổi 31 tại thành phố Vienne trong căn hộ của người anh Ferdinand. Tài sản vật chất của Schubert được tìm thấy chỉ có vẻn vẹn 6 shilling (sáu xu) và rất nhiều bản thảo nhạc viết tay. Thực hiện di nguyện của Schubert, gia đình và bạn bè đã an táng nhạc sĩ tại nghĩa trang Währing, cạnh mộ phần của Beethoven- bậc thiên tài mà Schubert vẫn hằng ngưỡng mộ. Trên nấm mồ của Schubert, một người bạn của ông- nhà thơ Áo Franz Grillparzer đã ghi *"Thần chết đã đặt tại đây một kho tàng quý báu, nhưng còn quý báu hơn thế nữa là những hy vọng đẹp đẽ"*. Gần 50 năm sau, năm 1872, một tượng đài tưởng niệm Schubert được xây dựng trong *Công viên Thành phố Vienne.* Năm 1888, người ta đã chuyển ngôi mộ của Schubert và Beethoven đến nghĩa trang Zentralfriedhof- một trong những nghĩa trang lớn nhất thế giới- nơi họ được yên nghỉ bên cạnh những nhạc sĩ thiên tài khác như: Johann Strauss II, Johannes Brahms,... Còn nghĩa trang Währing đã trở thành *Công viên Schubert* kể từ năm 1925.



Tượng đài Schubert tại *Công viên Thành phố Vienne*

Quay lại với cuộc đời của Schubert, có thể nói ông là một trong những nhạc sĩ có số phận long đong, vất vả nhất trong các nhà soạn nhạc thiên tài. Thời thơ ấu, gia đình Schubert vốn nghèo khó; khi học nội trú ở Vienne, cậu học trò Schubert luôn phải chịu cảnh đói rét; đến tuổi trưởng thành, dù là một thiên tài sáng tác nhưng Schubert đã không may mắn tìm được một công việc ổn định

trong đời sống âm nhạc sôi động ở Vienne, có một vài may mắn lẻ tẻ đến với Schubert nhưng không thể giúp ông cải thiện cuộc sống cơ cực,... Giai thoại được kể lại sau đây phần nào phản ánh hoàn cảnh khốn khổ của nhạc sĩ Schubert:

Mùi thơm sực mũi từ một quán ăn nhỏ ở thủ đô Vienna nước Áo liên tục bay ra. Đó là mùi thơm của rượu hòa quyện với mùi thơm của thịt. Ngoài ra, còn có thể ngửi thấy hương thơm dễ chịu của các món rau củ, thật là hấp dẫn. Nó quyến rũ người ta một cách mạnh mẽ. Đến lúc đó, Schubert mới sực nhớ ra là mình đang mệt mỏi và suốt cả ngày chưa được ăn gì. Sờ khắp các túi áo đều trống rỗng, nhạc sĩ chỉ còn biết mỉm cười buồn bã. Cùng lúc đó, nhạc sĩ chợt phát hiện thấy mình đang bước vào cửa quán ăn, ông liền ngồi bẹp xuống một chiếc ghế. Trên bàn ăn có một tờ báo, và bỗng một bài thơ ngắn lọt vào tầm nhìn của nhạc sĩ. Vừa liếc đọc qua bài thơ rất hay đó, lập tức nó chuyển thành những giai điệu trong đầu Schubert. Theo thói quen, nhạc sĩ liền lấy bút ra phổ nhạc bên lề tờ báo và hát lên khe khẽ. Người chủ quán nghe giai điệu của bài hát rất hay nên chủ động bước tới gần lắng nghe. Lúc bấy giờ, một ý nghĩ thoáng hiện ra trong đầu, Schubert liền hỏi người chủ quán có thích bài hát đó không. Ông ta trả lời rất thích, vậy là Schubert bảo ông ta hãy cầm lấy nhưng phải mang cho Schubert một phần khoai tây. Lúc đầu, người chủ quán có vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng khi hiểu ra Schubert muốn nói gì thì chấp thuận ngay. Sau khi Schubert qua đời, tiếng tăm của thiên tài này mới nổi như cồn. Và khi thi hài ông đã được đem chôn cạnh mộ thần tượng Beethoven như ước nguyện của ông thì "Bài hát ru" mà ông đổi lấy một đĩa khoai tây tại quán ăn nhỏ đó đã được đưa lên bán đấu giá ở Paris với giá cao nhất là 40 000 franc.

Cả cuộc đời Schubert không khi nào thoát ra khỏi cái nghèo khó, thiếu thốn về vật chất. Khi Schubert còn sống, phần lớn những tác phẩm của ông không được xuất bản, chúng cũng không có điều kiện được vang lên trong các buổi hòa nhạc lớn. Nhiều bản thảo viết tay được lưu truyền trong tay của bạn bè và những người yêu thích âm nhạc của Schubert. Bằng các mối quan hệ và sự nhiệt tình, những người bạn cầm bản thảo của Schubert đi gõ cửa khắp nơi. Nhờ đó, một số tác phẩm của Schubert cũng được xuất bản nhưng khoản thù lao nhuận bút mà ông nhận được chẳng đáng là bao. Cả cuộc đời, Schubert không thể thuê cho mình một chỗ ở ổn định, dẫu là một căn nhà trọ tồi tàn nhất. Một cây đàn piano- phương tiện làm việc tối quan trọng của người nhạc sĩ- thì đối với Schubert là một thứ tài sản rất xa xỉ và suốt đời ông luôn phải đi mượn đàn để sáng tác.

Trong hoàn cảnh chật vật kiếm sống bằng nghề âm nhạc, nếu là người bình thường hoặc tầm thường, người ta rất có thể sẽ quay lại với nghề mà cha mẹ sắp

đặt trước đây, để mong có điều kiện vật chất và cuộc sống ổn định theo lẽ thông thường. Tuy nhiên, cuối cùng Schubert đã không làm như thế, những nhạc sĩ thiên tài khác như Handel, Schumann hay Tchaikovsky cũng không làm như vậy. Và chúng tôi cũng chưa đọc được một tài liệu nào nói đến sự nao núng, hối hận của bậc thiên tài nào trước con đường âm nhạc mà mình đã chọn. Thế họ mới có thể làm nên những điều phi thường, trở thành những vĩ nhân và được cả nhân loại nhắc đến tên với lòng ngưỡng mộ.

Nếu nhìn lại, cái "được" nhất trong cuộc đời Schubert chính là những người bạn tốt. Những tình bạn đẹp là niềm an ủi rất lớn trong tổng thể số phận hẩm hiu của Schubert. Nhóm bạn bè của Schubert là những trí thức tiến bộ, nhiệt thành, có lý tưởng và cũng là những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, ca sĩ,... tài năng. Họ thường gặp gỡ nhau để giới thiệu, bình luận những tác phẩm mới của mình. Họ cũng thường dùng các mối quan hệ cá nhân của mình hết lòng truyền bá các tác phẩm của Schubert. Những người bạn ấy còn tìm đến các thi sĩ danh tiếng mà Schubert đã từng mượn ý thơ để sáng tác ca khúc với mục đích nhờ họ góp thêm tiếng nói cho tác phẩm của Schubert. Ngoài ra, họ còn tìm cách thuyết phục các nhà xuất bản cho in tác phẩm của Schubert. Sau một thời gian kiên trì, bền bỉ, những cố gắng nỗ lực không mệt mỏi ấy cũng đạt được những kết quả nhất định: âm nhạc của Schubert dần dần được biết đến trong các gia đình trí thức ở Vienne và các địa phương lân cận; một số tác phẩm của Schubert được xuất bản; vài buổi biểu diễn giới thiệu tác phẩm của Schubert cũng được tổ chức tại các nhà hát danh tiếng ở Vienne. Tuy nhiên, những cố gắng của Schubert và những người bạn đã không hội đủ điều kiện để tạo nên bước đột phá, lý do chính có lẽ là những khó khăn về tài chính và thiếu một chiến lược tổng thể, nên đã không mang lại nhiều kết quả như mong muốn. Nhưng điều đó hoàn toàn logic với tình cảm bạn bè trong sáng, nhiệt tình và cao đẹp, cũng như "chất nghệ sĩ" trong mỗi con người ấy.

Schubert chưa từng lập gia đình bởi nhiều lý do khác nhau. Theo miêu tả, Schubert không phải là mẫu người hấp dẫn phái đẹp với ngoại hình không có gì nổi bật, tính cách nhút nhát, hoàn cảnh kinh tế quá nghèo và không có một công việc ổn định. Theo các nhà nghiên cứu, Schubert từng có tình cảm khá sâu nặng với Therese Grob, ca sĩ giọng nữ cao trong dàn hợp xướng của nhà thờ Lichtental. Tháng 7 năm 1914, trong lễ kỷ niệm 100 năm nhà thờ Lichtental, Schubert 17 tuổi là người trực tiếp chỉ huy tác phẩm của mình- bản *Messa cung Fa trưởng, D.105* và Grob là người lĩnh xướng với giọng hát rất trong trẻo và cuốn hút. Trong năm 1816, Schubert gửi tặng Grob 17 ca khúc qua người em trai của cô là nghệ sĩ piano và violon tài năng Heinrich. Tập bản thảo này đã được gia đình Grob lưu

giữ, đến thế kỷ XX mới chính thức công bố. Năm 1854, tức là 26 năm sau khi Schubert qua đời, người bạn Anselm Huttenbrenner của ông có gửi cho nhạc sĩ thiên tài F. Liszt một bức thư kể lại những tâm sự tình yêu của Schubert để Liszt viết truyện ký về cuộc đời nhạc sĩ thiên tài này:

Đây là câu chuyện riêng mà Schubert thổ lộ với tôi khi chúng tôi cùng đi dạo trên một bãi cỏ xanh. Tôi hỏi anh vì sao cho tới nay vẫn chưa yêu một cô gái nào? Vì tôi cho rằng hình như anh là chàng trai có tâm trạng ghét các cô gái. "Ồ không!" Schubert vội vàng lên tiếng phủ nhận và nói: "Tôi từng thầm yêu một cô gái, và dường như cô ấy cũng yêu tôi. Cô ấy là con gái một ông thầy giáo dạy ở trường cũ của tôi, cô ấy trẻ hơn tôi. Trong bản Messa của tôi, cô ấy lĩnh xướng với giọng nữ cao hết sức êm đẹp. Mặc dù mặt cô ấy bị rỗ, không phải là một tuyệt thế giai nhân, nhưng cô ấy có một trái tim lương thiện, một tình yêu sâu sắc. Ba năm liền cô ấy chờ đợi tôi cưới cô, nhưng thật đáng tiếc vì tôi không thể có được một nghề nghiệp và thu nhập ổn định để hai người yên tâm sinh sống. Do vậy, cô ấy bị cha mẹ ép gả cho người khác. Chuyện đó làm tôi hết sức đau khổ. Cho đến nay, tình yêu với cô ấy trong tim tôi vẫn chưa phai nhạt. Kể từ đó, tôi chưa yêu một cô gái nào khác đến như vậy".

Schubert ra đi để lại rất nhiều điều dang dở, nhiều tác phẩm của ông chưa được hoàn thành, có rất ít tác phẩm được xuất bản và được dàn dựng khi ông còn sống, nhiều bản thảo chép tay của Schubert phân tán trong tay người thân, bạn bè và các nhà xuất bản. Đến thời kỳ của Mendelssohn và Liszt, tức là khoảng hơn 10 năm sau khi nhạc sĩ mất, người đời mới dần hiểu được giá trị thực sự và bắt đầu công cuộc khám phá kho tàng tác phẩm vĩ đại của Schubert.

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Cuộc đời của Schubert tuy chỉ có 31 năm ngắn ngủi nhưng ông để lại hàng ngàn tác phẩm có giá trị ở nhiều thể loại khác nhau như: giao hưởng, thanh nhạc, thính phòng, piano,...

Trong lĩnh vực giao hưởng, Schubert viết 10 bản giao hưởng trong đó 7 bản đầu tiên có ảnh hưởng của giao hưởng thời kỳ cổ điển được sáng tác dàn trải từ năm 1813 đến năm 1821.

Giao hưởng số 8 (còn gọi là bản *Giao hưởng Bỏ dở*) là một tuyệt tác đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử âm nhạc, đó là khuynh hướng sáng tác mới mà sau này người ta gọi là *chủ nghĩa âm nhạc lãng mạn*. Gọi là *Bỏ dở* vì đây là bản giao hưởng duy nhất trong lịch sử âm nhạc chỉ có 2 chương, khác với truyền thống liên khúc sonate-giao hưởng cổ điển thường gồm 3-4 chương. So với cấu trúc giao hưởng thời kỳ cổ điển, bản giao hưởng số 8 của Schubert còn có một số

điểm khác biệt cơ bản như: cấu trúc giai điệu, tiết tấu, hòa thanh,... của toàn bộ tác phẩm rất gần gũi với thể loại ca khúc; cả hai chương đều có màu sắc trữ tình; chủ đề 1 và chủ đề 2 gần như không có sự tương phản về chất liệu âm nhạc mà chỉ khác nhau về điệu tính; giữa chủ đề 1 và chủ đề 2 không có đoạn nối,... Bản nhạc được trình diễn lần đầu năm 1865, tức là gần 40 năm sau khi tác giả qua đời.

Về *Giao hưởng số 9* cung Đô trưởng của Schubert, thường được biết đến với cái tên *The Great* gồm 4 chương. Suốt một thời gian dài, người ta đã nhầm tưởng rằng *The Great* được Schubert sáng tác năm 1828, năm cuối cùng trong cuộc đời nhạc sĩ. Sự thật là trong những tháng cuối đời, Schubert có viết một tác phẩm giao hưởng ở cung Rê trưởng (tạm gọi là *Giao hưởng số 10*) nhưng không kịp hoàn thành. Còn *Giao hưởng số 9* được Schubert bắt đầu phác thảo mùa hè năm 1825 và hoàn thành khoảng một năm sau đó. Do không có đủ tiền trả cho một buổi biểu diễn giới thiệu tác phẩm, tháng 10 năm 1826, Schubert gửi tặng bản nhạc này cho Gesellschaft der Musikfreunde (*Hội Những người bạn của âm nhạc*) ở thủ đô Vienne. Đáp lại, họ gửi cho nhạc sĩ một khoản tiền nhỏ và tổ chức một buổi biểu diễn nhỏ khoảng nửa cuối năm 1827, mặc dù tác phẩm này quá dài và quá khó đối với dàn nhạc nghiệp dư của họ. Hơn 10 năm sau (1838), trong một lần đến Vienne, Schumann đã tìm thấy bản thảo viết tay cũ kỹ của *Giao hưởng số 9* và mang về Leipzig. Năm 1839, tuyệt phẩm này lần đầu tiên được vang lên trong một buổi hòa nhạc lớn dưới chiếc đũa chỉ huy tài tình của nhạc sĩ lỗi lạc người Đức F. Mendelssohn.

Trong mảng sáng tác cho thanh nhạc, người ta thường nhắc nhiều đến gia tài lớn với hơn 600 ca khúc giá trị của Schubert. Có thể kể đến các tập liên ca khúc *Cô thợ xay xinh đẹp, Con đường mùa đông, Khúc hát chim thiên nga,...* mà Schubert phổ thơ của các thi sĩ nổi tiếng như Goethe, Muller, Schiller, Heine, Renxtap, Schober... Rất nhiều ca khúc của Schubert ngày nay được xem là những tuyệt tác bất hủ như *Serenade*, *Ave Maria*, *Con cá floren*, *Nàng Margarita bên xa quay sợi, Thần chết và cô gái*,... Ca khúc của Schubert không đơn giản chỉ có một bè giai điệu như chúng ta thường thấy mà còn có cả bè đệm cho đàn piano rất hoàn chỉnh, thường khắc họa một phần nội dung âm nhạc qua phần nhạc dạo; kế đến, bè đệm vừa có tác dụng nâng đỡ, chắp cánh cho giai điệu, vừa thể hiện, phát triển những ý tưởng mà giai điệu và lời ca chưa thể nói hết được. Có thể nói, bè đệm trong ca khúc của Schubert có vai trò gần như vai trò của dàn nhạc giao hưởng trong các vở opera của Haydn, Gluck, Mozart,.... Mặt khác, giai điệu các ca khúc của Schubert rất đẹp và sau này thường được chuyển soạn cho nhiều loại nhạc cụ độc tấu và dàn nhạc hòa tấu. Một vài điều nêu trên cũng đã đủ để thấy

rằng việc tôn vinh Schubert là "Ông vua ca khúc" quả rất xứng đáng. Trong một số cuốn Từ điển Bách khoa âm nhạc toàn thư của Pháp có nhắc đến giai thoại về cuộc gặp gỡ giữa Beethoven và Schubert, trong đó Beethoven đã bày tỏ ước mơ có thể viết được những ca khúc hay như Schubert.

Trong lĩnh vực nhạc thính phòng, Schubert sáng tác nhiều thể loại hòa tấu khác nhau như: tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu, hòa tấu 8 nhạc cụ,... Trong số này, Schubert có những bản hòa tấu nhạc cụ dựa trên giai điệu các ca khúc của chính mình như: tứ tấu *Thần chết và cô gái,* ngũ tấu *Con cá floren,...*

Trong lĩnh vực piano, Schubert viết 22 bản sonate (trong đó 7 bản còn dang dở), nhiều bản fantasia, biến tấu và nhiều tiểu phẩm piano,... Trong số này, người ta thường nhắc tới bản fantasia *Người phiêu lãng* với cấu trúc đặc biệt là liên khúc 4 chương nhưng được biểu diễn liên tục không ngừng nghỉ. Tác phẩm này sử dụng một số nguyên tắc của hình thức sonate và liên khúc sonate cổ điển, thêm vào đó tính biến tấu, tính tùy hứng,... của thể loại fantasia tạo nên tiền lệ cấu trúc kiểu một chương- về sau trở thành mẫu mực của trường phái âm nhạc lãng mạn. Ngoài ra, người chơi piano cũng thường biết đến tập *Moments musicaux* của Schubert. *Moments musicaux op. 94* tạm dịch là *Những khoảnh khắc âm nhạc* hay *Những phút giây âm nhạc* là tập nhạc gồm 6 khúc nhạc rất đặc sắc mà Schubert sáng tác trong giai đoạn 1823-1827.

Dường như thiên tài âm nhạc Schubert sinh ra trên đời là để thực hiện sứ mệnh sáng tạo, ông đã viết ra biết bao tác phẩm bất hủ trong điều kiện cuộc sống vật chất thiếu thốn nhất. Có lẽ ngàn đời sau, những người yêu nhạc trên khắp thế giới vẫn phải kính cẩn nghiêng mình trước tài năng âm nhạc Schubert.

**** Chú giải:***

[1] *Op.* là ký hiệu viết tắt của từ *Opus* (tiếng Latin có nghĩa là: *tác phẩm, cụm tác phẩm, công trình sáng tác*). *Opus* thường viết bên cạnh tên của tác phẩm và được đánh số thứ tự, ví dụ: tập nhạc viết cho piano *Moments musicaux op. 94* (1822-1827) hay *Ngũ tấu cho đàn dây cung Đô trưởng, op. 163* (1828),... Việc đánh số cho các tác phẩm âm nhạc được khởi đầu từ thế kỉ XVIII, do các nhà xuất bản hoặc tác giả đặt ra, thường đánh số theo trình tự ra đời của các tác phẩm. Sự nghiệp sáng tác của mỗi nhà soạn nhạc thiên tài thường lên tới con số hàng ngàn tác phẩm, còn nếu tính riêng từng thể loại nhỏ như: prélude, polonaise, valse, march,... cũng có tới hàng chục, hàng trăm bản. Bởi vậy, việc đánh số opus đặc biệt quan trọng, là dấu hiệu dễ thấy để phân biệt nhiều tác phẩm hoặc cụm tác phẩm với nhau. Ngoài ra, chúng ta còn có thể gặp ký hiệu *op. posthume* có nghĩa là *tác phẩm* (hoặc *cụm tác phẩm*) *xuất bản sau khi tác giả qua đời.*

Trích đoạn

SERENADE

Schubert

Andante

* *Serenade* (giọng Rê thứ) là một ca khúc nổi tiếng của Schubert. Bản nhạc trên được biên soạn cho piano ở trình độ đơn giản dựa trên một phần giai điệu của ca khúc đó.

Trích đoạn

IMPROMPTU

Op.142, no.3

Andante

Schubert

p

mf

dim.

poco rit.

p

a tempo

p

pp

dim.

* Bản nhạc trên được biên soạn dựa trên tác phẩm cùng tên nổi tiếng của Schubert nhưng đã lược bớt cho dễ chơi hơn.

Trích đoạn

MOMENT MUSICALE

Op. 94, no. 3

Allegro moderato

Schubert

Fine

mp

* Bản nhạc trên được biên soạn giản lược dựa trên bản số 3 trong tập *Những khoảnh khắc âm nhạc* (*Moments musicaux, Op.94*) của Schubert. Bản nhạc gốc *Moment musicale no.3* viết ở giọng Fa thứ.

VALSE

Moderato

Schubert

TROUT QUINTET

Chủ đề

Andantino

Schubert

mf

PIANO TRIO IN E FLAT

Chủ đề

Andante

Schubert

dim.

pp

mf

p

mp

dim.

p

mf

cresc.

poco rit.

THE UNFINISHED SYMPHONY

Chủ đề

Schubert

Allegro moderato

p

dim.

dim.

rit.

* Bản nhạc trên là giai điệu chủ đề trích trong *The unfinished symphony* (*Giao hưởng Bỏ dở*), bản giao hưởng số 8 nổi tiếng của Schubert.

SYMPHONY No. 9

Chủ đề

Andante

Schubert

pp

dim.

pp

pp

pp

rit.

VALSE NO. 6

Op. 18 - D.145

Schubert

pp

cresc.

mf

p

mf

p

pp

mf

SCHERZO IN Bb

Schubert

Allegretto

p

pp

sfz

cresc. molto

L. H.

decresc.

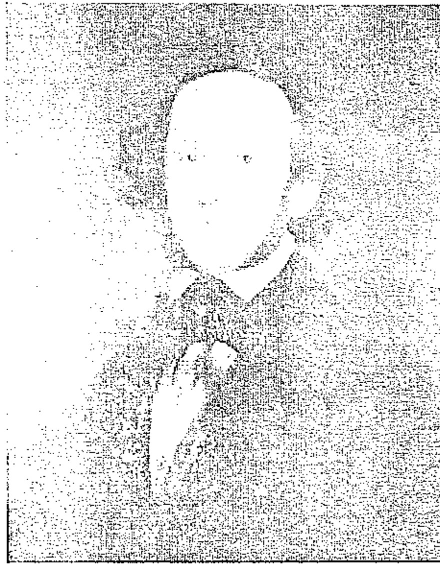
L. H.

R.H.

L.H.

Fine

FELIX MENDELSSOHN
(1809-1847)



Felix Mendelssohn (F. Men-đen-xon) là nhà soạn nhạc nổi tiếng thế giới người Đức thuộc trường phái lãng mạn; ông đồng thời là nhà chỉ huy dàn nhạc xuất sắc; nghệ sĩ đàn piano, đàn organ, đàn violon điêu luyện; nhà quản lý, đào tạo tài năng. Ngoài ra, Mendelssohn cũng rất nổi bật trong vai trò nhà hoạt động truyền bá âm nhạc, góp phần phát hiện và làm sống lại rất nhiều tác phẩm kinh điển của nhiều nhạc sĩ thiên tài tiền bối như Bach, Handel, Mozart, Beethoven, Schubert,... Tâm huyết nghề nghiệp và tài năng lỗi lạc của Mendelssohn đã đóng góp đáng kể cho quá trình đổi mới âm nhạc nước Đức nói riêng, âm nhạc thế giới nói chung.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Mendelssohn (tên đầy đủ *Jakob Ludwig Felix Mendelssohn Bartholdy*) sinh ngày 03 tháng 02 năm 1809 tại thành phố cảng Hamburg nước Đức. May mắn hơn Schubert và nhiều nhạc sĩ thiên tài khác, Mendelssohn xuất thân trong một gia đình trí thức giàu có. Ông nội của Mendelssohn là nhà triết học nổi tiếng Moses Mendelssohn (1729-1786). Người cha của Mendelssohn- ông Abraham là chủ một ngân hàng lớn, một nhà trí thức có tầm nhìn rộng lớn, khoáng đạt, còn người mẹ là một học giả có kiến thức uyên bác, biết nhiều ngoại ngữ, có khiếu hội họa, am hiểu âm nhạc và biết chơi piano. Vợ chồng ông Abraham sinh được bốn người con, người con gái đầu Fanny đi theo con đường âm nhạc và trở thành một nghệ sĩ piano danh tiếng. Felix Mendelssohn là con thứ hai, cậu em trai Paul và cô em gái Rebecka đều có năng khiếu âm nhạc. Sinh trưởng trong một gia đình như

vậy, Mendelssohn không những có một mái ấm gia đình hoàn hảo, có môi trường âm nhạc từ tuổi ấu thơ, có điều kiện tối ưu về vật chất,... mà hơn thế, ông còn được tiếp nhận một nền giáo dục đa dạng và bài bản. Sớm phát hiện năng khiếu âm nhạc thiên bẩm của Mendelssohn, chính người mẹ đã dạy cho con trai mình chơi những bản piano đầu tiên ở tuổi lên 6. Năm 7 tuổi, Mendelssohn được học piano với Ludwig Berger và học lý thuyết âm nhạc với Karl Zelter là những bậc thầy tên tuổi đương thời,... Ở tuổi lên 9, Mendelssohn đã có buổi biểu diễn đầu tiên trước công chúng. Ngoài tài năng chơi piano, Mendelssohn còn rất giỏi đàn violon, đàn organ và sớm bộc lộ tài năng sáng tác. Mendelssohn bắt đầu sáng tác từ năm lên 10 tuổi và đến năm 11 tuổi, cậu đã có 1 bản tam tấu cho piano và đàn dây, 1 bản sonata cho piano và violon, 4 bản đàn organ, 1 vở nhạc kịch nhỏ theo phong cách hài hước và 1 bản cantata của riêng mình. Năm 12 tuổi, Mendelssohn sáng tác 5 bản tứ tấu đàn dây, 9 bản fuga, một số bản nhạc cho piano và 2 vở nhạc kịch nhỏ. Năm 13 tuổi, Mendelssohn trình diễn trước công chúng một bản concerto cho piano do chính mình sáng tác và có một bản tứ tấu cho piano được xuất bản.

Tuy Mendelssohn đã gặt hái được một số thành công nhất định, nhưng cha cậu vẫn chưa chắc chắn liệu con trai mình có thể có cuộc sống đầy đủ nhờ âm nhạc. Vậy nên mùa xuân năm 1825, khi Mendelssohn 16 tuổi, ông Abraham đã đưa con trai đến Paris để xin ý kiến của nhà soạn nhạc nổi tiếng người Ý Luigi Cherubini- giám đốc Nhạc viện Paris. Cherubini đã hết lời khen ngợi bản *Tứ tấu cho piano số 3 cung Si thứ* của Mendelssohn và quả quyết rằng: "*Thực tế cậu ấy đã rất thành công và tương lai cậu ấy sẽ còn gặt hái nhiều thành công hơn nữa*".

Năm 17 tuổi, Mendelssohn đã thể hiện thiên tài sáng tác của mình với khúc mở màn (ouverture) cho vở kịch *Giấc mộng đêm hè* nổi tiếng mọi thời đại.

Không phải ngẫu nhiên mà Mendelssohn được nhạc sĩ- nhà lý luận phê bình thiên tài Robert Schumann (1810-1856) tôn vinh là "Mozart của thế kỷ XIX". Schumann vốn là người bạn thân của Mendelssohn, sự tôn vinh có lẽ cũng có một phần cảm tính, tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận khách quan rằng, trước 20 tuổi, trừ Mozart, phần lớn các nhạc sĩ thiên tài thường chưa có những tác phẩm thực sự xuất sắc. Điều đó tất nhiên không phản ánh tài năng cao thấp của mỗi nhạc sĩ, nhưng rõ ràng sự thành công sớm của những cá nhân xuất chúng thường phụ thuộc nhiều yếu tố, nhất là hoàn cảnh gia đình. Các nhạc sĩ thiên tài như Bach, Haydn, Beethoven, Schubert,... đều xuất thân trong gia đình nghèo khó, học hành không có hệ thống, cũng không được định hướng một cách bài bản từ nhỏ. Khi trưởng thành, họ phải vật lộn với cuộc sống mưu sinh và những khó khăn trong

cuộc sống đời thường cản trở không nhỏ đến sức sáng tạo của mỗi nhạc sĩ. Mendelssohn may mắn hơn nhiều nhà soạn nhạc khác là được sinh trưởng và phát triển trong một môi trường hoàn hảo, cha mẹ hết lòng yêu thương, chăm sóc và giáo dục con cái trong một điều kiện vật chất đầy đủ. Mặc dù Mendelssohn sớm bộc lộ tư chất của một thần đồng âm nhạc nhưng cha mẹ của cậu vốn là những người có hiểu biết sâu xa nên họ rất thận trọng và có định hướng giáo dục một cách bài bản, khoa học. Bên cạnh đó, không khí tri thức bao trùm trong gia đình đã có ảnh hưởng rất tích cực đến thiên tư xuất chúng của cậu bé Mendelssohn hiếu học. Khi Mendelssohn 2 tuổi (1811), cả gia đình cậu chuyển đến thành phố Berlin- trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học của nước Đức. Phòng khách nhà Mendelssohn tại Berlin là nơi đàm đạo thường xuyên của các nhà trí thức lỗi lạc như Hegel (nhà triết học), Goethe, Heiner (nhà thơ); Weber, Paganini, Hummel (nhạc sĩ),... Nhờ đó, Mendelssohn được tiếp nhận kiến thức tổng hợp một cách hoàn toàn tự nhiên mà không hề khiên cưỡng. Những nhà trí thức Berlin cũng là khán giả thưởng thức những sáng tác của cậu bé Mendelssohn trong các buổi hòa nhạc được dàn dựng và biểu diễn ngay tại gia đình, qua đó mà nhạc sĩ nhí có thể nhìn nhận khách quan về tác phẩm của mình và rút kinh nghiệm để nhanh chóng định hình phong cách và tài năng sáng tác từ rất sớm. Bên cạnh việc học âm nhạc, cha mẹ Mendelssohn đã định hướng để cậu từng bước tiếp cận với những môn khoa học và nghệ thuật cần thiết như toán học, văn học, ngôn ngữ, hội họa,... Ngoài năng khiếu âm nhạc nổi bật, Mendelssohn còn am hiểu văn học cổ điển; thông thạo tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Latinh và có khả năng vẽ tranh màu nước rất đẹp. Những điều kiện hoàn hảo đó đã giúp nhà soạn nhạc Mendelssohn nhanh chóng nổi danh khắp châu Âu, sớm hơn rất nhiều những nhạc sĩ thiên tài cùng thời như R. Schumann (1810-1856), F. Chopin (1810-1849) và F. Liszt (1811-1886),.... Và những kiến thức được tiếp nhận một cách khoa học và hệ thống cũng góp phần quan trọng hun đúc nên một "cát tinh" cho nền âm nhạc thế giới sau này.

Từ năm 17 tuổi đến 20 tuổi (1826-1829), Mendelssohn theo học ngành lịch sử và triết học tại Đại học Berlin với nhà triết học nổi tiếng thế giới Georg Friedrich Hegel (1770-1831).

Rời khỏi Đại học Berlin, sự nghiệp âm nhạc của Mendelssohn dần dần tỏa sáng rực rỡ qua những chuyến lưu diễn đến khắp các thành phố lớn của châu Âu. Thiên tài âm nhạc của Mendelsson không chỉ bộc lộ trong lĩnh vực sáng tác, biểu diễn nhạc cụ mà còn thể hiện một cách xuất sắc trong lĩnh vực chỉ huy dàn nhạc, phê bình âm nhạc, quản lý, đào tạo,....

Tháng 4 năm 1829, theo lời khuyên của cha, Mendelssohn đến Anh và khởi đầu bằng một buổi hòa nhạc trình diễn bản giao hưởng số 1 do chính ông sáng tác và trực tiếp chỉ huy. Buổi hòa nhạc đầu tiên của Mendelsson tại nước Anh thành công rực rỡ, được đông đảo công chúng đón nhận và nhận được rất nhiều lời ngợi ca từ giới phê bình âm nhạc. Khởi đầu thuận lợi ấy đã tạo cơ hội cho Mendelssohn sau này có tới 9 lần quay lại biểu diễn phục vụ khán giả xứ sở sương mù. Mendelssohn cũng từng được mời đến cung điện Buckingham biểu diễn cho Nữ hoàng Victoria và phu quân- Hoàng tử Albert- vốn là những người rất hâm mộ âm nhạc của chàng nhạc sĩ trẻ. Những buổi hòa nhạc tại nước Anh không những đưa tên tuổi của Mendelssohn vang danh khắp châu Âu mà còn mang lại cuộc sống vật chất đầy đủ cho nhạc sĩ- điều mà hẳn khiến cha ông yên tâm cho tương lai con trai mình. Tại Anh, ngoài hoạt động sáng tác và biểu diễn, Mendelssohn còn viết những bài phê bình lý luận về các bản oratorio của Handel và tác phẩm cho đàn organ của Bach.

Từ tháng 8 năm 1830, Mendelssohn thực hiện một chuyến lưu diễn kéo dài khoảng hai năm từ Đức qua các nước Áo, Ý, Pháp, Thụy Sĩ, Anh... và ở đâu, nhạc sĩ cũng được khán giả chào đón rất nồng nhiệt. Những cảm xúc và ấn tượng mạnh mẽ về thiên nhiên, con người những nơi Mendelssohn từng đi qua cũng được ghi lại trong nhiều tác phẩm âm nhạc của ông, có thể kể đến khúc ouverture nổi tiếng *The Hebrides* op. 26 (còn có tên gọi khác là *Động Fingal*); *Giao hưởng Scotland* lấy cảm hứng từ chuyến đi đến Scotland hay bản giao hưởng số 4 (còn gọi là *giao hưởng Italian*) giọng La trưởng, op. 90 ghi lại cảm xúc của nhạc sĩ khi đến nước Ý,... Cũng trong những chuyến đi này, Mendelssohn có dịp gặp gỡ với các thiên tài âm nhạc của thế giới như H. Berlioz (tại thành phố Roma nước Ý), hay F. Liszt và Chopin (tại Paris nước Pháp),...

Năm 1833, với vai trò là giám đốc âm nhạc ở Dusseldorf, Mendelssohn chỉ huy Festival âm nhạc vùng hạ lưu sông Rhine, mở đầu bằng bản oratorio *Israel in Egypt* của Handel. Tác phẩm này chưa từng được trình diễn ở bất cứ đâu ngoại trừ Berlin, và tại Festival âm nhạc hạ lưu sông Rhine, nó đã được giới thiệu tới đông đảo công chúng và nhận được sự tán thưởng nồng nhiệt.

Năm 1835, Mendelssohn đến Leipzig đảm nhận chức chỉ huy dàn nhạc Gewandhaus, từ đây mở ra một thời kỳ hoạt động sôi nổi và tích cực của Mendelssohn cho nền âm nhạc tại thành phố Leipzig nói riêng, nền âm nhạc nước Đức nói chung. Trên cương vị mới, Mendelssohn tập trung gần như toàn bộ thời gian và tâm sức cho việc dàn dựng, chỉ huy những tác phẩm âm nhạc kinh điển.

Ngày 28 tháng 03 năm 1837, chàng nhạc sĩ Mendelssohn 28 tuổi kết hôn cùng tiểu thư 17 tuổi Cecile Jeanrenaud- con gái một mục sư tin lành người Pháp.

Ngày 02 tháng 04 năm 1843, với sự cộng tác của nhiều nhạc sĩ tên tuổi, Mendelssohn thành lập Nhạc viện Leipzig và trở thành vị Giám đốc đầu tiên của nhạc viện này.

Cũng vào năm 1843, Mendelssohn chính thức hoàn thành phần âm nhạc cho toàn bộ vở kịch *Giấc mộng đêm hè, op. 61* mà trước đó 17 năm ông đã viết khúc mở màn nổi tiếng.

Năm 1844, Mendelssohn liên tục di chuyển giữa hai thành phố Leipzig và Berlin để triển khai nhiều công việc khác nhau như: chỉ huy các buổi hòa nhạc ở Đức và Anh (phần lớn với mục đích từ thiện); dựng tượng đài tưởng nhớ Bach tại Leipzig; hoàn thành nhiều tác phẩm, trong đó có bản *concerto cho violon cung Mi thứ, op. 64* nổi tiếng,.. Do làm việc quá sức, Mendelssohn lâm bệnh và phải tạm ngưng các hoạt động âm nhạc để đến Frankfurt dưỡng bệnh.

Năm 1845, Mendelssohn trở lại vị trí chỉ huy dàn nhạc Gewandhaus của Leipzig và tiếp tục những công việc ông đã làm trước đó: sáng tác, chỉ huy, giảng dạy,... Năm 1846, Mendelssohn thực hiện một số buổi hòa nhạc tại Anh, đó cũng là lần cuối cùng ông đến nước Anh.

Những năm cuối đời, sức khỏe của Mendelssohn vốn không tốt đã không thể hồi phục hoàn toàn do áp lực công việc, thêm vào đó nỗi đau mất mát người thân làm cho ông ngày càng suy giảm tinh thần nhiều hơn. Sau cái chết của người cha (1835), tiếp đến người mẹ (1842) và khi Fanny- người chị gái cũng là người bạn thân thiết nhất của ông qua đời ngày 14 tháng 05 năm 1847 thì sức khỏe và tinh thần của Mendelssohn thực sự rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Mặc dù thời gian sau đó Mendelssohn có trở lại với công việc sáng tác, chỉ huy nhưng người ta thấy ông đã mất hẳn nguồn sinh khí vốn có.

Gần 6 tháng sau cái chết của người chị gái Fanny, ngày 04 tháng 11 năm 1847, Mendelssohn cũng rơi vào hôn mê và qua đời ở tuổi 38. Tang lễ của ông được cử hành long trọng tại thành phố Leipzig. Rất đông bạn bè đồng nghiệp và học trò trường nhạc Leipzig đến đưa tiễn người nhạc sĩ vĩ đại. Một dàn nhạc và hợp xướng hoành tráng tiễn biệt thiên tài âm nhạc bằng nhiều tác phẩm âm nhạc kinh điển. Sau đó thi hài ông được di chuyển bằng tàu hỏa đến Berlin. Đi theo sau chuyến tàu chở quan tài Mendelssohn là một đoàn rước đuốc hàng nghìn người và đi đến đâu, qua thành phố thị trấn nào, cũng có rất đông người yêu mến đến vĩnh biệt người nhạc sĩ. Không chỉ có vậy, công chúng yêu nhạc ở nhiều thành phố lớn của châu Âu cũng để tang bày tỏ niềm thương tiếc đối với người nhạc sĩ thiên tài.

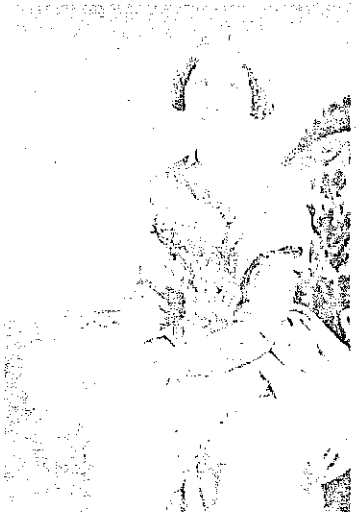
Thi hài Mendelssohn được chôn cất ở Nghĩa trang Trinity, Berlin, ngay cạnh mộ người chị gái Fanny của ông

Về chuyện tình cảm, Mendelssohn được xem là nhạc sĩ có đời sống gia đình khá yên bình, hạnh phúc. Ông lấy vợ trẻ hơn 11 tuổi, họ có với nhau 5 người con: Carl, Marie, Paul, Lilli và Felix, trong đó, người con trai út Felix sức khỏe kém và chết yểu năm lên 7 tuổi. Người con trai cả Carl về sau trở thành một nhà sử học lỗi lạc và là giảng viên môn lịch sử tại các trường Đại học Heidelberg và Friburgo. Người con trai Paul Mendelssohn Bartholdy (1841–1880) cũng là một nhà hóa học nổi tiếng. Gần 6 năm sau khi Mendelssohn ra đi, bà Cecile- vợ ông cũng qua đời ngày 25 tháng 09 năm 1853.



Cecile Mendelssohn

Ngoài ra, người ta cũng hoài nghi về một mối tình nảy sinh giữa Mendelssohn với nữ danh ca soprano người Thụy Điển tên là Jenny Lind. Hai người gặp nhau lần đầu tháng 10 năm 1844 và Mendelssohn đã viết vở opera *Lorelei* tặng cho Lind nhưng chưa kịp hoàn thành thì nhạc sĩ đã qua đời. Tuy nhiên, những mối hoài nghi kể trên đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ, chỉ biết rằng vào năm 1869, bà Lind đã cho dựng bia tưởng niệm Mendelssohn tại thành phố Hamburg quê hương ông.



Jenny Lind

Người đời cũng thường nhắc đến tình bạn kỳ lạ giữa Mendelssohn và nhà thơ vĩ đại nước Đức Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832, **xem ảnh bên**). Tình bạn này bắt đầu khi Mendelssohn (lúc đó 12 tuổi) cùng người thầy Karl Zelter đến thành phố Weimer gặp ông già Goethe 72 tuổi. Những tâm hồn lớn gặp nhau, bất kể tuổi tác chênh lệch, họ vẫn tìm thấy sự đồng cảm trong nghệ thuật và cả các vấn đề xã hội. Từ đó, Mendelssohn trở thành người bạn nhỏ của Goethe và họ thường tìm thấy những điều rất thú vị trong mỗi lần gặp gỡ. Goethe từng nói: "*Khi tôi buồn, tôi nghe Mendelssohn đàn và tìm thấy niềm vui*". Mendelssohn



cũng từng viết bản *Tứ tấu cho piano cung Si thứ* để tặng Goethe. Trong thời gian ở nhà Goethe, Mendelssohn được tự do đọc sách trong thư viện khổng lồ của Goethe. Một số tác phẩm xuất sắc của Mendelssohn cũng có khởi nguồn từ mối "nhân duyên" kỳ lạ với Goethe, chẳng hạn như vở kịch kinh điển *Giấc mộng đêm hè* ra đời từ một lần nhạc sĩ nhí lục lọi trong tủ sách của Goethe; hay bản cantata thế tục *First Walpurgis-Night* được lấy cảm hứng từ một bài thơ của Goethe khi hai người gặp nhau lần cuối tại Weimar vào tháng 05 năm 1830,...

2. Những thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Trong lịch sử âm nhạc thế giới, Mendelssohn là một trong những nhạc sĩ đa tài có đóng góp lớn trong nhiều lĩnh vực âm nhạc: biểu diễn nhạc cụ, sáng tác, chỉ huy dàn nhạc, hoạt động truyền bá âm nhạc, quản lý, đào tạo âm nhạc,...

Trong lĩnh vực biểu diễn nhạc cụ, ông là một nghệ sĩ có khả năng chơi xuất sắc nhiều loại đàn như: piano, organ, violon.

Trong lĩnh vực sáng tác, Mendelssohn để lại cho nhân loại khoảng 250 tác phẩm ở nhiều thể loại khác nhau như: giao hưởng, thính phòng, nhạc kịch, thanh nhạc, piano,... Có thể kể đến những tác phẩm nổi tiếng nhất của Mendelssohn như: âm nhạc cho vở kịch *Giấc mộng đêm hè*, Giao hưởng số 3 (*Scotland)*, giao hưởng số 4 *(Italia)*, concerto cho violon cung Mi thứ, tập nhạc *Bài ca không lời* viết cho piano,...

Giấc mộng đêm hè (A midsummer night's dream, op. 21) là vở kịch nói có tính chất vui, hài hước được nhiều người biết đến, nhất là trích đoạn *Wedding March* (hành khúc đám cưới) ngày nay vẫn thường được vang lên trong các lễ cưới ở khắp nơi trên thế giới. Tác phẩm này thành công bởi sự tươi mới và phong phú trong việc pha trộn màu sắc dàn nhạc, qua đó khắc họa một cách sinh động những nhân vật thần thoại của núi rừng và khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Sáng tác trên được khởi nguồn trong một lần tình cờ, Mendelssohn bắt gặp vở kịch vui cùng tên của đại văn hào Shakespeare (Sếch-xpia) trong tủ sách của nhà thơ Goethe. Tính chất cổ tích hoang đường của vở kịch lập tức tạo cảm hứng để Mendelssohn viết khúc nhạc mở màn (ouverture) cho vở kịch nói trên khi nhạc sĩ mới 17 tuổi, tạo nên tiếng vang rất lớn trong giới trí thức đương thời Trước khi Mendelssohn hoàn thành phần âm nhạc cho toàn bộ vở kịch 17 năm sau (1843) thì ouverture *Giấc mộng đêm hè* đã hội đủ các thành tố âm nhạc để tồn tại như một tác phẩm độc lập, khác với trước đây ouverture chỉ là phần nhạc mở màn cho một vở nhạc kịch, vũ kịch hay thanh xướng kịch. Vào giai đoạn chín chắn trong bút pháp sáng tác, Mendelssohn viết thêm các bản ouverture *Động Fingal* (1832),

Biển lặng và chuyến đi hạnh phúc (1832), *Nàng tiên Melusina* (1833),... như để khẳng định khả năng tồn tại độc lập của ouverture, tạo tiền lệ tách biệt về sau cho thể loại âm nhạc này.

Giao hưởng số 3 (*Scotland)* giọng La thứ và Giao hưởng số 4 (*Italia)* giọng La trưởng là những tác phẩm ghi lại ấn tượng, cảm xúc của Mendelsson đối với những vùng đất mới lạ mà ông đã đi qua. Giao hưởng số 3 khởi nguồn từ chuyến du ngoạn của chàng nhạc sĩ 20 tuổi đến Scotland nhân chuyến lưu diễn tại Anh lần thứ nhất năm 1829. Khung cảnh thiên nhiên và những nét văn hóa đặc sắc của Scotland, nhất là cảnh đổ nát hoang tàn trong lâu đài của nữ hoàng Maria Stuart khi bà bị địch thủ Elizabeth hành hình đã gợi ý tưởng và xúc cảm âm nhạc cho bản *Giao hưởng Scotland.* Trong một bức thư Mendelssohn gửi cho gia đình từ Scotland, có đoạn viết "*...khắp nơi, đều một màu xanh tuyệt vời của nước, nhưng sao mọi vật nghiệt ngã đến thế, u buồn và hiu quạnh*". Bản *Giao hưởng Scotland* được khởi thảo từ năm 1830 nhưng 12 năm sau (1842), nó mới chính thức được hoàn thành và công diễn tại London. Còn bản Giao hưởng số 4 (*Italia)* khởi nguồn từ chuyến lưu diễn đến Italia năm 1830, được hoàn thành và công diễn lần đầu năm 1833 cũng tại thủ đô của nước Anh. Những bản giao hưởng của Mendelssohn thường có tiêu đề và mang tính tả cảnh- đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn.

Trong số những tác phẩm xuất sắc của Mendelssohn, bản *Concerto cho violon cung Mi thứ, op. 64* cũng được xếp vào hàng tuyệt phẩm âm nhạc mọi thời đại. Mendelssohn viết bản nhạc này tặng cho người bạn thân- nghệ sĩ vĩ cầm lừng danh Ferdinand David. Với xúc cảm mạnh mẽ và âm thanh quyến rũ, tác phẩm được khán giả hết sức tán thưởng ngay từ buổi trình diễn đầu tiên năm 1845 với phần solo violon của chính nghệ sĩ Ferdinand David. Trong sáng tác này, tác giả đã thành công trong việc khai thác hiệu quả tính năng ưu việt, khả năng biểu cảm dồi dào của cây đàn violon kết hợp nhuần nhụy với việc sử dụng tài năng hòa thanh và nghệ thuật pha trộn âm sắc dàn nhạc,... Cho đến ngày nay, bản *Concerto cho violon cung Mi thứ, op. 64* của Mendelssohn thường không thể thiếu trong danh mục trình diễn hòa nhạc của nhiều nghệ sĩ violon danh tiếng thế giới.

Những người chơi đàn piano cũng thường biết đến những tập *Bài ca không lời* viết cho piano của Mendelssohn. *Bài ca không lời* gồm 8 tập, mỗi tập gồm 6 tiểu phẩm với tổng cộng 48 bản nhạc được viết trong giai đoạn 1829- 1845. *Bài ca không lời* ghi lại một cách phong phú, sinh động những cảm xúc, ấn tượng âm nhạc của tác giả trước thiên nhiên, con người nước Đức dựa trên những âm hưởng dân ca và dân vũ của quê hương ông. Các tiểu phẩm trong *Bài ca không lời* đều có tiêu đề như: *Hoài cảm, Mùa xuân, Khúc chèo thuyền xứ Vơ-ni,...*

Trong lĩnh vực chỉ huy dàn nhạc, Mendelssohn là một nhạc trưởng tài ba với phong cách điều khiển dàn nhạc hiệu quả và đầy cảm hứng. Ông có những cải tiến mang tính nền móng cho nghệ thuật chỉ huy và là một trong những người tiên phong trong việc sử dụng đũa chỉ huy với tư thế điều khiển dàn nhạc quay lưng về phía khán giả như chúng ta vẫn thấy ngày nay.

Trong hoạt động truyền bá âm nhạc, có thể coi Mendelssohn là một người quan trọng giúp cho nền âm nhạc kinh điển thế giới càng thêm tỏa sáng. Nếu như sứ mệnh của Bach, Beethoven, Schubert,... trước đây là sáng tạo quên mình vì nghệ thuật thì sứ mệnh của Mendelssohn là góp phần giúp người đời sau hiểu đúng giá trị tác phẩm cũng như tài năng thực sự của những nhạc sĩ đã khuất. Với tài năng chỉ huy dàn dựng xuất sắc, trong cuộc đời mình, Mendelssohn nhiều lần được giữ trọng trách Giám đốc dàn nhạc. Và trên cương vị ấy, cùng với tâm huyết của mình, Mendelssohn là người tích cực truyền bá nhiều tác phẩm xuất sắc của các nhạc sĩ tiền bối như W. A. Mozart, L. v. Beethoven,... và làm sống lại nhiều tuyệt phẩm âm nhạc từng bị quên lãng của J. S. Bach, Handel Schubert,... Năm 1829, chàng nhạc sĩ 20 tuổi Mendelssohn đã khởi đầu sứ mệnh đặc biệt đó của mình bằng việc tái sinh kiệt tác vĩ đại *St.Matthew Passion* của nhạc sĩ thiên tài J. S. Bach sau gần trăm năm bị lớp bụi thời gian che phủ. Sau đó 14 năm (1843), Mendelssohn lại hoàn thành việc dựng tượng đài J. S. Bach tại Leipzig. Đây là công trình tưởng nhớ Bach đầu tiên trên thế giới và là kết quả của ba năm nỗ lực vận động, quyên góp từ những buổi biểu diễn của Mendelssohn. Từ năm 1833, trong vai trò là Giám đốc dàn nhạc Dusseldorf, Mendelssohn chỉ huy công diễn một số tác phẩm của Handel, khởi đầu cho quá trình làm sống lại âm nhạc của Handel tại nước Đức. Năm 1839, trên cương vị Giám đốc dàn nhạc Gewandhaus, Mendelssohn cũng là người đầu tiên chỉ huy dàn dựng bản giao hưởng số 9- *The Great* của Schubert, góp phần giúp công chúng hiểu rõ giá trị âm nhạc đích thực và có đánh giá chuẩn xác về người nhạc sĩ vĩ đại của nước Áo.

Song song với việc giúp người đời hiểu rõ thêm về các tác giả, tác phẩm vĩ đại trong quá khứ, Mendelssohn cũng rất quan tâm, nỗ lực giới thiệu những tác phẩm xuất sắc của các nhạc sĩ đương thời. Ông là người đầu tiên chỉ huy dàn dựng một số tác phẩm lớn của người bạn thân- nhạc sĩ thiên tài R. Schumann. Mendelssohn cũng là người giúp đỡ rất nhiệt tình để nhạc sĩ thiên tài người Pháp H. Berlioz (1803-1869) có thể trình diễn bản *Giao hưởng hoang tưởng* (Fantastic symphony) của ông ở Leipzig...

Trong lĩnh vực quản lý, đào tạo âm nhạc, chúng ta cũng không nên quên rằng Mendelssohn là người sáng lập Nhạc viện Leipzig- nhạc viện quốc học đầu

tiên của nước Đức. Để thực hiện công việc lớn lao này, trước đó Mendelssohn đã cùng Robert Schumann soạn thảo chương trình rồi vận động những nhà âm nhạc tên tuổi như: nghệ sĩ piano nổi tiếng đương thời Ignaz Moscheles (1794-1870), nghệ sĩ violon nổi tiếng Ferdinand David (1810-1873), Clara Wieck (nghệ sĩ piano- vợ của R. Schumann),... cùng tham gia giảng dạy. Công việc quản lý, tổ chức rất bận rộn, nhưng Mendelssohn vẫn trực tiếp giảng dạy các môn piano và sáng tác.

Nhìn chung, Mendelssohn là một nhạc sĩ có số phận may mắn hiếm thấy, với xuất phát điểm hoàn hảo, lại sẵn trong mình tài năng, ý chí, đạo đức của bậc thiên tài, ông đã nhanh chóng vươn tới đỉnh cao hào quang rực rỡ. Tuy chỉ sống một cuộc đời ngắn ngủi (38 năm) nhưng Mendelssohn có những ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của nền âm nhạc kinh điển thế giới, đặt những dấu ấn quan trọng và đầy ý nghĩa cho nhân loại. Sau này, để tôn vinh người nhạc sĩ tài hoa, tượng đài Mendelssohn được dựng lên ở nhiều nơi, và tất nhiên không thể thiếu ở Leipzig.



Tượng đài Mendelssohn ở Leipzig

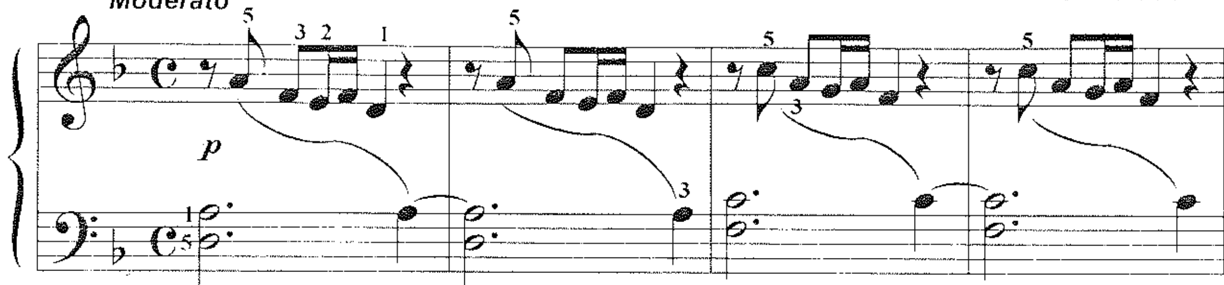
Tên của Mendelssohn cũng được đặt cho các quỹ học bổng âm nhạc ở Đức và Anh. Còn ngôi nhà nơi Mendelssohn sinh sống, làm việc từ năm 1845 cho đến lúc qua đời tại Leipzig đã trở thành bảo tàng mang tên ông. Đây là ngôi nhà riêng duy nhất của Mendelssohn còn lại đến ngày nay và được khôi phục, bảo tồn cẩn thận giống như lúc nhạc sĩ còn sống. Tại đây, khách tham quan có thể chiêm ngưỡng những đồ đạc vật dụng cá nhân; thư từ, bản nhạc, kỷ vật; các bức tranh màu nước do Mendelssohn vẽ,...Vào mỗi sáng chủ nhật hàng tuần, người ta vẫn đều đặn tổ chức các buổi biểu diễn những tác phẩm nổi tiếng ở các thời kỳ âm nhạc tại phòng hòa nhạc của bảo tàng giống như hoạt động lúc sinh thời của Mendelssohn.

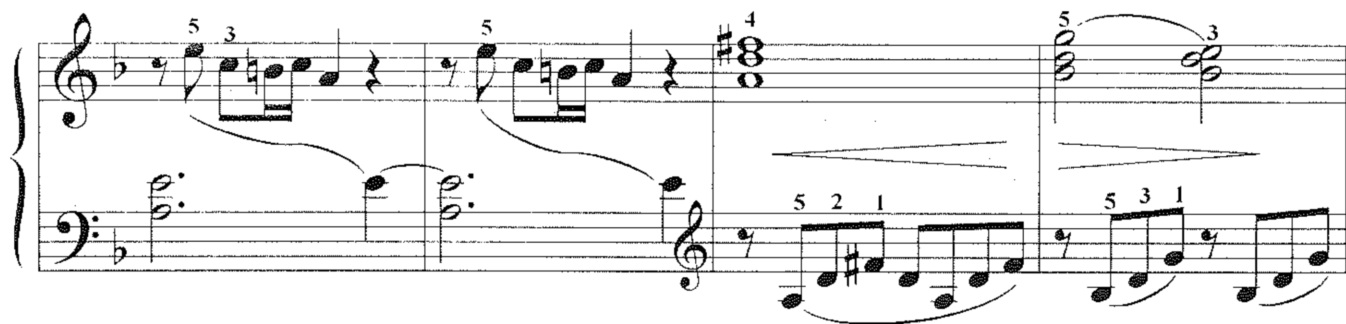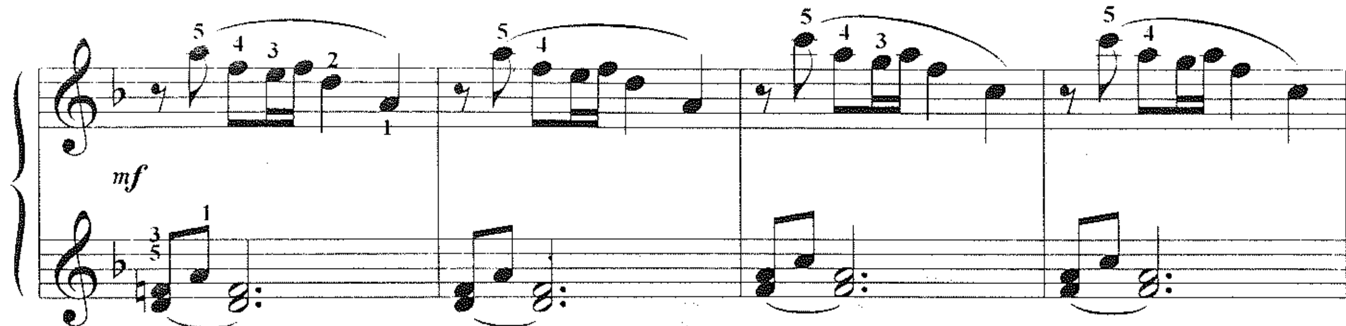


Bảo tàng Mendelssohn ở Leipzig

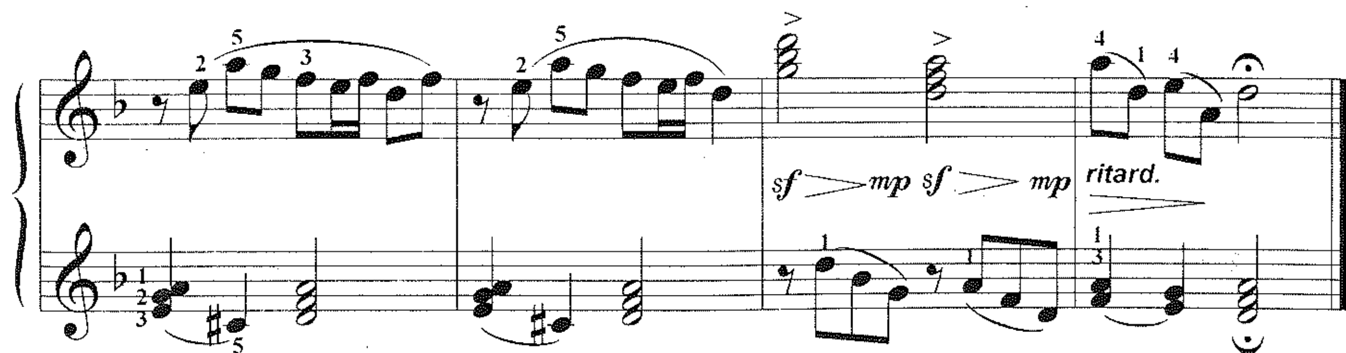
FINGAL'S CAVE

Chủ đề
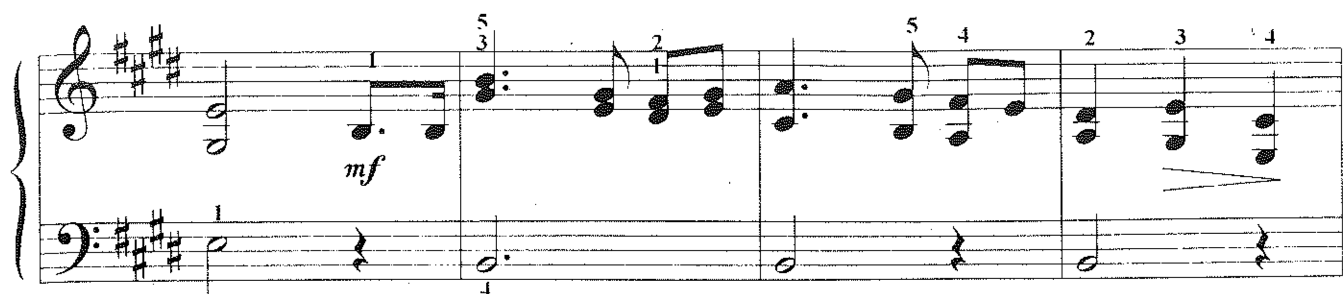








* Bản nhạc trên được biên soạn dựa trên giai điệu chọn lọc trong khúc mở màn (ouverture) *Động Fingal*, sáng tác năm 1832 của Mendelssohn.
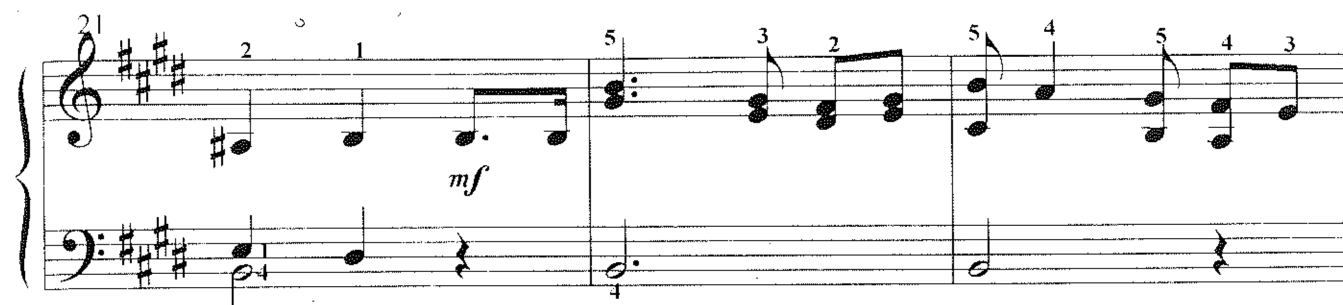
NOCTURNE
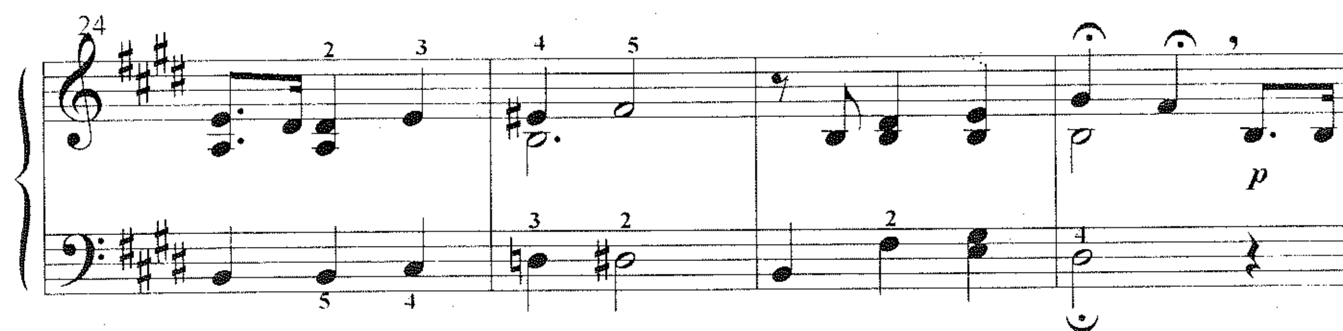
Andante tranquillo
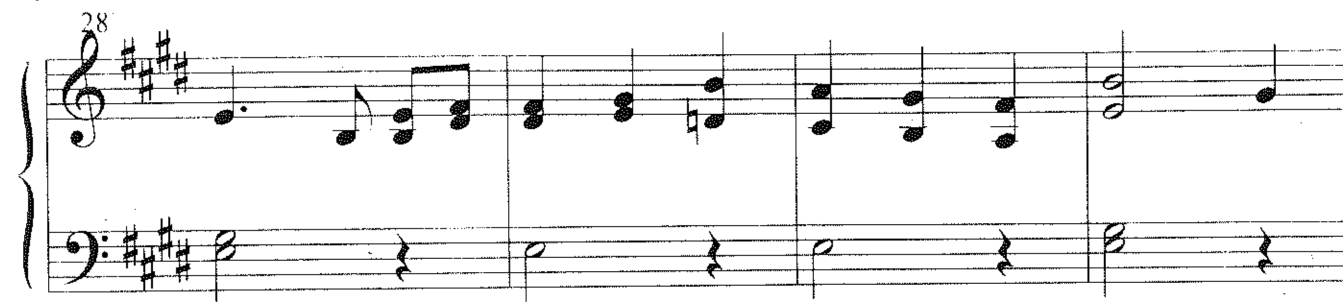
Mendelssohn
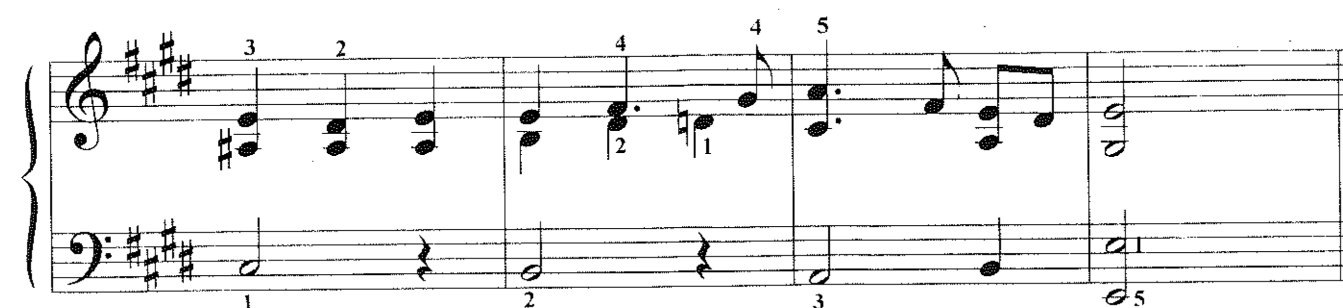
dolce p











* Bản nhạc trên được biên soạn dựa trên giai điệu trong vở kịch *Giấc mộng đêm hè* nổi tiếng của Mendelssohn.

VIOLIN CONCERTO IN E MINOR

Mendelssohn

Andante

p

rit.

a tempo

dim.

p

* Bản *Concerto cho violon cung Mi thứ, op.64* là một trong những tác phẩm lớn cho dàn nhạc cuối cùng của Mendelssohn. Bản nhạc trên là giai điệu chọn lọc từ chương II của tác phẩm gồm 3 chương này.

ON WINGS OF SONG

(Bài ca tung cánh)

Andante tranquillo

Mendelssohn

p

poco allarg.

a tempo

pp

mp

poco animato

Tempo I

mf

8vb

p

poco rit.

a tempo

p

dim

sempre

dim.

L. H.

pp

allargando

* Bản nhạc trên đã được biên soạn giản lược cho dễ chơi hơn. Đây là tác phẩm nổi tiếng, bạn có thể dễ dàng tìm trên mạng internet để nghe tham khảo tác phẩm gốc.

SPRING SONG

Op. 62, no. 6

Allegretto grazioso

Mendelssohn

p

dim.

mf

mf

mp

8va

p

* *Spring song, op. 62, no. 6* giọng La trưởng được rút từ tập *Bài ca không lời* của Mendelssohn. Bản nhạc trên đã được biên soạn giản lược cho dễ chơi hơn, bạn nên nghe tác phẩm gốc trong CD tặng kèm để tham khảo cách thể hiện cảm xúc.

VENETIAN BOAT - SONG No. 1

Từ tập *Bài ca không lời*, op. 19, no. 6

Mendelssohn

Andante sostenuto

cantabile

dimin.

pp

p

Ped. simile

sf

sf

dimin.

p

mf

pp

dimin.

pp

VENETIAN BOAT - SONG No. 2

Từ tập *Bài ca không lời*, op. 30, no. 6

Mendelsohn

Allegretto tranquillo

sf

sf

p

Ped. Ped. Ped.

Ped. Ped. Ped.

cre - - scen - - - - - -

Ped. Ped. Ped. Ped.

- - do - - più - - f

ff

Ped. Ped. Ped.

sf dimin. pp

Ped.

sf *dimin.* *p*

Ped. * Ped. * Ped. *

p

Ped. * Ped. * Ped. *

cre - - scen - - do - - al - - - - - - - f *dimin.*

Ped. * Ped. *

p *cre - - scen - - do - - al - - - - - f* *sf* *dimin.*

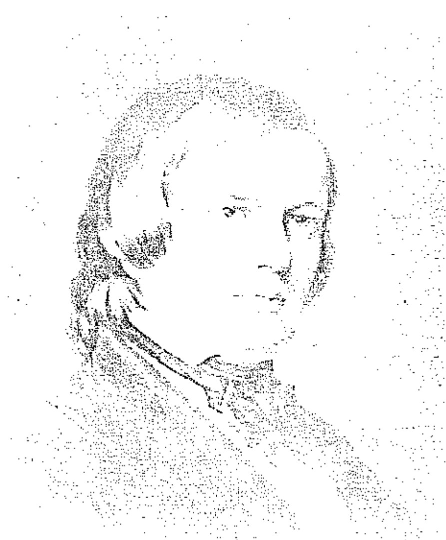
Ped. * Ped. *

sf *dimin.* *pp*

p

Ped.

ROBERT ALEXANDER SCHUMANN
(1810-1856)



Robert Schumann (R. Su-man) là nghệ sĩ piano tài năng, nhà soạn nhạc thiên tài và nhà phê bình âm nhạc tài hoa của thế giới, ông được xem là đại diện tiêu biểu cho thời kỳ đỉnh cao của âm nhạc chủ nghĩa lãng mạn. Trong lĩnh vực sáng tác, Schumann được xem là nhạc sĩ có những cách tân táo bạo, thể hiện rõ khuynh hướng thẩm mỹ âm nhạc tiến bộ.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Schumann (tên đầy đủ là *Robert Alexander Schumann*) sinh ngày 08 tháng 06 năm 1810 tại Zwickau, một thị trấn nhỏ thuộc tiểu vương Saxony nước Đức trong một gia đình trí thức trung lưu. Cha của Robert Schumann- ông August Schumann làm nghề xuất bản sách, tạp chí và quản lý hiệu sách của mình, ngoài ra ông còn là một dịch giả, nhà văn nghiệp dư. Mẹ Schumann- bà Johanna Christiana Schnabel là con gái của một bác sĩ giải phẫu, biết chơi đàn piano khá thành thạo. Ông bà August sinh được 5 người con, Schumann là con út, là niềm hy vọng của gia đình bởi tố chất thông minh thiên bẩm. Ngay từ nhỏ, cậu bé Schumann đã sớm bộc lộ sự nhạy cảm với âm nhạc, điều đó khiến người cha rất chú ý. Trong một lần theo mẹ đến Carlsbad, Schumann đã tỏ rõ sự phấn khích khi được nghe tiếng đàn piano của nhạc sĩ nổi tiếng đương thời Ignaz Moscheles (1794-1870). Năm Schumann lên 6 tuổi, ông August đã tìm cho cậu một thầy giáo dạy đàn organ tại địa phương. Vì nơi gia đình Schumann sinh sống là một thị trấn nhỏ ít nhân tài nên người cha vẫn mong muốn tìm cho con trai mình một thầy giáo danh tiếng. Có thông tin rằng ông August từng đến Dresden gặp nhạc sĩ lỗi lạc Carl Maria

Von Weber (1786-1826) nhưng lúc đó Weber đang bận chuẩn bị cho chuyến đi London nên không thể tiếp nhận học trò.

Với khả năng bẩm sinh xuất chúng, không lâu sau Schumann đã có thể chơi đàn ngẫu hứng trong các buổi hòa nhạc gia đình và soạn được một số tiểu phẩm cho đàn piano đầu tiên.

Có một giai thoại kể về thiên tài sáng tác ngẫu hứng trên đàn piano với phong cách "vẽ chân dung bằng âm nhạc" độc đáo của Schumann.

Năm Schumann 10 tuổi, vì muốn bồi dưỡng và rèn luyện tài năng piano cho con trai, người cha luôn khuyến khích cậu bé mở nhạc hội vào các buổi tối cuối tuần. Một buổi tối, Schumann đang đàn một bản biến tấu của Beethoven. Khi bản nhạc bước vào khúc biến tấu thứ hai thì cậu bé quay mặt nhìn cha một cách nghịch ngợm. Đó là "ám hiệu" mà Schumann quen dùng khi cậu muốn nói rằng sẽ dùng tiếng đàn piano để vui đùa với cha. Quả nhiên, bản nhạc thông qua một sự chuyển đổi tài tình, biến thành sự "vẽ tranh" ngẫu hứng, trước tiên cậu "vẽ" anh chàng nghịch ngợm Franz, tiếp đến, âm nhạc chuyển sang một đoạn khác, tốc độ không nhanh nhưng tiết tấu mạch lạc, bộc lộ tính cách cẩn trọng nhưng pha chút hài hước. Đó là "vẽ" ai? Cuối cùng, mọi người đều nhìn về phía người cha của cậu và cười rộ lên. Không phải sao? Ngay đến những cọng râu đang bật lên của người cha đều được khắc họa qua tiếng đàn piano.

Ngoài tài năng âm nhạc, có lẽ kế thừa gen di truyền từ người cha, Schumann sớm bộc lộ năng khiếu văn chương từ khi học phổ thông. Schumann đọc nhiều tác phẩm của các văn sĩ nổi tiếng như: Goethe, Schiller,... và đặc biệt yêu thích các tác phẩm của Johann Paul Friedrich Richter (1763 - 1825). Trong thời thơ ấu và niên thiếu, Schumann đã sáng tác được một số bài thơ, hài kịch và truyện dài. Năm 14 tuổi, Schumann viết một bài tiểu luận về tính thẩm mỹ của âm nhạc.

Năm 16 tuổi (1826), người cha của Schumann đột ngột qua đời, dưới áp lực của người mẹ, Schumann thi vào ngành luật- Đại học tổng hợp Leipzig. Thời kỳ này, Leipzig là một trong những trung tâm âm nhạc sôi động của Châu Âu. Tại đây, Schumann có cơ hội được thưởng thức các buổi trình diễn của nhiều nhạc sĩ, nghệ sĩ lừng danh của nước Đức cũng như của thế giới.

Năm 18 tuổi (1828), Schumann có cuộc gặp gỡ "định mệnh" với giáo sư, nghệ sĩ piano nổi tiếng Friedrick Wieck và cô con gái Clara Wieck 9 tuổi của ông. Đây là hai con người có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc đời của nhạc sĩ Schumann: ông Friedrick Wieck- về sau là thầy giáo đồng thời cũng là bố vợ "cay nghiệt" của Schumann; còn Clara Wieck sau này trở thành người yêu, người vợ,

người bạn tri kỷ và là hóa thân trong rất nhiều tác phẩm của Schumann. Trong lịch sử âm nhạc thế giới, chuyện tình giữa Schumann và Clara được xem là một trong những thiên tình sử ly kỳ nhất.

Phải học ngành luật một cách miễn cưỡng, tâm hồn của Schumann không khi nào cảm thấy thoải mái, hạnh phúc, nhất là trong môi trường âm nhạc sôi nổi đầy sức cuốn hút tại thành phố Leipzig. Khi nghe cô bé 9 tuổi Clara trình diễn piano với trình độ điêu luyện và sức biểu cảm mạnh mẽ, chàng nhạc sĩ "tỉnh lẻ" vô cùng ngưỡng mộ và cũng từ đó thắp lên trong lòng Schumann khát vọng làm chủ tuyệt đối cây đàn piano. Sau một vài lần nghe cậu sinh viên trường luật chơi đàn, thầy Wieck đánh giá rất cao triển vọng âm nhạc của Schumann. Năm 1830, được chứng kiến nghệ sĩ violon kỳ tài người Ý Niccolo Paganini cùng cây đàn của mình "làm mưa làm gió" trên sân khấu, khát vọng âm nhạc lại càng thêm bừng cháy mãnh liệt trong tâm hồn chàng trai 20 tuổi Schumann. Từ lúc này, Schumann nhận thấy rất rõ rằng, con đường phù hợp nhất với bản thân chính là âm nhạc, bởi vậy cậu đã tìm mọi cách thuyết phục người mẹ đồng ý cho mình chuyển hướng nghề nghiệp. Và rồi cuối cùng, Schumann cũng chính thức thoát khỏi việc học luật, cậu khăn gói chuyển hẳn đến nhà thầy Wieck để theo học piano. Dưới sự chỉ dạy nghiêm túc, giàu kinh nghiệm sư phạm của thầy Wieck, Schumann miệt mài luyện tập để khắc phục những lỗ hổng kỹ thuật và phát triển nhanh chóng tay đàn của mình.

Tài năng piano của Schumann đang độ phát triển thì một sai lầm bồng bột tuổi mới lớn đã khiến khát vọng trở thành nghệ sĩ piano xuất sắc của nhạc sĩ trẻ tan thành mây khói. Có lẽ vì nóng lòng muốn đuổi kịp trình độ diễn tấu của cô bé Clara, Schumann đã nghĩ ra một dụng cụ nhằm kéo dài các ngón tay vốn bẩm sinh hơi ngắn của mình. Sau một thời gian, các ngón tay Schumann bị tổn thương, hai bàn tay sưng tấy đau đớn, nhưng chàng nhạc sĩ trẻ vẫn cắn răng luyện tập. Cho đến khi quá giới hạn chịu đựng, Schumann buộc phải dừng lại để điều trị. Và hậu quả là khi hết sưng, các ngón tay không thể điều khiển hoàn toàn theo ý muốn được nữa.

Người đời sau biết rằng, giống như danh họa Vincent van Gogh (1853-1890), Schumann sớm qua đời vì bệnh điên ở tuổi 46, mà thất bại trên có lẽ là một trong những nguyên nhân khởi nguồn. Khi mục tiêu và khát vọng đặt ra quá lớn mà kết quả không những là con số 0 mà là con số "âm vô cùng" thì hầu như ai cũng cảm thấy hụt hẫng ghê gớm, và tâm trạng khủng hoảng trầm trọng là điều dễ hiểu, Schumann tất nhiên cũng không tránh khỏi quy luật tâm lý nghiệt ngã đó. Còn

một số nguyên nhân khác có thể đã làm suy yếu thần kinh của Schumann, đó là việc lao động quá sức và sự ra đi đột ngột và liên tiếp của những người thân: cha, mẹ, chị gái duy nhất, anh trai và chị dâu. Ngay từ năm 23 tuổi (1833), Schumann đã phát bệnh thần kinh, ngày 17 tháng 10 năm đó, ông từng định nhảy lầu tự tử nhưng may mắn được phát hiện kịp thời.

Tuy nhiên, cũng phải ghi nhận ở Schumann một nghị lực phi thường. Sau những biến cố đau thương và những ước mơ tan vỡ, Schumann đã lấy lại thăng bằng và vươn lên trở thành một nhà phê bình âm nhạc lỗi lạc, một nhà soạn nhạc thiên tài của thế giới.

Từ năm 22 tuổi (1832), Schumann sáng tác rất nhiều tác phẩm cho đàn piano với sự cách tân về mặt hình thức và cấu trúc âm nhạc.

Tháng 4 năm 1834, cùng với một số bạn bè, đồng nghiệp, Schumann sáng lập *Tạp chí âm nhạc mới* (Neue Zeitschrift für Musik). Tạp chí dần dần gây dựng được uy tín, có tác dụng định hướng thẩm mỹ âm nhạc cho độc giả và khích lệ tài năng của các nhạc sĩ trẻ.

Năm Schumann 25 tuổi cũng là khi Clara Wieck trở thành một thiếu nữ 16 tuổi xinh đẹp. Tình yêu của họ nảy nở và bùng lên mãnh liệt, tạo nên sức mạnh và lòng can đảm phi thường đủ sức vượt qua những thử thách lớn... Thiên tình sử Schuann- Clara được kể lại như sau:



Clara Schumann

Sau vô vàn ánh mắt nụ cười thầm kín trao nhau; sau biết bao tháng ngày mộng mơ, nhung nhớ với bao bức thư tình gửi gắm yêu thương, một ngày đẹp trời mùa đông năm 1835, Clara đã đón nhận tình yêu của Schumann với nụ hôn đầu đời ngọt ngào, say đắm. Tình yêu của họ từ đó ngày càng thêm nồng cháy. Khi giáo sư Wieck biết chuyện, ông vô cùng giận dữ. Từ khi vợ ông mất, tất cả lòng yêu thương ông dành trọn vẹn cho cô con gái độc nhất của mình. Nhận thấy con mình tiềm ẩn tài năng âm nhạc xuất chúng, ông dồn tâm huyết đào tạo cô trở thành một nghệ sĩ piano nổi tiếng và ông luôn hy vọng con gái mình sẽ có một địa vị tốt, một tấm chồng ưng ý. Giờ đây, khi biết Clara đem lòng yêu người học trò của mình, ông nhận thấy Schumann khó có thể mang lại hạnh phúc trọn vẹn cho con gái mình. Lòng yêu thương con gái quá mức và những suy nghĩ theo hướng tiêu cực đã biến Wieck từ một người thầy, người cha mẫu mực trở thành một ông bố khó tính, ích kỷ và cực đoan. Trong suốt một thời gian dài, đôi trẻ phải đối

diện với rất nhiều khó khăn đến từ sự cấm đoán nghiệt ngã của ông Wieck. Các biện pháp hà khắc mà ông Wieck áp dụng nhằm phá vỡ tình yêu của đôi trẻ được kể lại như: buộc Clara phải trả lại tất cả thư từ mà Schumann gửi cho cô; ra lệnh cấm tuyệt đối Clara không được thư từ liên lạc với Schumann; sắp đặt đưa Clara đi lưu diễn xa dài ngày để không có điều kiện gặp gỡ Schumann; giới thiệu những người đàn ông khác cho Clara; viết thư nặc danh gửi Clara, bịa đặt chuyện Schumann mắc chứng hung bạo; đe dọa tước quyền thừa kế của Clara nếu không chối từ Schumann; đe dọa sẽ giết chết Schumann bằng súng lục,... Nhưng tất cả những biện pháp khắc nghiệt của ông Wieck cuối cùng cũng không ngăn trở được tình yêu mãnh liệt của đôi trẻ. Khi Clara sắp đủ tuổi được quyền tự quyết định chuyện hôn nhân của mình theo luật định, cả hai cùng đệ đơn gửi tòa án vào năm 1839. Một năm sau, toà án đã ra phán quyết cho phép hai người được tự do kết hôn mà không cần có sự đồng ý của cha mẹ. Lễ cưới của vợ chồng Schumann được tổ chức ngày 12 tháng 09 năm 1940 tại thị trấn Schönfeld, ngoại ô thành phố Leipzig đúng vào ngày sinh nhật lần thứ 21 của Clara, và không có sự hiện diện của ông Wieck. Ngày thành hôn, Schumann trao cho Clara một cuốn sổ nhỏ mà trên trang đầu tiên Schumann đã viết: *"Quyển nhật ký này đối với hai ta sẽ có một ý nghĩa quan trọng. Ngày hôm nay, anh viết mấy lời trên trang đầu tiên, và nó sẽ là nhật ký chung của hai chúng ta, ghi lại những suy nghĩ, mong mỏi về nhau, cùng những điều mà lời nói khó có thể diễn đạt được. Cuốn nhật ký này cũng sẽ như một người bạn thân thiết, là trung gian hòa giải mỗi khi chúng ta có những điều gì hiểu lầm về nhau. Chúng ta mỗi người sẽ thay phiên nhau viết vào cuốn nhật ký này trong một tuần và trao lại cho người kia vào sáng chủ nhật, tốt nhất là vào bữa sáng..."* Ghi lại cảm xúc trong nhật ký, Clara viết rằng hôn lễ với Schumann là khoảnh khắc đẹp nhất trong cuộc đời cô. Hai vợ chồng Schumann cùng nhau viết cuốn nhật ký lãng mạn này trong khoảng thời gian 4 năm. Thực tế đã chứng minh, Clara chính là nguồn cảm hứng dồi dào để các tác phẩm âm nhạc của Schumann được thăng hoa, hay nói cách khác những tác phẩm âm nhạc của Schumann là những văn bản nghệ thuật ghi chép lại cảm xúc tình yêu trong đời sống thực của ông. Trước hôn nhân, cuộc đấu tranh căng thẳng để có được Clara cũng in dấu vào nhiều tác phẩm của Schumann. Trong ca khúc mang tên *Dedication* (tạm dịch là *Hiến dâng*) mà Schumann viết tặng riêng cho Clara, ca từ có đoạn "*Em là linh hồn, là trái tim của anh. Em là hạnh phúc và niềm đau của anh. Em là thế giới rộng lớn quanh anh. Em là bầu trời để anh bay lượn. Em là ngôi mộ để anh vĩnh viễn chôn vùi mọi khổ đau...*" Ca khúc *Dedication* cũng là một trong những bài hát rất nổi tiếng của Schumann, giai điệu của nó đã được

nhạc sĩ thiên tài F. Liszt chuyển soạn thành công cho đàn piano. Ngoài ra, Schumann còn rất hay sử dụng những chủ đề âm nhạc của Clara trong các sáng tác của mình. Ngược lại, trong vai trò là nghệ sĩ piano xuất sắc, Clara dành cả cuộc đời nỗ lực truyền bá các sáng tác của chồng mình, cho đến trước khi nhắm mắt, ước nguyện cuối cùng của Clara là được nghe tác phẩm của Schumann. Tuy Schumann qua đời sớm nhưng họ đã sống với nhau trọn vẹn yêu thương trong 16 năm và sinh được 8 người con vào các năm 1841, 1843, 1845, 1846, 1848, 1849, 1851, 1856.

Từ năm 1840, tình yêu và hạnh phúc ngập tràn đã là chất men kỳ diệu kích thích cảm hứng sáng tác của Schumann trên nhiều lĩnh vực âm nhạc. Người ta gọi năm 1840, tức là năm kết hôn với Clara là "năm ca khúc của Schumann". Nhiều tháng trước và sau đám cưới, ước tính chỉ trong vòng chưa đầy một năm, Schumann đã cho ra đời hơn 130 ca khúc về tình yêu phổ theo các tác phẩm của những nhà thơ lỗi lạc như: Heine, Eichendorff, Chamisso, Goethe,...

Năm 1841, Schumann chuyển sang viết những tác phẩm lớn cho dàn nhạc giao hưởng và năm 1842 là thời kỳ Schumann cho ra đời một loạt các tác phẩm cho dàn nhạc thính phòng.

Năm 1843, Schumann tham gia soạn giáo trình và giảng dạy môn piano và sáng tác tại Nhạc viện Leipzig do Mendelssohn sáng lập.

Tháng 12 năm 1843, Schumann theo Clara lưu diễn tại một số thành phố lớn của nước Nga như Saint Petersburg và Moskva. Do sức khỏe yếu cộng thêm sự lo lắng trong hành trình xa xôi dài ngày, Schumann lâm bệnh và phải điều trị ở Moskva. Tháng 05 năm 1844, họ trở về quê hương và bệnh thần kinh của Schumann trở nên trầm trọng. Ông bị mắc chứng trầm cảm, mất ngủ, hay quên, văng vẳng trong đầu những tiếng gào thét, tiếng nức nở và luôn bị ám ảnh rằng mình sẽ chết trong lúc ngủ,...

Tháng 11 năm 1844, Schumann bán tờ *Tạp chí âm nhạc mới* của mình cho Brendel và một thời gian sau đó ông rất ít sáng tác vì phải nghỉ ngơi dưỡng bệnh. Nghe theo lời khuyên của bác sĩ, Schumann quyết định thay đổi môi trường sống và ông chuyển đến Dresden năm 1846

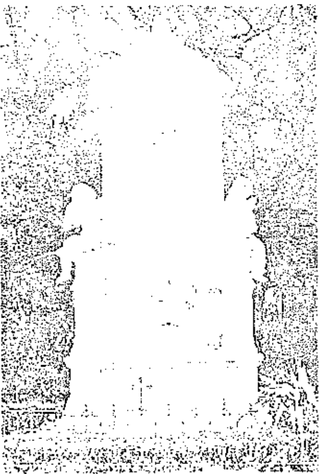
Những năm 1847-1849 là giai đoạn có thêm một số sáng tác xuất sắc nữa của Schumann được ra đời, chủ yếu trong các lĩnh vực piano, thanh nhạc và giao hưởng.

Cuối năm 1850, gia đình Schumann chuyển từ Dresden đến Düsseldorf khi ông đảm nhận công việc chỉ huy dàn nhạc của thành phố, nhưng không lâu sau Schumann buộc phải nghỉ việc vào năm 1851 vì lý do sức khỏe.

Năm 1853, Schumann gặp Johannes Brahms (1833-1897). Vui mừng trước phát hiện về một thiên tài trẻ tuổi, Schumann đã hết lời ca ngợi Brahms là *"Bậc thầy biểu đạt hoàn hảo tâm hồn thời đại"*. Đó là một nhận xét nổi tiếng trích từ bài báo *Con đường mới*- một trong những bài viết cuối cùng trong sự nghiệp phê bình âm nhạc của Schumann.

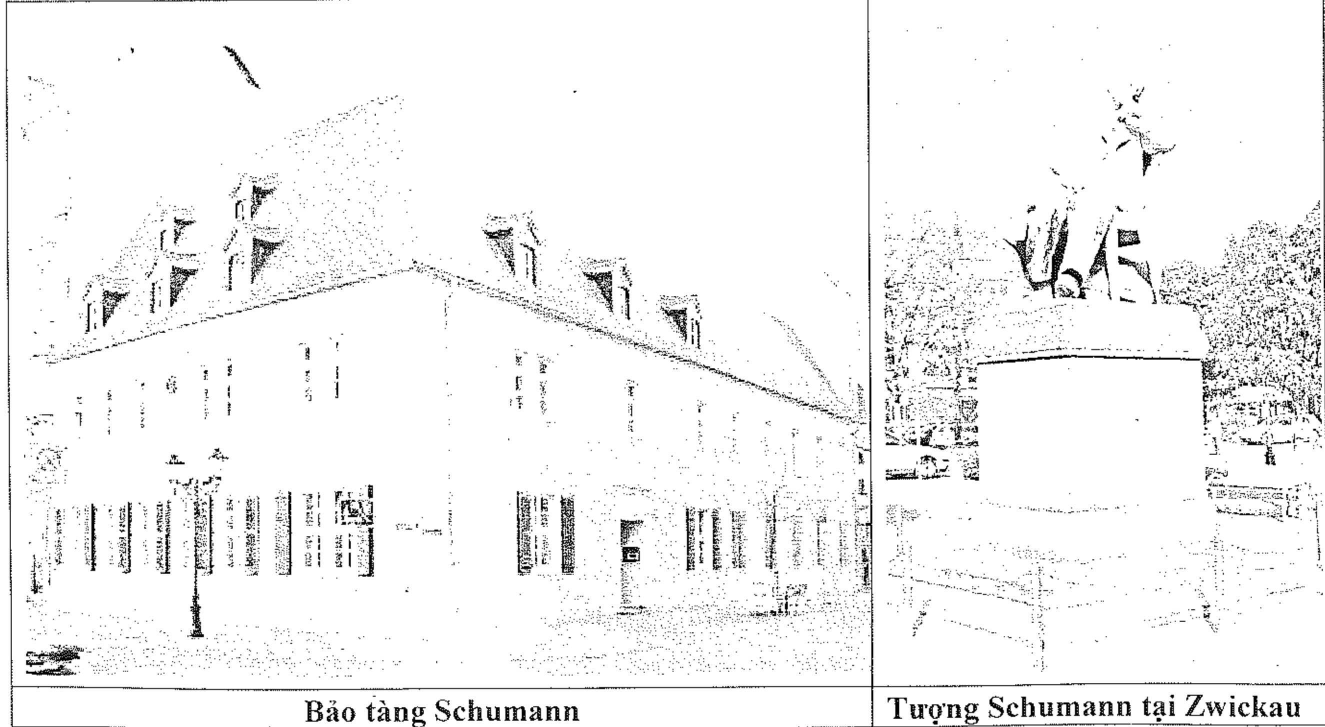
Giai đoạn những năm cuối đời, nguồn cảm hứng hay đúng hơn là những ảo giác âm nhạc lại xuất hiện. Rất nhiều phác thảo âm nhạc của thể loại opera, oratorio,... được Schumann phác thảo song đã không thể hoàn thành vì tình trạng tâm thần ngày càng hoảng loạn. Đêm ngày 27 tháng 02 năm 1854, Schumann nhảy xuống sông Rhine tự tử nhưng được những người chèo thuyền tại đây cứu sống. Sau lần đó, Schumann phải nhập viện thần kinh để điều trị song không có chuyển biến tích cực. Ngày 29 tháng 07 năm 1856, Schumann qua đời ở tuổi 46 tại Endenich trong vòng tay người vợ yêu quý của mình.

Schumann yên nghỉ tại Nghĩa trang thành phố Bonn, và năm 1880, một tượng đài được dựng trên phần mộ của nhạc sĩ. Bốn mươi năm sau khi Schumann mất, năm 1896, người vợ Clara của ông qua đời và được chôn cất trong cùng một nấm mộ với người chồng yêu thương của mình.



Mộ R. Schumann tại Bonn, nước Đức

Ngôi nhà nơi Schumann sinh ra tại thành phố Zwickau được khôi phục năm 1956 và trở thành Bảo tàng Schumann.



Bảo tàng Schumann	**Tượng Schumann tại Zwickau**

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Nhắc đến Schumann, người ta thường nhớ ngay đến một nghệ sĩ piano tài năng nhưng đã phải từ bỏ ước mơ trở thành nghệ sĩ biểu diễn chỉ vì nỗ lực không tưởng nhằm kéo dài các ngón tay để chơi đàn tốt hơn. Tuy nhiên cũng từ đó, Schumann tập trung hoàn toàn cho lĩnh vực sáng tác và lý luận, và trở thành nhà soạn nhạc thiên tài và nhà lý luận phê bình âm nhạc lỗi lạc.

Trong vai trò của nhà soạn nhạc, Schumann để lại hàng ngàn tác phẩm lớn nhỏ với sự đa dạng về hình thức và thể loại âm nhạc, trong đó lĩnh vực piano và ca khúc là mảng sáng tác rất thành công, chiếm một số lượng đáng kể.

Trong lĩnh vực piano, Schumann có nhiều sáng tác xuất sắc thể hiện sự đổi mới về mặt hình thức và phương tiện diễn tả của âm nhạc.

Về mặt hình thức, Schumann thường sáng tác dưới dạng một liên khúc gồm nhiều khúc nhạc, các khúc nhạc có thể được chơi độc lập hoặc biểu diễn liên hoàn bởi chúng có liên quan với nhau về nội dung và âm nhạc, thể hiện rõ nhất ở tính biến tấu và tính tương phản trong cấu trúc giai điệu.

Về mặt phương tiện diễn tả của âm nhạc, khác với các nhà soạn nhạc thời kỳ cổ điển, Schumann sử dụng nhiều dạng tiết tấu phức tạp hơn, xuất hiện các yếu tố tự do trong lối cấu trúc giai điệu, tiết tấu, hòa thanh, tốc độ,... Những cách tân nói trên được xem là rất thành công không chỉ vì sự mới lạ mà còn vì nó là phương tiện mà Schumann dùng để phát huy tài năng khắc họa những chân dung, hình tượng có cá tính độc đáo, riêng biệt. Đó vốn là tố chất thiên bẩm phi thường của người nhạc sĩ tài hoa, điều này hoàn toàn logic với bộ óc tinh tế, sắc xảo của Schumann trong bút pháp lý luận phê bình. Có thể kể đến một số tập liên khúc tiêu biểu của Schumann như: *Những khúc ảo tưởng*, *Những con bướm* (1832), *Những Étude giao hưởng* (1834), *Ngày hội giả trang* (1835), *Các vũ khúc của liên minh David* (1837), *Kreisleriana* (1838),... Các liên khúc của Schumann thường có mối liên quan đến nội dung văn học, chẳng hạn như *Kreisleriana op.16*- tập liên khúc mà các khúc nhạc được sáng tác dựa trên những câu chuyện hư cấu của nhà văn Hoffmann,...

Trong lĩnh vực sáng tác ca khúc, Schumann là người kế tục truyền thống ca khúc của Schubert. Nếu như mặt siêu mạnh trong ca khúc của Schubert là giai điệu và ca từ thì mặt mạnh trong ca khúc của Schumann là phần đệm piano. Phần đệm piano trong ca khúc của Schumann được viết tinh tế và chi tiết tới mức nhiều bài có thể biểu diễn như một tác phẩm độc lập, hoàn chỉnh. Với khả năng văn học và tài năng piano đặc biệt, Schumann đã sáng tạo hơn 200 ca khúc và romance mang giá trị nghệ thuật cao, được coi là niềm tự hào của ca khúc Đức. Kế thừa

cách làm của Schubert, Schumann cũng thường đặt những ca khúc trong một tập liên khúc có nội dung thống nhất. Có thể kể đến một số tập liên ca khúc nổi tiếng của Schumann như *Tình yêu người thi sĩ* (viết năm 1840, dựa thơ của Heine), *Tình yêu và cuộc đời của người đàn bà* (viết năm 1840, dựa thơ của Chamisso),...

Trong mảng lý luận phê bình, ngòi bút của Schumann không thua kém gì thiên tài soạn nhạc của ông. Tên tuổi của Schumann thường gắn với *Tạp chí âm nhạc mới* (Neue Zeitschrift für Musik) do ông sáng lập vào năm 1834. Kể từ ngày thành lập, ông chủ bút Schumann luôn luôn bận rộn với việc tập hợp bài viết của các cộng tác viên, tổ chức biên tập, viết bài dưới nhiều bút danh khác nhau và xuất bản thường kỳ tờ tạp chí trong suốt 10 năm liền. Trên tờ tạp chí của mình, Schumann đề cao những giá trị âm nhạc đích thực đang bị lép vế qua việc tôn vinh những tác phẩm tiêu biểu của các nhạc sĩ trong quá khứ như Bach, Mozart, Beethoven, Schubert... đồng thời cổ vũ, khích lệ các nhạc sĩ tài năng đương thời như: Berlioz, Mendelssohn, Liszt, Gluck, Weber, Wagner,... Bên cạnh đó, ông chống lại khuynh hướng lấy hình thức âm nhạc kinh điển để ngụy trang cho thứ âm nhạc giải trí rẻ tiền đang tràn lan trên các sân khấu nước Đức. Với thiên tài âm nhạc cùng năng khiếu văn học xuất chúng, Schumann đưa ra những nhận xét sắc xảo, những nhận định chính xác, những lời châm biếm sâu sắc, góp phần đáng kể trong việc nâng cao thẩm mỹ âm nhạc cho công chúng, có tác dụng khích lệ tiềm năng sáng tạo của những nhạc sĩ trẻ. Schumann cũng chính là người sớm phát hiện ra thiên tài Chopin với lời ca ngợi rất mộc mạc mà đầy ấn tượng: *"Hãy ngả mũ thưa quý bà quý ông, con người này là một thiên tài!"*, hay gọi Brahms là *"Bậc thầy biểu đạt hoàn hảo tâm hồn thời đại"*,... khi họ mới chỉ là những tên tuổi ít người biết đến. Schumann cũng là tác giả của cuốn sách *Advice to young musicians*, nội dung là những lời khuyên hữu ích cho các nhạc sĩ trẻ trong quá trình sống, học tập và phát triển sự nghiệp âm nhạc. Chúng tôi tạm dịch một số lời khuyên thú vị trong cuốn sách trên như sau:

- Đừng bỏ lỡ cơ hội chơi đàn song tấu, tam tấu,... Điều đó giúp bạn nâng cao khả năng trình diễn và sự bình tĩnh.

- Hãy làm dịu đi sự căng thẳng của việc học âm nhạc bằng cách đọc thơ. Hãy cầm theo một số tập thơ khi đi dạo trong rừng hoặc trên các cánh đồng.

- Khi tập một bản nhạc, bạn đừng vội nghĩ tới mục tiêu cao nhất là vấn đề tốc độ mà nên cố gắng thể hiện những ấn tượng, cảm xúc sao cho đúng với ý đồ của tác giả. Tất cả sự cố gắng quá sức đều trở thành trò nực cười.

- Những tràng vỗ tay của các nghệ sĩ có giá trị hơn nhiều sự tán thưởng của quần chúng.

- Hãy thường xuyên chơi những bản fuga của các bậc thầy, đặc biệt là J. S. Bach. Hãy coi bản "Well-tempered Harpsichord" của J. S. Bach như là bánh mỳ hàng ngày.

...

Có thể nói, những đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sáng tác và lý luận phê bình kể trên của Schumann thực sự có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của nền âm nhạc thế giới, đồng thời cũng đánh dấu thời kỳ đỉnh cao của chủ nghĩa lãng mạn trong âm nhạc.

MELODY

Từ *Album cho thanh niên*

Schumann

Moderato

p

p

SLUMBER SONG

Schumann

Allegretto

mp

mf

ritand.

a tempo

mp

ritard. e dim.

pp

BLINDMAN'S BUFF

Schumann

Allegro giocoso

p

mf

p

crescendo

f

p

mf

p

cresc.

mf

p *dim.*

pp

JÄGERLIEDCHEN

Từ *Album cho thanh niên*

Frisch und fröhlich (♩. = 112)

Schumann

p

più f

ff

MIGNON

Từ *Album cho thanh niên*

Schumann

Langsam, zart (♩ = 100)

sf sf

cresc.

Ped. Ped. Ped. Ped.

p

Ped. Ped.

pp

Ped. Ped. Ped.

pp

Ped. Ped.

rit.

Ped. Ped. Ped. Ped.

LÄNDISCHES LIED

Từ *Album cho thanh niên*

Im mässigen Tempo (♩ = 108) **Schumann**

p

p

Ped. * Ped. * Ped. *

mf

Ped. * Ped.

* Ped. * Ped. * Ped. *

ERNTELIEDCHEN

Từ *Album cho thanh niên*

Mit fröhlichem Ausdruck (♩. = 76)

Schumann

mf

Im Tempo

p

fp

langsamer

Im tempo

TRÄUMEREI

(Rêverie) op. 15, no. 7

Schumann

Moderato

p

rit.

dim.

a tempo

mf

cresc.

dim.

rit.

a tempo

ritardando

p

JOHANNES BRAHMS
(1833-1897)

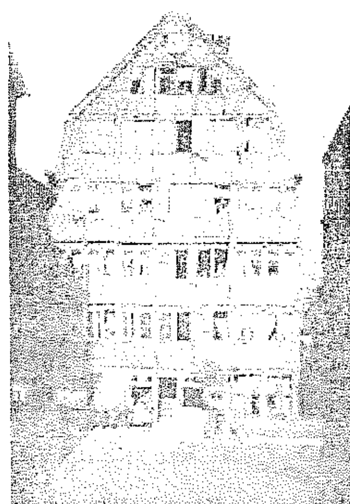


Johannes Brahms (J. Bramx) là nhà soạn nhạc nổi tiếng thế giới người Đức, đồng thời là một nghệ sĩ piano và nhà chỉ huy dàn nhạc xuất sắc. Là một nhạc sĩ trường phái lãng mạn nhưng Brahms được mệnh danh là nhạc sĩ cổ điển nhất trong số các nhạc sĩ thuộc trường phái này.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Brahms sinh ngày 07 tháng 05 năm 1833 ở vùng ngoại ô thành phố cảng Hamburg miền Bắc nước Đức trong một gia đình nhạc sĩ nghèo. Cha của Brahms- ông Johann Jakob là nhạc công kèn cor và đàn contrabass. Mẹ của Brahms- bà Johanna nhiều hơn chồng tới 17 tuổi, và có lẽ cũng vì yếu tố tuổi tác mà bà thực sự là người "lãnh đạo" trong gia đình. Brahms còn có một người chị gái và một em trai. Brahms bộc lộ năng khiếu âm nhạc từ rất sớm, và chính người cha đã dạy cậu những nốt nhạc đầu tiên. Năm lên 7 tuổi, Brahms học piano với thầy Otto Cossel. Nhờ năng khiếu bẩm sinh xuất chúng và chăm chỉ luyện tập, tay đàn piano của Brahms nhanh chóng trở nên điêu luyện. Vài năm sau, Brahms theo học Eduard Marxen và được thầy chỉ dẫn thêm về piano cùng các môn lý thuyết âm nhạc nhằm bổ trợ cho lĩnh vực sáng tác. Là người thầy đáng kính, ông Eduard Marxsen luôn khích lệ, cổ vũ Brahms trên suốt chặng đường phát triển của học trò. Trong lĩnh vực sáng tác, Brahms tiếp thu rất nhanh và tự mầy mò nghiên cứu rất say mê. Ngoài âm nhạc, Brahms cũng rất thích đọc sách. Bộ sưu tập hơn 800 cuốn sách mà Brahms đã từng đọc hiện vẫn còn được lưu giữ tại Gesellschaft der Musikfreunde (Hội những người bạn âm nhạc), thành phố Vienne. Brahms đặc biệt yêu thích các tác phẩm dân gian, bao gồm cả âm nhạc, thơ ca và văn học.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, Brahms không được đào tạo trong môi trường âm nhạc chuyên nghiệp mà sớm phải bươn trải mưu sinh với nhiều công việc khác nhau như: làm gia sư; chơi đàn phục vụ trong các quán cà phê, quán rượu,... Từ năm 13 tuổi, Brahms đã phải cùng cha làm việc tại các hộp đêm trong vai trò của người nhạc công piano. Cũng để phục vụ cho việc kiếm tiền, trong thời niên thiếu, Brahms đã sáng tác khoảng 100 bản nhạc, chủ yếu là các tiểu phẩm salon mang tính giải trí chứ ít giá trị nghệ thuật.



Tòa nhà ở Hamburg, nơi Brahms sinh ra (Ảnh chụp năm 1891). Gia đình Brahms ở tầng 1, căn hộ phía sau hai cửa sổ bên trái.

Năm 17 tuổi (1850), Brahms gặp nghệ sĩ violon nổi tiếng Eduard Reményi khi ông mới từ quê hương Hungary di cư đến Hamburg vì lý do chính trị. Một thời gian sau, hai người hợp tác với nhau đi lưu diễn tại một vài thành phố của nước Đức. Năm 20 tuổi (1953), trong chuyến đi cùng Eduard Reményi, Brahms quen biết với nhạc sĩ tiền bối Franz Liszt (1811-1886) tại Weimar và nghệ sĩ violon tài năng cùng lứa tuổi Joseph Joachim (1831-1907) tại Hanover. Cuộc gặp gỡ giữa Brahms và Liszt không để lại nhiều ấn tượng do quan điểm âm nhạc khác nhau nhưng Joachim thì đánh giá rất cao tài năng của Brahms và đã lập tức viết thư giới thiệu Brahms với Robert Schumann (1810-1856)- lúc đó đã là một nhà soạn nhạc rất nổi tiếng. Cuộc gặp gỡ với Schumann là bước ngoặt lớn trong cuộc đời Brahms. Schumann là một nhà soạn nhạc đại tài, và hơn thế, ông còn là nhà lý luận phê bình được giới chuyên môn kính trọng. Lần đầu nghe Brahms trình diễn một số tác phẩm tiêu biểu của mình, Schumann đã nhận thấy ngay triển vọng thiên tài của người nhạc sĩ trẻ vô danh. Ngày 28 tháng 10 năm 1853, Schumann viết một bài báo nhan đề "Con đường mới" trên *Tạp chí âm nhạc mới*, trong đó ông ca ngợi Brahms là: *"Bậc thầy biểu đạt hoàn hảo tâm hồn thời đại"*. Những lời nhận xét có cánh được bảo đảm bởi uy tín của bậc thiên tài Schumann khiến giới chuyên môn bắt đầu chú ý đến Brahms, từ đó khích lệ người nhạc sĩ trẻ tài năng tự tin tiếp bước trên con đường nghệ thuật. Cũng từ đây, bắt đầu một mối quan hệ đầy ân tình giữa Brahms và gia đình Schumann. Đó là mối quan hệ rất đặc biệt, thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu.

Cũng phải nhấn mạnh thêm rằng, lúc gặp Brahms, Schumann đã "rửa tay gác bút" gần 10 năm vì cuối năm 1844, ông đã bán lại tờ *Tạp chí âm nhạc mới* của mình cho Brendel. Bất ngờ thú vị với việc phát hiện ra một thiên tài âm nhạc mới,

mặc dù thân đang mang bệnh nặng, Schumann vẫn viết ngay một bài báo ca ngợi Brahms với sự hào hứng hiếm có. Rõ ràng điều đó xuất phát từ xúc cảm thực sự của Schumann. Ngay sau lần gặp gỡ đầu tiên, như là nhân duyên tiền định, Brahms và gia đình Schumann nhanh chóng trở nên thân thiết. Schumann trở thành người thầy, người bạn thân thiết hết lòng giúp đỡ Brahms trong lĩnh vực sáng tác âm nhạc. Brahms được thoải mái sử dụng thư viện sách báo rất phong phú của Schumann, thỏa sức nghiên cứu phục vụ cho công việc sáng tác của mình. Trong khi đó, Clara Wieck (1819-1896)- vợ của thầy Schumann cũng rất quý mến tài năng và nhân cách của chàng nhạc sĩ trẻ. Clara là một nghệ sĩ piano, nhạc sĩ nổi tiếng đương thời, mà sau này Brahms được nhiều lần cùng bà đi biểu diễn khắp các nhà hát danh tiếng ở Châu Âu.

Nhận sự giúp đỡ đầy ân tình của gia đình Schumann, Brahms trở thành một người học trò trung thành đồng thời là người bạn thân tín nhất luôn giúp đỡ gia đình người thầy trong nhiều cơn sóng gió lớn của cuộc đời. Trước khi gặp Brahms, Schumann đã có tiền sử của bệnh tâm thần và bệnh tình của ông ngày càng nặng thêm. Sau lần nhảy xuống sông Rhine tự tử không thành vào ngày 27 tháng 2 năm 1854, Schumann phải ở trong bệnh viện thần kinh cho đến ngày qua đời. Trước tình cảnh Clara đang lưu diễn ở xa chưa về, Brahms chuyển đến nhà Schumann, như người "quản gia" góp sức trông nom những đứa trẻ và quán xuyến công việc gia đình cho thầy. Trong suốt một thời gian dài, Brahms và Joachim là những người thường xuyên ra vào bệnh viện thăm hỏi Schumann. Từ ngày Schumann qua đời (29 tháng 07 năm 1856) để lại bà Clara và 8 đứa con nheo nhóc, Brahms là người bạn luôn chia sẻ, động viên, giúp đỡ thiết thực trước những sự kiện trọng đại và những biến cố đau buồn của gia đình họ. Các nhà nghiên cứu cũng nhắc đến mối tình thầm lặng của Brahms dành cho bà Clara, người hơn ông 14 tuổi, dựa trên những thư từ qua lại giữa họ. Có thể đã có những lời dị nghị xung quanh mối quan hệ thân thiết này. Trích đoạn sau đây từ bản di chúc cho các con của bà Clara giúp chúng ta hiểu phần nào về tình cảm của họ: "*Ông ấy (Brahms) đã đến như một người bạn thực sự, chia sẻ với ta mọi nỗi buồn; ông đã truyền cho ta sức mạnh khi trái tim ta tưởng như đã sắp tan vỡ. Ông là người nâng đỡ tinh thần và giúp cho những suy nghĩ của ta trở nên sáng tỏ hơn. Ông là một người bạn với ý nghĩa trọn vẹn nhất của từ này. Thành thật mà nói rằng, ta chưa bao giờ yêu quý một người bạn nào giống như yêu quý ông ấy. Đó là sự đồng cảm một cách sâu sắc giữa hai tâm hồn. Ta yêu quý ông ấy không phải vì sự trẻ trung, cũng không phải bởi bất kỳ lý do phù phiếm nào khác, mà vì sự mềm mại của tâm hồn, tài năng thiên phú và trái tim cao thượng của*

ông... Joachim cũng là một người bạn tốt của ta, nhưng Johannes mới thực sự là người đã nâng đỡ ta. Các con hãy tin tất cả những điều ta nói và đừng bận tâm đến những kẻ nhỏ nhen, đố kỵ coi rẻ tình yêu và tình bạn của ta, những kẻ luôn nghi ngờ mối quan hệ đẹp đẽ này. Họ sẽ không bao giờ và không thể hiểu hết được đâu"

Sau khi Schumann mất, có một thời gian ngắn Brahms thay thế công việc của người thầy: tiếp nhận dàn nhạc cung đình và dạy nhạc cho công chúa Friederike tại tiểu quốc Detmond.

Năm 27 tuổi (1860), Brahms viết một bài báo ca ngợi người thầy Schumann trong đó có đụng chạm đến lập trường của trường phái Weimar mà đại biểu lớn của trường phái này là những nhạc sĩ thiên tài như: Wagner, Liszt, Berlioz, Bruckner,... Cần biết rằng thời kỳ này, ở nước Đức tồn tại hai trường phái âm nhạc lớn có quan điểm nghệ thuật đối lập là Weimer và Leipzig mà Brahms đứng về trường phái Leipzig. Những cuộc "bút chiến" nổ ra rất gay gắt giữa hai trường phái âm nhạc nổi tiếng của nước Đức làm cả hai bên mệt mỏi.

Có một giai thoại vui được kể lại nói về mối quan hệ giữa các nhạc sĩ thiên tài thuộc hai trường phái âm nhạc đối lập. Câu chuyện như sau:

Brahms và Bruckner là hai thái cực về âm nhạc, bởi vậy những người hâm mộ các ông cũng tự chia làm hai phe, vô tình tạo ra sự đối đầu căng thẳng hơn. May thay, một người trong số họ có suy nghĩ thông suốt muốn tìm cách hóa giải hai bậc thầy âm nhạc. Một hôm, ông ta mời hai nhạc sĩ đến dùng bữa tại một tiệm ăn ấm cúng. Sau tiếng chào xã giao lạnh lùng và câu trả lời nhát gừng, Bruckner ngồi xuống nghiên cứu thực đơn. Bỗng nhiên, mặt ông rạng rỡ hẳn lên:

- Chúa ơi! Ở đây có chả gan bọc trứng bột chiên giòn ăn với dưa chua bắp cải này, cho tôi một đĩa đi.

Ở phía bàn bên kia Brahms cũng ra vẻ thèm thuồng, ông nuốt nước bọt đánh ực một cái rồi kêu:

- Tôi cũng thế!

Bruckner cười nói:

- Ông bạn đồng nghiệp ơi! Ông thấy đó, chúng ta cũng có điểm nhất trí hòa hợp với nhau đấy chứ!

Năm 29 tuổi (1862), Brahms chuyển đến sinh sống ở Vienne và gắn bó suốt 35 năm với thành phố này cho đến ngày qua đời. Tại kinh đô của âm nhạc, Brahms dần dần được giới yêu nhạc mến mộ bởi tài năng sáng tác, chỉ huy và biểu diễn piano. Giai đoạn sống ở Vienne cũng là giai đoạn mà những sáng tác của Brahms vươn lên đến đỉnh cao nghệ thuật. Tại Vienne, Brahms còn tham gia

hoạt động trong các tổ chức âm nhạc, trình diễn các tác phẩm của mình và của các tác giả khác. Từ tháng 05 năm 1863 đến tháng 06 năm 1864, ông là người chỉ huy dàn hợp xướng Singakademie của Vienne. Từ tháng 09 năm 1872 đến tháng 04 năm 1875, Brahms làm chỉ đạo nghệ thuật cho *Hội những người bạn của âm nhạc*. Cũng tại Vienne, Brahms có lần gặp lại Liszt- một "đối thủ" thuộc trường phái Weimer. Có một giai thoại thú vị kể về cuộc gặp gỡ giữa hai nhạc sĩ vốn không hợp nhau ngay từ lần đầu gặp mặt, câu chuyện như sau:

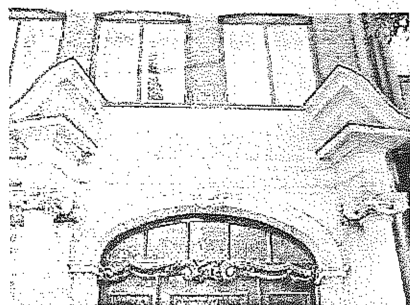
Khi Liszt về già, có lần ông đến thăm Vienne. Tại đây, ông mở tiệc chiêu đãi và mời nhiều nghệ sĩ danh tiếng, trong đó có Brahms. Trên đường đi dự tiệc, Brahms nói với bạn bè là Liszt hơi điên khi quan trọng hóa các huy chương và huân chương. Ông còn đoán chắc rằng tối nay thế nào Liszt cũng xuất hiện với mớ "trang phục màu mè". Và vì Brahms không muốn thua kém Liszt trong đêm nay nên ngược với tính cách bình thường, ông muốn khoe tất cả các huy chương, huân chương mà ông từng có. Trước khi vào phòng tiệc, Brahms biến mất trong một căn phòng nhỏ rồi xuất hiện trở lại với khuôn ngực rực rỡ lấp lánh. Nhưng thật bất ngờ, Liszt bước ra tiếp khách trong bộ quần áo đen giản dị của thầy tu mà không đeo một huy chương hay huân chương nào. Thế là Brahms vội vàng trốn vào khu vệ sinh tháo gỡ hết mớ "trang phục màu mè" ra cất vào túi áo khoác.

Những năm cuối đời, sức khỏe của Brahms suy yếu do căn bệnh ung thư, ông nhận được sự quan tâm giúp đỡ của bạn bè và những người giúp việc. Ngày 20 tháng 03 năm 1896, bà Clara Schumann mất, Brahms vẫn cố gắng vượt đường sá xa xôi trở về nước Đức để vĩnh biệt người bạn tri kỷ. Hơn một năm sau, Brahms cũng qua đời, đó là ngày 03 tháng 04 năm 1897. Lễ tang của Brahms được tổ chức trang trọng, hàng nghìn người yêu mến đã đến đưa tiễn người nhạc sĩ vĩ đại, trong đó có cả những quan chức chính quyền thành phố Vienne. Thi hài của Brahms được an táng tại nghĩa trang Währing thành phố Vienne, gần mộ của những bậc thiên tài tiền bối Beethoven và Schubert. Về sau, người ta đã di chuyển mộ phần của Brahms cùng các nhạc sĩ thiên tài từ nghĩa trang Währing đến nghĩa trang Zentralfriedhof (Vienne)- một trong những nghĩa trang lớn nhất thế giới.

Sau khi Johannes Brahms qua đời, người ta đã dựng tượng đài ông ở nhiều nơi trên thế giới để ghi nhớ tên tuổi của người nhạc sĩ thiên tài. Tại thành phố Vienne, công trình tưởng niệm Brahms được xây dựng gần tượng đài Beethoven và Schubert tại quảng trường Karlsplatz. Tại thành phố Hamburg quê hương ông, có một bảo tàng lưu giữ những kỷ vật lúc sinh thời của Brahms, còn căn nhà nơi ông sinh ra đã bị phá hủy trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Brahms không lập gia đình, ngoài tình yêu tinh thần với Clara Schumann, có thông tin cho rằng ông từng đính hôn với nữ ca sĩ Agathe von Siebold ở Göttingen vào năm 1859 nhưng không hiểu vì lý do gì mà hôn sự đã tan vỡ ngay trước ngày cưới. Brahms rất yêu thiên nhiên và trẻ thơ, ông thường đi dạo trong các khu rừng ở ngoại thành Vienne và mỗi lần như vậy ông đều mang theo rất nhiều kẹo để chia cho lũ trẻ ở đó.

Với những cống hiến to lớn cho nền âm nhạc thế giới, Brahms là niềm tự hào của nước Đức nói chung, và thành phố Hamburg nói riêng. Trước khi qua đời 8 năm (1889), Brahms đã được vinh danh là công dân danh dự của thành phố Hamburg quê hương ông.



Bảo tàng Brahms tại Hamburg

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Brahms là một nhạc sĩ có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc thế giới, nhất là trong lĩnh vực sáng tác. Nhìn chung, Brahms là nhà soạn nhạc rất tôn trọng những hình thức cấu trúc của âm nhạc cổ điển, trên cơ sở đó ông sáng tạo ra nhiều phương pháp phát triển chủ đề mới mẻ mang hơi thở của thời đại mình. Mặc dù Brahms là đại biểu của trường phái lãng mạn nhưng ông hoàn toàn không thích đặt tiêu đề cho các tác phẩm của mình giống như đa số các nhạc sĩ lãng mạn khác. Brahms để lại cho nhân loại hàng ngàn tác phẩm ở hầu hết các thể loại âm nhạc, trừ nhạc kịch vì ông chưa bao giờ thử nghiệm đối với thể loại âm nhạc này. Còn lại, ở bất cứ lĩnh vực sáng tác nào, Brahms cũng đều có những tác phẩm xuất sắc.

Trong lĩnh vực giao hưởng, người ta thường nhắc đến 4 bản giao hưởng của Brahms, đó là: *Giao hưởng số 1 cung Đô thứ, op. 68; Giao hưởng số 2 cung Rê trưởng, op. 73; Giao hưởng số 3 cung Fa trưởng, op. 90;* và *Giao hưởng số 4 cung Mi thứ, op. 98.*

Brahms là một trong những nhạc sĩ rất cầu toàn trong các sáng tác của mình. Bằng chứng là ông đã mất nhiều năm để hoàn thành bản *Giao hưởng số 1*. Một số nhà nghiên cứu cho rằng bản giao hưởng đó thực ra không phải là bản đầu tiên, vì bản đầu tiên đã không bao giờ được giới thiệu đơn giản bởi nó không làm Brahms ưng ý. Sự thực là Brahms đã không ít lần xé bản thảo sáng tác của mình vì chúng không được như mong muốn của ông.

Trong lĩnh vực thính phòng, Brahms viết rất nhiều các bản tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu, lục tấu, concerto,... và hầu như tác phẩm nào cũng được xem là tuyệt tác, chúng tôi chỉ liệt kê 4 bản concerto là những tác phẩm lớn của ông, đó là:

Concerto cho piano số 1 cung Rê thứ, op. 15; Concerto cho piano số 2 cung Si giáng trưởng, op. 83; Concerto cho violon cung Rê trưởng, op. 77; và *Concerto cho violon và violoncelle cung La thứ, op. 102,...*

Các bản giao hưởng cũng như concerto của Brahms thường có cấu trúc liên khúc sonate gồm 4 chương mẫu mực kiểu cổ điển, chứa đựng nội dung trữ tình, kịch tính với những xung đột phức tạp, trong đó chương đầu và chương cuối thường chứa đựng tính xung đột nhiều hơn, còn các chương giữa thường mang tính trữ tình, lãng mạn. Trong các sáng tác giao hưởng, thính phòng của Brahms, sự phát triển âm nhạc thường được đẩy lên tới mức căng thẳng dẫn đến sự dịch chuyển của các chủ đề, đó là một trong những đặc điểm riêng biệt trong phong cách của ông.

Trong lĩnh vực piano, Brahms cũng để lại cho nhân loại nhiều tác phẩm có giá trị. Là một nghệ sĩ piano xuất sắc thế kỷ XIX, Brahms có nhiều sáng tác cho piano nhằm phục vụ cho những buổi trình diễn âm nhạc của mình. Trong số hàng trăm tác phẩm viết cho piano phải kể đến: 3 sonate, 7 tổ khúc biến tấu, 18 Intermezzo, 3 rhapsody, những ballad, capriccio, étude,... cùng một số tác phẩm viết cho piano 4 tay như: 2 serie những điệu valse, 4 tập nhạc *Hungarian dances,...*

Hungarian dances (tạm dịch là *Những điệu nhảy Hungary*) là một tuyển tập gồm 21 tác phẩm với âm hưởng dân vũ Hungary đặc sắc, được Brahms khắc họa sinh động và đầy ấn tượng trên cây đàn piano.

So với các sáng tác piano thời kỳ cổ điển, cấu trúc giai điệu, tiết tấu, hòa thanh,... trong tác phẩm của Brahms là sự nối tiếp của Beethoven, nhưng có nhiều nét đặc sắc khác biệt như: giai điệu có nhiều quãng 3 song song, xuất hiện nhiều bước nhảy quãng rộng và các đoạn chạy kỹ thuật, chủ đề chuyển một cách tự do từ bè tay phải sang bè tay trái; xuất hiện nhiều tiết tấu đảo phách hoặc trì tục; hòa âm dày dặn như âm hưởng của dàn nhạc...

Trong lĩnh vực thanh nhạc, Bramhs sáng tác với số lượng khá lớn, gần 400 tác phẩm, trong đó có khoảng 200 ca khúc, romance, những cải biên dân ca; còn lại là các song ca, tam ca, tứ ca và hợp xướng.

Các ca khúc của Brahms cũng tiếp nối truyền thống ca khúc của Schubert và Schumann nhưng có lẽ gần Schubert hơn bởi sự đơn giản về cấu trúc giai điệu và giàu tính biểu hiện.

Có thể kể ra một số tác phẩm lớn viết cho hợp xướng và dàn nhạc giao hưởng của Brahms như: *Bài ca về số phận, Bài ca chiến thắng, đại hợp xướng Rinaldo, Requiem Đức op. 45,...*

Bản *Requiem Đức op. 45* là một tác phẩm tiêu biểu của Brahms, chứa đựng nội dung sử thi và triết lý sâu sắc. Đây là một tác phẩm lớn viết cho hợp xướng, dàn nhạc giao hưởng và đơn ca, với cấu trúc gồm 7 chương, lời ca viết bằng tiếng Đức, trong đó chương III và chương IV là phần solo của giọng nam trung (baritone), chương V cho nữ cao (soprano), các chương còn lại cho hợp xướng và dàn nhạc. Tác phẩm được khởi thảo từ năm 1857, sau nhiều lần sửa chữa trong suốt hơn 10 năm, tác phẩm đã được trình diễn lần đầu tiên tại Vienne năm 1868 và được dư luận đánh giá rất cao.

Quan điểm nghệ thuật coi trọng mẫu mực cổ điển là tư tưởng nhất quán trong con người Brahms, ông rất tôn sùng các nhạc sĩ thời kỳ cổ điển như Bach, Mozart, Beethoven,.... Brahms từng nói: "*Sáng tác đẹp như Mozart thì chúng ta chịu, nhưng ít nhất cũng phải cố gắng viết được tinh khiết như ông ấy*". Cuối đời, Brahms có một câu nói nổi tiếng: "*Có hai sự kiện lớn nhất đời tôi- đó là sự thống nhất nước Đức và việc xuất bản tuyển tập tác phẩm của Bach*". Còn giai thoại vui sau đây phần nào giúp chúng ta hiểu hơn về thái độ trân trọng của Brahms đối với nhạc sĩ Beethoven:

Một lần, Brahms được một nhà bảo trợ nghệ thuật mời đến nhà ăn tối. Để thể hiện sự tôn trọng với bậc thầy âm nhạc, gia chủ mở một chai rượu quý và nhấn mạnh chất lượng của rượu, ông ta nói:

- Thưa thầy, chai Brourgogne này chính là "Brahms"trong hầm rượu của tôi đấy!

Brahms khẽ gật đầu, cẩn thận nếm thử rượu một cách rất sành sỏi, ông lắc cái ly, hướng nó về phía ngọn nến rồi đặt nó xuống bàn mà không nói thêm một lời nào nữa.

- Thầy thấy rượu thế nào?- gia chủ hỏi với thái độ thận trọng.

- Ồ, được đấy- Brahms chậm rãi trả lời- Nhưng ngài có thể cho tôi làm quen với "Beethoven" của ngài được không?

Brahms thực sự là một nhạc sĩ độc đáo. Giữa lúc trào lưu lãng mạn đang lên đến đỉnh cao với những cách tân từ diện mạo đến nội dung âm nhạc thì Brahms vẫn tôn sùng cấu trúc âm nhạc cổ điển, kiên định với con đường của riêng mình. Có thể nói, đây chính là nét đặc trưng khác biệt trong phong cách sáng tác của Brahms và cũng là nhân tố quan trọng góp phần mang lại thành công lớn của ông trong sự nghiệp sáng tác âm nhạc.

CRADLE SONG

(Bài hát ru)

With gentle animation

Brahms

p *Left hand alone*

Both hands

R. H.

L. H.

pp

pp

pp

rall.

pp
a tempo

8va

pp

allarg.

ppp

rall.

* Bản nhạc trên của Brahms đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn.

VALSE

Teneramente e grazioso

Brahms

p dolce e legato

poco cresc.

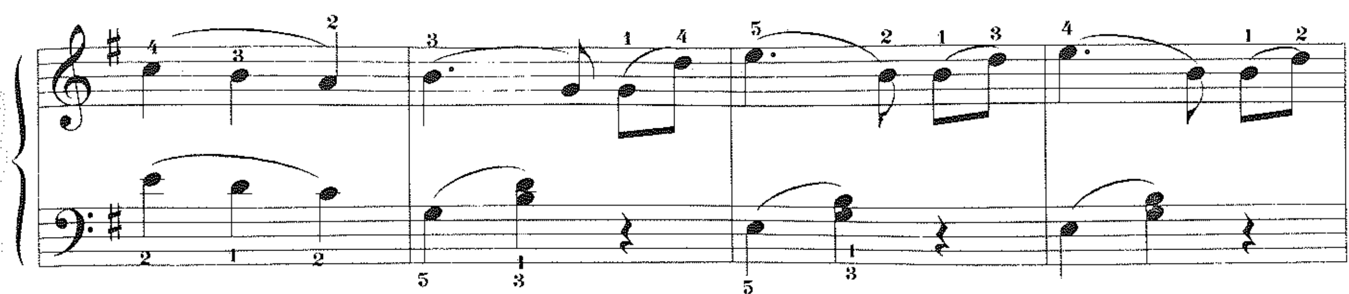
p

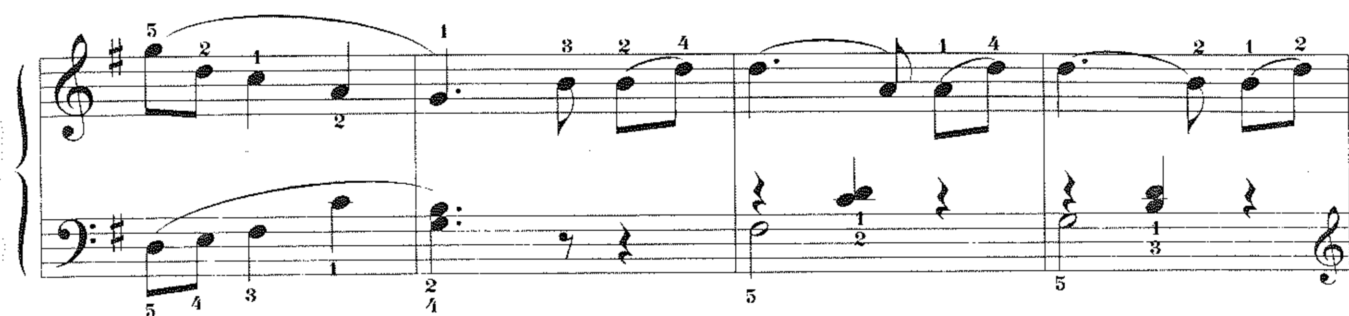
cresc.

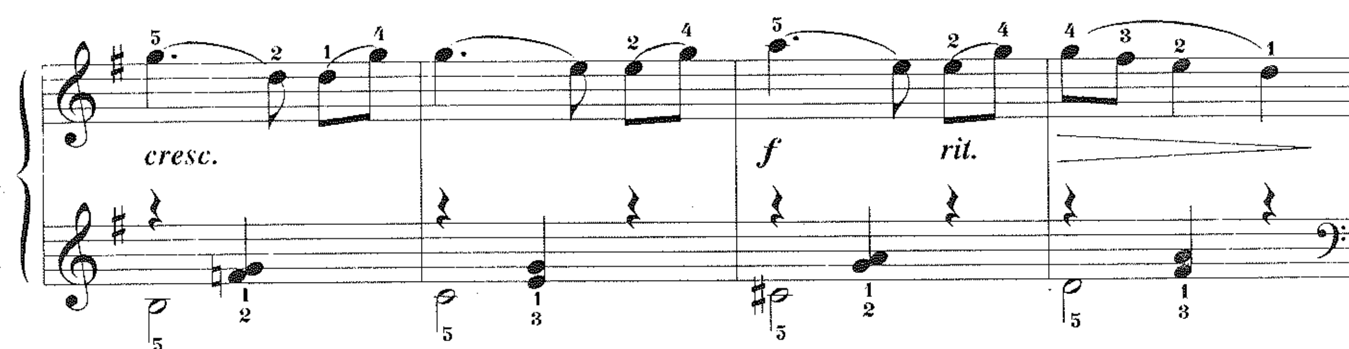
f

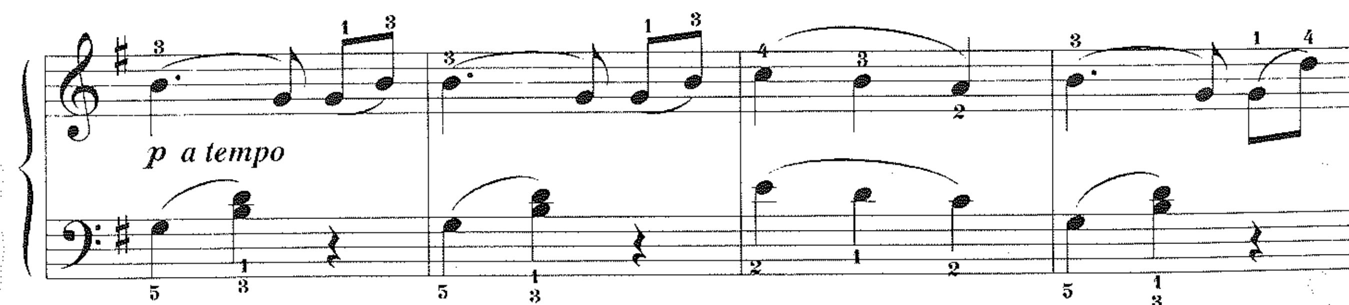
rit.

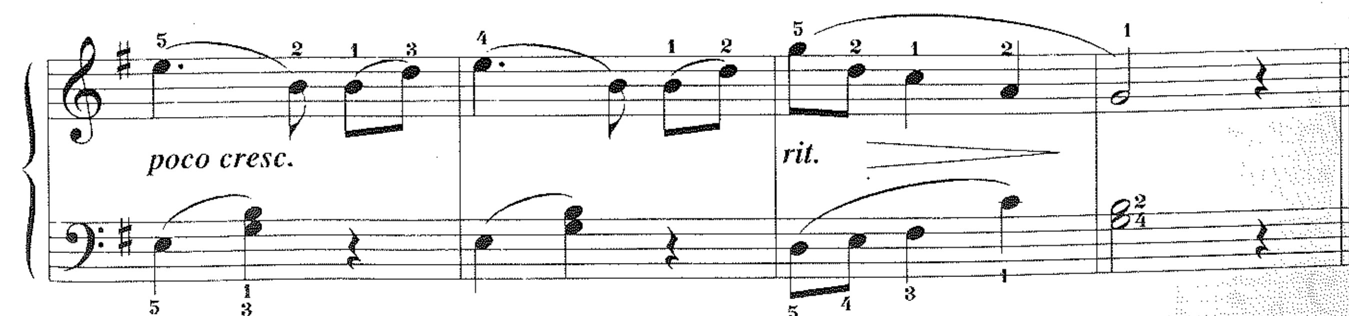
p a tempo











* Bản nhạc trên của Brahms đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Nghe CD tặng kèm để tham khảo cách biểu hiện tình cảm của tác phẩm gốc.

Trích đoạn

HUNGARIAN DANCE NO. 4

Brahms

Moderately

mf cantabile

accel. poco a poco

f

Fine

Lively

D.C. al Fine

* Bản *Hungarian dance no. 4* đã được biên soạn lược bớt để dễ chơi hơn. Bản nhạc gốc được viết cho piano 4 tay với giai điệu hoa mỹ, tốc độ uyển chuyển, và những nhấn nhá đặc sắc của phong cách dân vũ Hungary. Trước khi tập, bạn nên vào mạng internet để nghe tham khảo sắc thái, tình cảm và tốc độ của tác phẩm gốc.

Trích đoạn

HUNGARIAN DANCE NO. 5

Allegro

Brahms

* *Hungarian dance no. 5* là bản nhạc được nhiều người biết đến nhất trong số các vũ khúc Hungary của Brahms. Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Bản nhạc gốc được viết cho piano 4 tay với giai điệu sinh động, tốc độ uyển chuyển, và những nhấn nhá đặc sắc của phong cách dân vũ Hungary. Trước khi tập, bạn nên vào mạng internet để nghe tham khảo sắc thái, tình cảm và tốc độ của tác phẩm gốc.

Trích đoạn

HUNGARIAN DANCE NO. 6
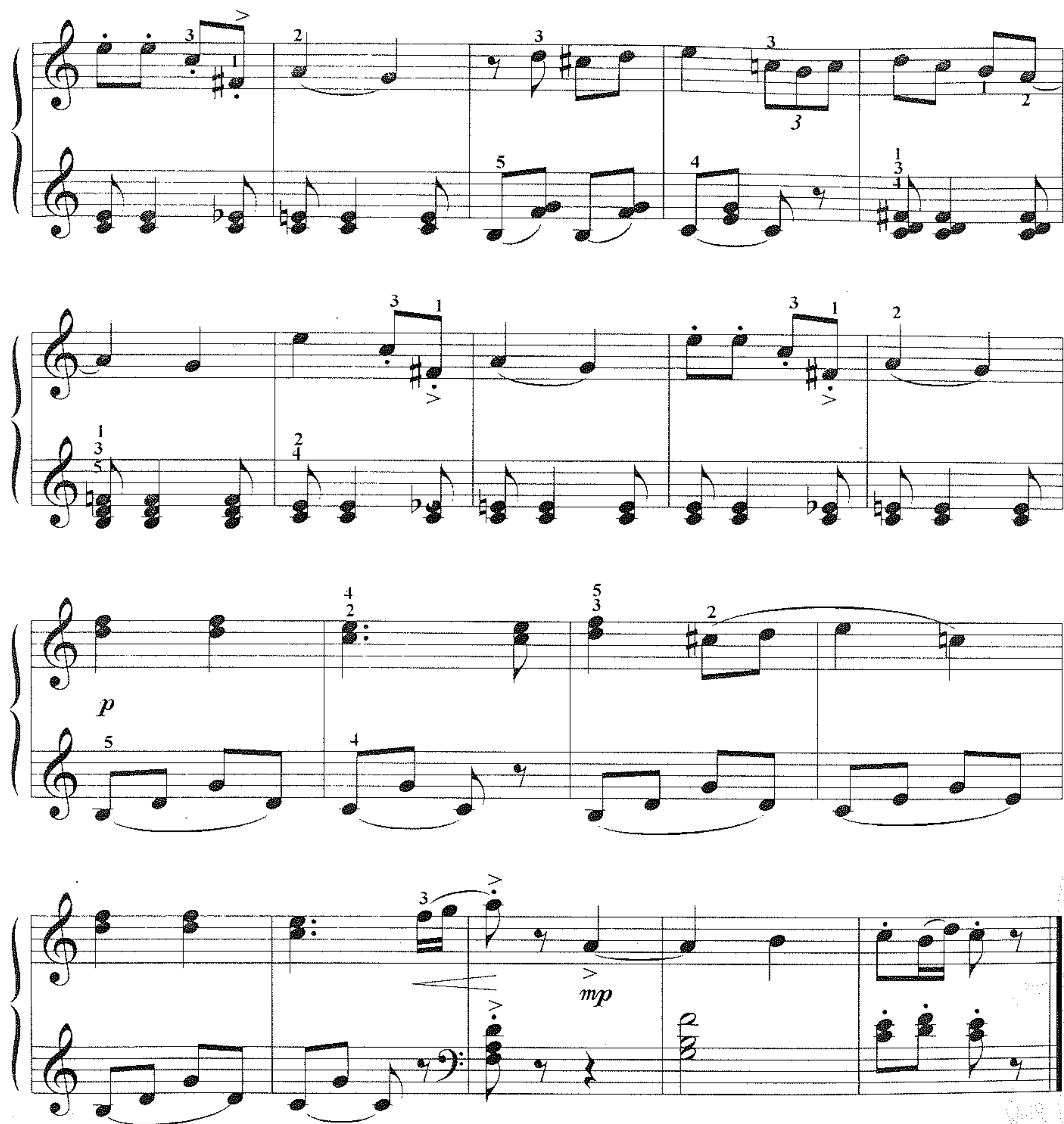
Allegro

Brahms

poco ritard.

Faster

Tempo primo



* Bản nhạc trên của Brahms đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Bản nhạc gốc được viết cho piano 4 tay với giai điệu hoa mỹ, tốc độ uyển chuyển, và những nhấn nhá rất đặc sắc của phong cách dân vũ Hungary. Trước khi tập, bạn nên vào mạng internet để nghe tham khảo sắc thái, tình cảm và tốc độ của tác phẩm gốc.

SYMPHONY No. 3

Chủ đề

Poco allegretto

Brahms

INTERMEZZO

Op. 117, no. 1

Andante moderato

Brahms

p dolce

dolce

poco a poco rit.

dim.

p

rit. molto

Più Adagio

pp *sempre, ma molto espressivo*

pp

p

pp

rit. . . . .

p

pp

pp

Un poco più Andante

(sempre pp)

p

dolce

dolce

rit. dim.

espressivo

rf

dim. rit.

pp

FRÉDERICH CHOPIN
(1810-1849)



Fréderich Chopin (F. Sô-panh)- nghệ sĩ piano xuất sắc, đồng thời là nhà soạn nhạc thiên tài thuộc trường phái âm nhạc lãng mạn. Tuy sinh ra ở Ba Lan nhưng năm 20 tuổi, định mệnh đã khiến Chopin phải sống tha hương cho đến khi từ giã cuộc đời ở tuổi 39 trên đất Pháp. Âm nhạc của Chopin là sự kết hợp nhuần nhụy những tinh hoa của nền âm nhạc cổ điển với cảm xúc trữ tình, phóng khoáng của trường phái lãng mạn. Bên cạnh một Chopin với tâm hồn âm nhạc lãng mạn, trữ tình, say đắm, người ta còn biết đến một Chopin dạt dào tình yêu đối với văn hóa dân tộc, thiên nhiên, đất nước và con người Ba Lan quê hương. Nhắc đến Chopin, người ta thường gọi ông là "nhà thơ của cây đàn dương cầm" với những bản nocturne, valse, ballad vô cùng trữ tình và quyến rũ, hoặc những bản polonaise, mazurka,... đặc sắc chứa đựng tình cảm sâu nặng với quê hương.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Chopin (tên đầy đủ theo tiếng Pháp là *Fréderich François Chopin*) chào đời ngày 01 tháng 03 (hoặc 22 tháng 02) năm 1810 ở Zelazowa Wola, một vùng nông trại cách trung tâm thủ đô Varsava ngày nay khoảng 50km. Cha của Chopin- ông Nicolas Chopin là người Pháp, chuyển đến Ba Lan làm ăn sinh sống từ năm 16 tuổi rồi gắn bó cả cuộc đời với vùng đất này. Mẹ của Chopin- bà Tekla Justyna Krzyzanowska là người Ba Lan, bà có giọng hát hay và biết chơi piano khá thành thạo. Hai người quen nhau khi cùng làm gia sư trong dinh thự của bá tước Skarbeks, nơi ông Nicolas đảm nhiệm việc dạy học cho các con trai, còn bà Tekla Justyna phụ trách việc dạy học cho các con gái của bá tước. Từ sở thích chung là

âm nhạc, họ yêu nhau, cưới nhau và sinh được bốn người con. Frédéric Chopin là người con thứ hai và là con trai duy nhất của ông bà Nicolas. Chị em Chopin được nuôi dưỡng và lớn lên trong môi trường văn hóa âm nhạc ngay tại gia đình. Từ khi còn rất nhỏ, Chopin đã tỏ ra khá nhạy cảm với âm nhạc. Tương truyền rằng mỗi khi nghe người mẹ chơi đàn, Chopin thường khóc thút thít và nếu như người mẹ chợt dừng tiếng nhạc thì cậu bé còn khóc to hơn. Người mẹ của Chopin kể lại lúc mới 3 tuổi, Chopin tự mình hì hục kê một chồng sách lên mặt ghế đàn piano để có thể ngồi tập những bản nhạc quen thuộc mà mẹ cậu vẫn thường chơi. Nếu sự việc này là có thật thì rất có thể cậu bé Chopin đã dựa vào trí nhớ âm nhạc phi thường để chơi đàn chứ lúc đó cậu chưa hề biết tên những nốt nhạc và phím đàn, cũng như chưa hề biết đến các kỹ thuật của ngón tay. Và những bài học piano đầu tiên của Chopin đã sớm được chị gái Ludwika và mẹ của cậu truyền thụ. Nhằm phát triển thiên khiếu của con trai, năm Chopin 6 tuổi, cậu được cha mẹ cho học đàn piano với một ông thầy người Séc tên là Wojciech Zywny. Ông Wojciech tuy là một nghệ sĩ chuyên về đàn violon nhưng vốn giàu kinh nghiệm sư phạm, ông đã có công khai mở tài năng và định hướng ban đầu cho cậu học trò giỏi giang của mình.

Lúc 8 tuổi, Chopin đã có buổi biểu diễn âm nhạc đầu tiên trước công chúng và rất được hoan nghênh. Sau buổi biểu diễn ấy, tờ "Thời báo Varsava" ngoài lời khen "*Chopin là một nghệ sĩ kỳ tài*" còn kèm theo nhận xét: "*Chopin hoàn toàn không hồi hộp- một dấu hiệu của tài năng hiển nhiên*". Kể từ đó, Chopin xuất hiện nhiều hơn trong phòng khách của giới quý tộc- vốn thường thích xem những "thần đồng" biểu diễn để thỏa mãn trí tò mò nhiều hơn là thưởng thức nghệ thuật. Tuy nhiên, thầy Wojciech Zywny cũng cố gắng điều tiết lịch biểu diễn của Chopin cân bằng với việc học tập âm nhạc. Cũng trong khoảng tuổi lên 7 hoặc lên 8, Chopin đã có những sáng tác thể nghiệm đầu tiên, đó là những tiểu phẩm thuộc các thể loại *march, polonaise, valse,...*

Với lòng say mê âm nhạc và sự chăm chỉ luyện tập, Chopin tiến bộ nhanh chóng và tiếng đàn piano của cậu ngày càng có sức biểu cảm hơn. Về khả năng chơi đàn kỳ diệu của Chopin từ tuổi ấu thơ, có một giai thoại vẫn được nhiều người nhắc đến:

Gia đình Chopin có một ngôi nhà rộng rãi nên thường cho một số học sinh cũng trạc tuổi cậu ở trọ. Một hôm, bọn trẻ nô đùa, nghịch ngợm làm xáo động cả căn nhà vốn yên tĩnh. Muốn bọn trẻ lặng yên, Chopin liền kể câu chuyện về một bọn cướp hung ác. Chọn ngôi làng yên bình, bọn cướp tấn công và đốt phá rất tàn

bạo. Những thanh niên trong làng dũng cảm chiến đấu chống lại, bọn cướp thua và phải tháo chạy. Chúng chỉ còn con đường duy nhất là trốn vào một hang sâu dưới chân núi. Trong hang tối tăm, lạnh lẽo, đó đây ẩn hiện những hình thù kì dị. Bọn cướp vừa đói vừa mệt, lăn ra đất rồi nhanh chóng ngủ thiếp đi... Đến cao trào câu chuyện, Chopin dùng đàn miêu tả khung cảnh dưới hang sâu bằng những âm thanh run rẩy. Thính giả như nghe thấy tiếng thầm thì của khu rừng đại ngàn, làn gió rì rào xao động thổi ngoài cửa hang, tiếng kêu rả rích của côn trùng và tiếng ngáy đều đều của bọn cướp. Cuối cùng thì không chỉ bọn cướp mà những người nghe chuyện cũng bị tiếng đàn ru ngủ lúc nào không hay. Đến đây, Chopin rón rén ra khỏi phòng tìm bố mẹ rồi chỉ cho họ thấy cảnh tượng khác thường ấy. Cậu trở lại bên cây đàn và bấm mạnh hai tay xuống hàng phím. Âm thanh vang lên chói tai, bọn trẻ giật mình tỉnh giấc. Trước những khuôn mặt còn ngơ ngác, Chopin nhẹ nhàng kể tiếp, cậu nói đó là tiếng sét đánh xuống cây cổ thụ, làm nó gẫy gục, lấp kín cửa hang. Rồi trận mưa dữ dội đổ xuống, nước ngập đầy hang, bọn cướp không còn đường ra nên bị chết đuối hết.

Câu chuyện và cách kể độc đáo của Chopin đã in sâu vào trí nhớ của nhiều người từng sống trong ngôi nhà đó.

Sớm nhận thấy thiên tư xuất chúng của Chopin, từ lâu ông Wojciech Zywny đã có ý định tìm một người thầy giỏi để hướng Chopin sang lĩnh vực sáng tác âm nhạc. Khi Chopin 14 tuổi (1822), ông Wojciech Zywny giới thiệu Chopin với giáo sư Joseph Elsner- người đứng đầu Nhạc viện Varsava. Joseph Elsner (1769-1854) là một nhạc sĩ sáng tác có tài, tác giả của nhiều vở nhạc kịch Ba Lan, đồng thời cũng là nhà sư phạm, nhà hoạt động xã hội có uy tín. Nhận thấy triển vọng và nhân cách tốt đẹp ở Chopin, Elsner đặc biệt quan tâm bồi dưỡng tài năng nhỏ tuổi này. Ông bắt đầu dạy Chopin lý thuyết, hòa thanh và đối vị phức điệu. Chopin nhanh chóng viết được một số bản nhạc cho piano khá đặc sắc. Năm 1825, chàng nhạc sĩ 15 tuổi Chopin đã có hai tác phẩm được xuất bản ở kinh đô âm nhạc- thành phố Vienne. Năm 16 tuổi (1826), Chopin thi vào Nhạc viện Varsava để theo học âm nhạc một cách chuyên nghiệp. Ông Elsner đặc cách cho Chopin tập trung vào học môn sáng tác, piano và một số môn lý thuyết cần thiết. Elsner vốn nổi tiếng là người thầy nghiêm khắc, ông thường yêu cầu các học trò phải tuân theo nguyên tắc âm nhạc cổ điển, nhưng riêng đối với Chopin, ông cho phép cậu tự do hơn trong cấu trúc để phát triển những nét nhạc độc đáo mang dấu ấn cá nhân. Ông cũng khuyên các đồng nghiệp của mình tạo điều kiện cho Chopin có thời gian tập trung để phát triển những năng lực âm nhạc đặc biệt. Elsner là người am

hiểu về âm nhạc dân gian, ông cũng hướng Chopin vào con đường sáng tác âm nhạc kinh điển nhưng mang đậm bản sắc dân tộc Ba Lan. Ngoài tài năng vượt trội, Chopin cũng được các giáo sư trong nhạc viện rất quý mến bởi nhân cách đạo đức của mình: chịu khó học hỏi và rất mực khiêm tốn. Sau ba năm học tập miệt mài, Chopin tốt nghiệp Nhạc viện Varsava năm 1829 với thành tích xuất sắc. Giáo sư Joseph Elsner đã viết trong một bản báo cáo: "*Chopin, Fréderic, học sinh năm thứ 3, một tài năng lớn, thiên tài âm nhạc*".

Ngoài những lúc tập trung thời gian cho học hành, vào các kỳ nghỉ hè, Chopin thường được những người bạn ở trọ nhà cậu mời về quê chơi. Đó là những chuyến du lịch vô cùng thú vị và bổ ích tới nhiều vùng thôn quê trên khắp đất nước Ba Lan. Trong những chuyến đi ấy, nhạc sĩ trẻ tuổi có cơ hội thưởng thức và ghi nhớ những bài hát dân ca, trực tiếp tham dự những sinh hoạt văn hóa, lễ hội, đám cưới,... ở các làng quê. Cuộc sống gần gũi chốn đồng quê giàu bản sắc văn hóa sau này đã góp phần tạo nên một thứ ngôn ngữ âm nhạc Chopin rất riêng và độc đáo, thấm đượm âm hưởng dân ca, dân vũ Ba Lan.

Năm 19 tuổi (1829), Chopin sáng tác bản *concerto cung Fa thứ, op. 21* và cùng trong năm đó, được sự khích lệ, ủng hộ của những người thầy và gia đình, nhạc sĩ trẻ Ba Lan đã đến Vienne để trình diễn lần đầu tiên. Cả hai buổi biểu diễn của Chopin đều được công chúng thành Vienne hết sức tán thưởng. Trở về nước trong niềm hân hoan của gia đình, thầy cô và bạn bè, Chopin bắt tay ngay vào làm việc để rồi năm sau đó (1830), Chopin có những buổi trình diễn vô cùng ấn tượng bản *concerto cung Fa thứ, op. 21* và *concerto cung Mi thứ, op.11* tại chính thành phố Varsava quê hương. Từ lâu, những người quan tâm đến tiền đồ của Chopin và đất nước Ba Lan vẫn luôn mong mỏi người con ưu tú của dân tộc mình chuyển đến một trong những trung tâm âm nhạc lớn ở Tây Âu như Paris, London, Roma, Vienne,... để thiên tài trẻ tuổi có thể tỏa sáng và mang lại vinh quang cho quê hương đất nước. Là một người vô cùng nhạy cảm, Chopin rất trăn trở, ông hiểu mong muốn chính đáng của những người thân nhưng ông yêu quê hương và không nỡ lìa xa, mặt khác ông thích sự giản dị và không ham mê danh vọng. Nhưng sứ mệnh đã đặt lên vai người thiên tài trọng trách to lớn với dân tộc, mà người có lương tri như Chopin không thể chối từ. Sau nhiều lần phân vân, Chopin quyết định ra đi. Tháng 10 năm 1830, Chopin có đêm diễn cuối cùng tại thành phố Varsava. Trong buổi tối chia tay xúc động ấy, một người bạn đã tặng Chopin nắm đất quê hương đựng trong chiếc ly bằng bạc gửi gắm những hy vọng và mong mỏi sâu sắc về người nhạc sĩ tài ba. Ngày 02 tháng 11 năm 1830, Chopin cùng một

người bạn thân lên đường, bắt đầu chuyến đi vĩnh viễn xa lìa Tổ quốc của ông, với điểm dừng chân đầu tiên là thành phố Vienne.

Nhìn lại giai đoạn 20 năm đầu đời sống ở quê hương, chúng ta thấy Chopin rất hạnh phúc và có nhiều yếu tố thuận lợi cho sự phát triển tài năng. Cũng vào năm Chopin sinh ra (1810), cả gia đình chuyển về trung tâm thành phố khi người cha của cậu được mời làm giáo viên Pháp văn tại một trường trung học ở Varsava. Cha mẹ của Chopin vốn là những người hiếu khách nên dần dần, ngôi nhà của gia đình Chopin trở thành nơi giao lưu, đàm luận các vấn đề về lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội, nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc,... của những nhà trí thức, văn nghệ sĩ tài năng ở Varsava. Sống trong không gian văn hóa và âm nhạc sôi nổi như vậy nên ngay từ nhỏ, Chopin đã được lĩnh hội nhiều kiến thức bổ ích trên nhiều lĩnh vực một cách hết sức tự nhiên, trong đó cậu tỏ ra đặc biệt yêu thích văn học và lịch sử. Về việc học âm nhạc, có một điểm không thật sự hoàn hảo trong môn piano, đó là những người thầy của Chopin đều không phải là những nghệ sĩ piano chuyên nghiệp, chẳng hạn như Zywny là nghệ sĩ violon, còn sở trường của Elsner là sáng tác. Tuy nhiên, những thầy giáo của Chopin là những người tận tụy, tâm huyết, giàu kinh nghiệm sư phạm, họ đã góp phần tạo dựng những tiền đề căn bản, khuyến khích và theo sát những bước phát triển của Chopin. Một nhân tố gián tiếp nữa không kém phần quan trọng là trong suốt thời niên thiếu, Chopin đã được đi rất nhiều nơi trên đất nước Ba Lan để thẩm thấu những làn điệu dân ca đặc sắc. Tất cả những nhân tố trên góp một phần lớn vào những thành công trong sự nghiệp sáng tác của Chopin sau này.

Khi Chopin rời Tổ quốc để đến Vienne cũng là lúc cuộc khởi nghĩa 1830-1831 của nhân dân Ba Lan bùng nổ. Cần nhớ rằng, Ba Lan là nước Trung Âu nằm ở một vị trí chiến lược, là phần đất nằm giữa vùng Đông Âu và Tây Âu, bởi vậy, đất nước Ba Lan luôn là miếng mồi cho các đế chế mạnh hơn xâu xé. Trước khi Chopin chào đời khá lâu, Ba Lan đã bị phân chia thành nhiều mảnh do nhiều nước chiếm đóng như Nga, Áo,... Đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nhân dân nổ ra nhưng rồi đều bị thất bại. Thời tuổi trẻ, chính người cha của Chopin cũng đã từng tham gia vào cuộc khởi nghĩa chống Sa hoàng nước Nga năm 1794 do thủ lĩnh người Ba Lan tên là Kosciuszko lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng nó vẫn âm ỉ, nhen nhóm ý thức giải phóng dân tộc trong cộng đồng những người Ba Lan yêu nước. Rất nhiều người bạn thân của Chopin cũng bí mật tham gia vào những lực lượng khởi nghĩa. Kế thừa lòng yêu nước từ người cha, Chopin được nuôi dưỡng và lớn lên trong tinh thần sắt son ấy, bản thân Chopin cũng là người luôn nặng

lòng với Tổ quốc. Đó có lẽ cũng là lý do vì sao Chopin phân vân rất nhiều trước quyết định ở lại quê hương hay ra đi.

Khi Chopin đến nước Áo, người ta nghi ngờ thái độ chính trị của những người Ba Lan, tất nhiên không trừ Chopin. Bởi vậy, nhạc sĩ trẻ không nhận được sự ủng hộ từ những mối quen biết cũ và các buổi trình diễn tại thành phố Vienne trong chuyến đi lần thứ hai này đã không thể tổ chức. Chán nản, Chopin định lên đường đến London hoặc Paris. Khi đi qua thành phố Stuttgart (Đức), Chopin hay tin cuộc khởi nghĩa ở quê hương đã thất bại, ông vô cùng đau đớn và từ ngày đó, cuộc đời ông bước vào những trang bi thương nơi đất khách quê người..

Tháng 09 năm 1831, Chopin đến Paris- một xứ sở hoàn toàn xa lạ với ông. Giống như rất nhiều người Ba Lan di cư sau cuộc cách mạng không thành, cuộc sống tại kinh đô ánh sáng vô cùng bỡ ngỡ và thật không dễ dàng với nhạc sĩ trẻ. Được sự giúp đỡ của một số đồng nghiệp, ngày 26 tháng 02 năm 1832, Chopin lần đầu tiên bước lên sâu khấu lớn tại Paris. Buổi biểu diễn tuy không nhiều khán giả nhưng rất thành công về mặt nghệ thuật, được báo chí và dư luận Paris khen ngợi. Nhà nghiên cứu và phê bình âm nhạc nổi tiếng người Bỉ Francois Joseph Fétis (1784-1871) đã có bài viết trên "Tạp chí âm nhạc", trong đó có đoạn: "*Chàng trai trẻ này không hề mô phỏng theo một kiểu mẫu nào và đã tìm thấy những điều mới mẻ, nếu không là sự đổi mới hoàn toàn diện mạo của âm nhạc cho piano, thì chí ít cũng là đổi mới một phần mà bấy lâu nay chúng ta vẫn kiếm tìm. Có thể nói, đó là những tư tưởng độc đáo chưa từng thấy ở bất cứ đâu...*" Còn Franz Liszt (1811-1886) lúc đó đã là một nghệ sĩ piano nổi tiếng tại Paris cũng có mặt trong buổi hòa nhạc của Chopin, ông viết: "*Lúc đó, tôi cảm thấy tiếng vỗ tay nhiệt liệt dành cho anh thực ra chỉ là một món quà nhỏ bé đối với bậc thiên tài độc đáo này, vì anh ta đã mở ra cho chúng ta một thế giới kỳ diệu đầy ý thơ, đồng thời, dẫn dắt nghệ thuật đi vào con đường mà trước đây chưa từng biết*". Hai nhạc sĩ ngoại kiều Chopin và Liszt với mối đồng cảm của cuộc sống tha hương và sự đồng điệu của hai tâm hồn âm nhạc lớn sau này đã nhanh chóng trở thành những người bạn thân thiết.

Có một số giai thoại nói về sự hóm hỉnh của Liszt và bản chất rất mực khiêm tốn của thiên tài Chopin:

Một lần, Liszt đố Chopin biểu diễn trước khán giả trong phòng tối om như chính mình đã từng diễn trước đó. Chopin nhận lời. Sau khi đã kêu tắt hết nến, hạ tất cả các rèm cửa, và Chopin đã bắt đầu chơi, Liszt lại gần Chopin, thì thầm gì đó vào tai Chopin, rồi ngồi xuống chơi tiếp bản nhạc Chopin vừa bắt đầu.

Sau khi kết thúc, Liszt cho thắp nến lên, và cho khán giả biết đó là mình vừa chơi chứ không phải Chopin như tất cả mọi người lầm tưởng khi nghe trong bóng tối. Khán giả mắt tròn mắt dẹt vỗ tay khâm phục.

Liszt quay sang hỏi Chopin:

- Ông thấy thế nào?

- Tôi cũng tưởng đó là Chopin- Chopin trả lời.

- Ông đã thấy chưa?- List nói- Liszt có thể chơi như Chopin khi nào hắn muốn, nhưng liệu Chopin có chơi được như Liszt không?

Một lần khác, Liszt chơi một bản dạ khúc của Chopin, và tự ý thay đổi vài chỗ. Chopin ngồi nghe trong khán phòng, không chịu nổi, bèn nói:

- Bạn thân mến của tôi, tôi van ông, khi ông đã hạ cố chơi nhạc của tôi thì xin ông chơi đúng như tổng phổ, hoặc không thì thôi, chứ đừng thêm bớt gì cả.

Liszt đứng phắt dậy khỏi piano và nói với Chopin: "Thế thì ông tự mình chơi đi".

- Sẵn lòng thôi- Chopin trả lời.

Đúng lúc đó, một con bướm đêm rơi vào làm tắt ngọn đèn. Những người hầu định thắp đèn lên, thì Chopin ngăn lại:

- Không, tắt hết đèn đi. Ánh trăng là đủ rồi!

Sau đó ông chơi khoảng một giờ. Khi ông đựng lên, tất cả thính giả đều đẫm nước mắt. Liszt ôm lấy Chopin và nói:

- Ông nói rất đúng! Những tác phẩm như của ông cần phải được giữ nguyên, không ai được can thiệp vào. Những thay đổi bởi người khác chỉ làm hỏng chúng. Ông là một thi sĩ đích thực của cây đàn dương cầm.

- Ồ, có gì đâu- Chopin khiêm tốn trả lời- Mỗi chúng ta đều có phong cách riêng của mình.

Sau một thời gian đến Paris, Chopin có vài buổi biểu diễn nhưng chúng không mang lại nguồn tài chính ổn định để chàng nhạc sĩ trẻ có thể trang trải cuộc sống đắt đỏ tại thủ đô nước Pháp. Đã có lúc, Chopin định chuyển đi nơi khác nhưng rồi cuộc đời lại mở ra cho ông những cơ hội mới: một quý tộc đồng thời là nhạc sĩ và nhà bảo trợ nghệ thuật Antoni Henryk Radziwitt (1775-1833) từng biết đến tài nghệ của Chopin đã mời nhạc sĩ trẻ đến biểu diễn tại cung điện của mình. Ông quý tộc giàu có này thường tổ chức các buổi hòa nhạc do chính mình chơi một số loại nhạc cụ hòa tấu cùng với một số nhạc sĩ tên tuổi như: Beethoven, Paganini, Goethe, Chopin,... Buổi biểu diễn của Chopin tại cung điện của Radziwitt nhận được sự tán thán của nhiều quý tộc có mặt hôm đó. Kết quả, Chopin được mời biểu diễn nhiều hơn trong các dinh thự và trở thành thầy giáo

dạy đàn uy tín cho giới thượng lưu tại Paris. Nhờ đó, đời sống của người nhạc sĩ trẻ dần dần ổn định về mặt tài chính.

Chopin cũng kết giao với nhiều nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ lỗi lạc đương thời như: Victor Hugo, Dumas (cha), Balzac (nhà văn nổi tiếng người Pháp); Lamartine (nhà thơ, nhà văn theo trường phái lãng mạn nổi tiếng người Pháp); Heine (nhà thơ nổi tiếng của Đức); Ferdinand Delacroix (họa sĩ người Pháp); Berlioz (nhà soạn nhạc người Pháp); Rossini (nhà soạn nhạc người Ý); Paganini (nghệ sĩ violon, viola, guitar và nhà soạn nhạc người Ý); Meyerbeer (nhà soạn nhạc opera người Đức); Thalberg (nhà soạn nhạc và nghệ sĩ piano Thụy Sĩ),... Năm 1834, Chopin gặp Mendelssohn khi đến Aachen tham dự lễ hội âm nhạc. Trong một bức thư gửi cho cha mẹ, nhà soạn nhạc thiên tài người Đức Mendelssohn có kể về cuộc gặp này và ca ngợi Chopin là "*người số một trong gia đình piano*". Tại Leipzig, Chopin cũng có lần gặp gỡ và quen biết với Schumann và Clara (vợ của Schumann, một nữ nghệ sĩ piano nổi tiếng đương thời).

Năm 26 tuổi (1836), qua nhạc sĩ Franz Liszt, Chopin quen với nữ nhà văn nổi tiếng Aurore Dupin (còn gọi là *quý bà Dudevant*, giới văn chương biết đến bà với bút danh *George Sand*). Cũng trong năm này, cơ thể Chopin đã xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của bệnh lao phổi, một trong "tứ chứng nan y" thời kỳ đó. Và ông đã được George Sand quan tâm chăm sóc hết sức tận tình, chu đáo. Một thời gian sau, Chopin chuyển đến chung sống với George Sand như vợ chồng trong hơn 9 năm từ năm 1838 đến 1847.

Theo các nhà nghiên cứu, Chopin chưa từng chính thức kết hôn với ai, trái tim tình yêu của ông dường như rung động nhiều nhất với ba người phụ nữ. Mối tình đầu của Chopin dành cho cô gái tên là Conxtanxia- một sinh viên thanh nhạc học cùng nhạc viện với ông. Conxtanxia là một cô gái xinh đẹp, dễ thương, có giọng hát trong sáng như chim họa mi. Mối tình đầu tiên đã qua đi do tính cách hơi nhút nhát của Chopin, trong khi Conxtanxia lại có quá nhiều chàng trai quý tộc săn đón. Conxtanxia từng là nguồn cảm hứng để Chopin viết một số ca khúc, tác phẩm piano và cả bản *concerto cung Fa thứ, op. 21*.



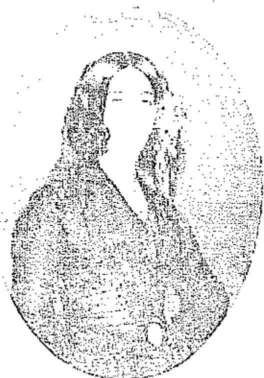
Maria Wodzinska

Mối tình thứ hai bắt đầu vào năm 1835 khi Chopin- 25 tuổi- gặp Maria Wodzinska- tiểu thư 16 tuổi xinh đẹp thuộc giới quý tộc Ba Lan có khả năng chơi piano rất xuất sắc. Hai người đã đính hôn nhưng cuối cùng mối nhân duyên không "môn đăng hộ đối" này cũng không thành do gia đình cô gái quyết tâm ngăn cản.

Mối tình thứ ba kéo dài gần 10 năm với nữ nhà văn người Pháp có bút danh George Sand, đây mới thực sự là mối tình mang lại nhiều hạnh phúc cũng như khổ đau cho Chopin. Mối tình này được tái hiện trong cuốn sách mang tên *Sô-panh,* của tác giả Ph. M. Ốc-giê-khốp-xkai-a, chúng tôi xin tóm lược như sau:

Qua những người bạn, George Sand được nghe những lời ca ngợi về thiên tài độc đáo của chàng nhạc sĩ trẻ người Ba Lan. Còn Chopin thì biết đến George Sand với cá tính lập dị và thậm chí còn nghe những lời đồn đại ác ý của dư luận về nàng chẳng hạn như: nghiện hút thuốc lá, uống rượu, hay mặc quần áo đàn ông,... George Sand hơn Chopin 6 tuổi và từng có một đời chồng nhưng đã ly dị mang theo hai người con, một trai, một gái. Khi gặp Chopin, George Sand đã là một nhà văn nổi tiếng với một số tiểu thuyết đang bán rất chạy tại Paris. Các tiểu thuyết của George Sand thể hiện tư tưởng tiến bộ, đấu tranh cho nữ quyền và khát vọng tình yêu cao cả. Sau nhiều lần gặp gỡ, dẫu George Sand không giống như lời đồn đại nhưng Chopin cũng không có nhiều thiện cảm với nàng trong khi nàng lại đem lòng yêu Chopin tha thiết. Mặc dù biết rằng nhạc sĩ trẻ thân đã mang trọng bệnh, hơn nữa chàng vẫn còn vương vấn tình cảm với Maria Wodzinska, nhưng George Sand vẫn thể hiện tình yêu cháy bỏng của mình bằng sự quan tâm, chăm sóc Chopin hết mực. Trước sự chân thành và theo đuổi không biết mệt mỏi của George Sand, dần dần những ân tình mới đã bắt đầu xuất hiện trong trái tim nhạc sĩ. George Sand từng đưa Chopin xuống miền Nam nước Pháp, nơi có khí hậu ấm áp hơn để Chopin nghỉ ngơi và dưỡng bệnh. Suốt sáu tháng trên đảo Majorka, nàng luôn ở bên cạnh chăm sóc Chopin. Cảm động trước tấm chân tình của George Sand, Chopin từng viết về cảm xúc của mình: "*tôi không phải sống trên mặt đất mà là đang sống trong thế giới thần tiên, có mây mù bao quanh, có mùi thơm ngào ngạt...*". Mùa thu năm 1838, Chopin quyết định chuyển đến sống chung với George Sand và hai con của nàng. Cuộc sống đơn độc nơi đất khách quê người của chàng nhạc sĩ Ba Lan cuối cùng cũng tìm được một chút yên ấm và hạnh phúc. Giai đoạn đầu từ 1838-1845, cuộc sống của họ khá êm ả, rất nhiều tuyệt phẩm của Chopin đã được sáng tác trong thời gian này, một phần do cảm xúc tình yêu nhưng lý do chính có lẽ là nhạc sĩ đã có được cuộc sống yên tĩnh trong các khu nghỉ dưỡng và trong ngôi biệt thự xinh đẹp của tình nhân. Về sau, bệnh tật của Chopin ngày càng có dấu hiệu tăng nặng, sự cáu kỉnh phát sinh từ cơ thể ốm yếu vượt quá sự kiểm soát của ông. Đây là một trong những nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến sự suy giảm tình yêu của họ. Cuối cùng George Sand đã chủ động chia tay Chopin trong khi bệnh của nhạc sĩ đã rất nặng. Lý do cuối cùng mà George Sand đưa ra trước khi chia tay là do Chopin luôn

bênh vực con gái của bà trước những mâu thuẫn của hai mẹ con, nhưng có lẽ lý do chủ yếu chính là sự mệt mỏi đã lớn hơn rất nhiều tình cảm của bà đối với Chopin. Sự đổ vỡ trong tình yêu đã làm tinh thần của Chopin suy sụp, gần như không còn sức lực để chống chọi với bệnh tật và sự nghiệp sáng tác của ông cũng đuối dần kể từ ngày đó.



George Sand (1804-1876)

Trong thời gian ở Pháp, Chopin ít xuất hiện trên sân khấu lớn, có tài liệu thống kê trong gần 19 năm sống tại Paris, Chopin chỉ có 30 buổi trình diễn. Ngoài công việc biểu diễn và dạy học, thời gian còn lại ông chuyên tâm vào sự nghiệp sáng tác. Các tác phẩm của ông cũng được xuất bản tại Paris nhưng nguồn thu nhập từ xuất bản khá bấp bênh.

Giai đoạn cuối đời, Chopin không sáng tác được nhiều do suy sụp, khởi nguồn từ cái chết của người cha, cuộc chia tay với George Sand và tình hình quê hương vẫn chưa được giải phóng.

Năm 38 tuổi (1848), Chopin sang nước Anh làm việc theo lời mời của chị em bà Jane Stirling, hai học trò giàu có người Scotland của ông. Tại xứ sở sương mù, ngoài thời gian dưỡng bệnh, Chopin dạy đàn piano cho các quý tộc, trình diễn âm nhạc của mình ở một số thành phố của nước Anh như: London, Manchester, Glasgow, Edinburg,…và được mời đến biểu diễn phục vụ Nữ hoàng Victoria của nước Anh. Nhạc sĩ còn có một thời gian ngắn nghỉ ngơi tại Scotland rồi sau đó trở về London. Vào ngày 16 tháng 11 năm 1848, Chopin biểu diễn các nhạc phẩm của mình tại Thính đường Guildhall để gây quỹ cứu trợ những người dân Ba Lan tị nạn.

Tuy nhiên, khí hậu ở nước Anh có vẻ không làm cho sức khỏe của Chopin khá hơn, căn bệnh lao phổi của ông ngày càng nghiêm trọng. Thể theo nguyện vọng của Chopin, người học trò tốt bụng Jane Stirling đã thuê xe ngựa đưa ông trở về Paris và ở bên cạnh cho đến lúc ông qua đời vào ngày 17 tháng 10 năm 1849. Trước khi mất, Chopin bày tỏ mong muốn một số điều đơn sơ mà xúc động như: mang nắm đất quê hương đựng trong chiếc ly bạc mà bạn ông đã tặng khi xưa rải lên nắp quan tài; mang trái tim ông trở về Tổ quốc; chơi bản *Requiem* (Khúc cầu hồn) của Mozart trong tang lễ,… Người chị gái Ludwika từ Ba Lan tới cũng là người thân duy nhất có mặt bên Chopin trong giờ phút lâm chung. Và những người có ân tình với Chopin đã thực hiện những di nguyện cao cả của ông. Tang

lễ của Chopin được cử hành tại nhà thờ Madeleine thủ đô nước Pháp, với khoảng 3000 người tham dự trong đó có nhiều văn nghệ sĩ lừng danh đương thời cùng nhiều nhà quý tộc, bạn hữu và những người đồng hương Ba Lan của ông,... Bản nhạc *Requiem* của Mozart cũng được tấu lên trang trọng gây xúc động mạnh mẽ cho những người có mặt. Thi hài Chopin được an táng tại nghĩa trang Père La Chaise nước Pháp cùng với nắm đất quê hương mà ông luôn luôn giữ bên mình trong suốt thời gian xa xứ. Trên phần mộ nơi Chopin yên nghỉ được trang trí một bức tượng nữ thần âm nhạc Euterpe ngồi cúi đầu thổn thức bên chiếc đàn lia gẫy, đó chính là tác phẩm do nhà điêu khắc Auguste Clésinger- con rể của George Sand thực hiện. Tất cả sinh hoạt phí của Chopin một năm trước khi ông mất cũng như chi phí cho việc an táng và cả lộ phí cho chị của Chopin trở về quê hương đều do người học trò Jane Stirling tài trợ.

Sau tang lễ, trái tim Chopin được niêm phong kín trong một chiếc hũ và người chị gái Ludwika đã mang về Ba Lan, trái tim được đặt vào một chiếc cột giữa nhà thờ Holy Cross ở thủ đô Varsava. Trong chiến tranh thế giới, trái tim của Chopin đã được những người yêu nước Ba Lan mang đi cất giấu để biểu tượng của lòng yêu nước ấy không rơi vào tay phát-xít Đức. Sau này, trái tim Chopin được mang trở về Ba Lan vào mùa thu năm 1949 và đặt trở lại trong nhà thờ Holy Cross- Varsava cho đến ngày nay.

Ngôi nhà cũ ở làng Zelazowa Wola nơi Chopin sinh ra hiện nay là Bảo tàng Chopin, nơi lưu giữ nhiều vật dụng mà Chopin hay dùng lúc sinh thời, thư từ, tranh, ảnh, các tác phẩm âm nhạc, những kỷ vật của gia đình,.... Phía sau ngôi nhà có một công viên với nhiều cây xanh và một bức tượng điêu khắc Chopin.

Tại trung tâm thủ đô Varsava, người ta cũng dựng một tượng đài Chopin đang ngồi viết nhạc dưới tán thông trong Công viên Lazienki- một trong những công viên lớn nhất Ba Lan. Bên ngoài biên giới Ba Lan, tượng đài của Chopin cũng có mặt ở nhiều nước như: Pháp, Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Singapore,.... Tại Việt Nam, nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Chopin, một tượng đài cũng đã được khánh thành ngày 12 tháng 03 năm 2010 tại Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội Công trình này nặng hơn 100 tấn, cao 6,5 mét và được cho là sao nguyên bản từ tượng đài Chopin trong công viên Lazienki.

Cuộc thi piano quốc tế Frederick Chopin là một trong những cuộc thi lâu đời và hay nhất dành cho những người chơi đàn piano đến từ khắp nơi trên thế giới. Cuộc thi được tổ chức lần đầu tiên tại Varsava (Ba Lan) năm 1927 và 5 năm một lần kể từ năm 1955 đến nay. Năm 1980, *NSND* Đặng Thái Sơn của Việt Nam trở thành người Châu Á đầu tiên giành giải nhất cuộc thi âm nhạc cao quý này.

Mộ Chopin tại nghĩa trang Père La Chaise, Pháp	**Tượng đài Chopin tại công viên Lazienki, Varsava, Ba Lan**	**Trái tim Chopin, nhà thờ Holy Cross, Varsava**

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Chopin không theo chuyên ngành piano khi ông học ở Nhạc viện Varsava, sau đó, khi đến Pháp năm 1831, Chopin cũng đã khéo léo khước từ lời đề nghị dạy piano của Kalkbrenner (1785-1849)- nghệ sĩ piano nổi tiếng người Đức, tuy nhiên, giới chuyên môn vẫn phải ghi nhận Chopin là một nghệ sĩ piano kỳ tài với phong cách biểu diễn riêng biệt, độc đáo, giàu xúc cảm.

Trong vai trò của nhà soạn nhạc, Chopin là nhạc sĩ hiếm gặp chỉ chuyên sâu sáng tác cho đàn piano độc tấu và hòa tấu. Thời còn ở Ba Lan, thầy Elsner cũng đã gợi ý và khuyến khích chàng nhạc sĩ trẻ tuổi thử sáng tác nhạc kịch, song bản thân Chopin dường như đã tìm thấy và quyết tâm theo đuổi một con đường âm nhạc của riêng mình, không đi theo hay bắt chước bất cứ ai. Mặc dù các sáng tác của Chopin không nhiều (khoảng 200 tác phẩm ở các thể loại) và chủ yếu viết cho dương cầm, nhưng người ta vẫn xếp tài năng của Chopin ngang hàng với các nhạc sĩ vĩ đại như Bach, Mozart, Beethoven,... Sở dĩ như vậy là bởi nghệ thuật soạn nhạc của Chopin đạt tới trình độ hoàn mỹ, các tác phẩm của ông đủ sức phản ánh mọi cảm xúc của con người cũng như những vấn đề xã hội.

Với các sáng tác đầy chất trữ tình, thơ mộng, Chopin được mệnh danh là "*nhà thơ của cây đàn piano*". Bên cạnh đó, âm nhạc của ông giàu tính dân tộc, chứa đựng tình yêu quê hương đất nước tha thiết và tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhà soạn nhạc, nhà lý luận phê bình âm nhạc thiên tài người Đức R. Schumann từng ví âm nhạc của Chopin như "*những khẩu đại bác núp dưới hoa*".

Các sáng tác của Chopin được đánh giá cao không chỉ bởi sự độc đáo của âm hưởng dân gian Ba Lan mà còn bởi những nét đổi mới trong cấu trúc giai điệu, tiết tấu, hòa thanh. Một trong những đặc trưng dễ thấy nhất trong âm nhạc Chopin là sự phong phú, đa dạng của tiết tấu và màu sắc hòa âm. Những hòa âm mới lạ thường được tạo ra một cách tài tình và bất ngờ thông qua lối chuyển điệu đột ngột,...

Về mặt thể loại, ngoài một số tác phẩm viết cho piano hòa tấu cùng dàn nhạc như hai bản *Concerto cho piano cung Fa thứ* và *Concerto cho piano cung Mi thứ*, còn lại, Chopin chủ yếu viết tác phẩm độc tấu piano. Trong từng tác phẩm, Chopin đều có những sáng tạo độc đáo làm tăng giá trị âm nhạc cho mỗi thể loại, chúng tôi xin giới thiệu một số thể loại đặc sắc mà Chopin hay dùng như: *mazurka, prélude, étude, nocturne, polonaise, valse* (do số lượng tác phẩm của Chopin được công bố ở mỗi tài liệu không trùng khớp với nhau nên dưới đây chúng tôi chỉ đưa ra khối lượng tác phẩm mang tính chất tương đối mà thôi).

Ở thể loại ***mazurka,*** Chopin đóng góp một số lượng lớn tác phẩm, khoảng 60 bản. *Mazurka* vốn là điệu dân vũ truyền thống của Ba Lan với tính chất vui vẻ, nhịp ¾, trọng âm thường rơi vào phách 2, phách 3 hoặc ở từng phách một. Từ khoảng thế kỷ XIX, *mazurka* được công nhận là thể loại âm nhạc chuyên nghiệp của Ba Lan mà hơn 60 *mazurka* của Chopin như là sự khẳng định cho vị thế xứng đáng của thể loại âm nhạc độc đáo này. Những bản *mazurka* của Chopin vừa mang màu sắc dân gian vừa có khả năng biểu đạt các trạng thái tình cảm khác nhau.

Ở thể loại ***étude***, Chopin sáng tác 27 tác phẩm với nhiều sáng tạo so với các bản *étude* truyền thống. Như chúng ta đã biết, *étude* là khúc luyện tập được viết ra để luyện ngón, tác giả của các *étude* thường là những nghệ sĩ, nhà sư phạm piano thời kỳ cổ điển như Czerny, Clementi, Cramer,... Với Chopin, *étude* không chỉ có tác dụng rèn luyện các kỹ thuật khác nhau của ngón tay mà còn trở thành một tác phẩm nghệ thuật có giá trị, có khả năng thể hiện được nhiều góc cạnh, sắc thái tình cảm con người. Nhận xét về bản *Étude số 1 cung La giáng trưởng op. 25* của Chopin, nhà lý luận phê bình tài hoa Schumann từng ca ngợi: "*Đó là một bài thơ chứ không phải là một bản étude. Nhưng đừng lầm tưởng tác giả cho chúng ta nghe rõ từng nốt nhạc nhỏ trong bản étude đâu nhé. Đó là những làn sóng hợp âm La giáng trưởng, và thông qua hòa thanh ta nghe thấy một giai điệu đầy đặn, tuyệt vời. Sau khi nghe bản étude, ta cảm thấy như mơ trong giấc ngủ một hình ảnh tuyệt vời mà khi thức dậy vẫn còn muốn níu kéo lại*". Ngoài ra, còn phải kể

đến những bản *étude* tiêu biểu của Chopin như bản *Étude số 3 cung Mi trưởng, op. 10* (còn có tên là *Tristesse*) có giai điệu hòa thanh du dương, bi thiết từng được đặt lời Việt và gắn cho cái tên dân dã là *Nhạc buồn Chopin*. Hoặc như *Étude số 12 cung Đô thứ, op. 10* (còn gọi là *Étude cách mạng*) là tác phẩm thể hiện thái độ phẫn nộ của tác giả đối với kẻ thù xâm lược đất nước Ba Lan và mong muốn vùng lên đập tan ách áp bức,...

Với thể loại ***prélude***, Chopin viết tập *prélude op. 28* rất nổi tiếng gồm 24 bản. *Prélude* được coi là một trong những thành tựu cao nhất của Chopin trong lĩnh vực sáng tác cho đàn phím. *Prélude* vốn khởi đầu chỉ là những khúc dạo ngón cho một tác phẩm lớn hơn. Chopin là một trong những tác giả coi *prélude* như một thể loại âm nhạc độc lập; thể hiện những đặc trưng ngôn ngữ âm nhạc lãng mạn với cấu trúc tự do, phóng khoáng; chứa đựng những giai điệu du dương, hấp dẫn, cô đọng nhiều trạng thái cảm xúc. Trong tập sách này, chúng tôi có giới thiệu một số bản nhạc tiêu biểu trích từ tập *prélude, op. 28* để các bạn hiểu thêm về giá trị của thể loại này trong âm nhạc của Chopin.

Ở thể loại ***nocturne***, Chopin đã viết khoảng 20 bản, rất nhiều bản được coi là những tuyệt phẩm cho piano. *Nocturne* có nghĩa là dạ khúc hay khúc nhạc ban đêm, là sản phẩm nghệ thuật tinh hoa của âm nhạc lãng mạn thế kỷ XIX. Nếu như nhạc sĩ gốc Ai-len John Field (1782-1837) được xem là cha đẻ của thể loại *nocturne*, thì Chopin chính là người cha đỡ đầu góp phần quan trọng đưa *nocturne* trưởng thành, đủ sức sánh ngang với những thể loại âm nhạc khác. Các bản *nocturne* của Chopin chứa đựng nội tâm phong phú, thường khởi đầu bằng những âm điệu trữ tình sâu lắng, có lúc như tiếng thở dài vọng giữa đêm khuya, khi lại xúc động dâng trào như những cơn giông tố,... Có thể kể ra một số bản *nocturne* nổi tiếng của Chopin như: *Nocturne op. 9, no. 2 cung Mi giáng trưởng*; *Nocturne cung Đô thăng thứ, op. posthume*,... (*op. posthume* có nghĩa là tập tác phẩm xuất bản sau khi tác giả qua đời).

Polonaise là một điệu nhảy dân gian gốc Ba Lan, từ lâu nó đã trở thành thể loại âm nhạc chuyên nghiệp và xuất hiện nhiều trong các sáng tác thời kỳ âm nhạc cổ điển với tính chất nhảy múa, vui nhộn. Với thể loại *polonaise*, Chopin đóng góp 16 sáng tác, trong đó có những bản khá đồ sộ như *Polonaise cung La giáng trưởng, op. 53* hay *Polonaise cung Fa thăng thứ, op. 41,...* Các *polonaise* của Chopin ngoài chất liệu dân gian truyền thống còn mang âm hưởng của chiến trận và cả những hình tượng anh hùng, bất tử.

Valse cũng là một thể loại âm nhạc chuyên nghiệp có từ lâu đời ở Châu Âu thường mang tính chất nhảy múa, sinh động, nhịp nhàng, ít cao trào. Trong sáng

tác của Chopin, các bản *valse* trở nên đa biến về nhịp độ, giai điệu, tiết tấu, hòa thanh, tạo nên sự mới lạ, độc đáo. Trong số rất nhiều bản *valse* của Chopin, bản *valse cung Đô thăng thứ* rất nổi tiếng, được nhiều người yêu thích. Trong tập sách này, chúng tôi cũng giới thiệu giai điệu chọn lọc từ một số bản valse của Chopin như: *Valse op. 34, no. 1*; *Valse op. 64, no. 2*; *Valse op. 69, no. 2,...*

Với những đóng góp to lớn và đặc sắc trong lĩnh vực âm nhạc cộng thêm trái tim yêu nước thiết tha, nhạc sĩ thiên tài Chopin là một trong những tên tuổi được biết đến nhiều nhất trên thế giới, không chỉ riêng trong giới âm nhạc. *Trái tim Chopin*- một biểu tượng cao quý về lòng yêu nước cháy bỏng cũng giống như âm nhạc của ông đã, đang và sẽ còn mãi lan tỏa làm xúc động biết bao trái tim nhân ái trên khắp hành tinh.

FUNERAL MARCH

Từ bản sonata, op. 35, no. 2

Chopin

Lento

f

f

p

to coda ⊕

pp

D. S al Coda
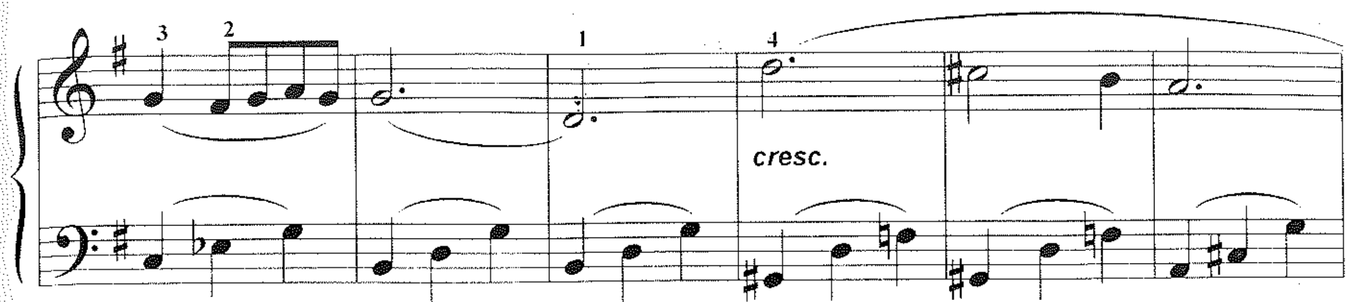
Coda rit. . . . .

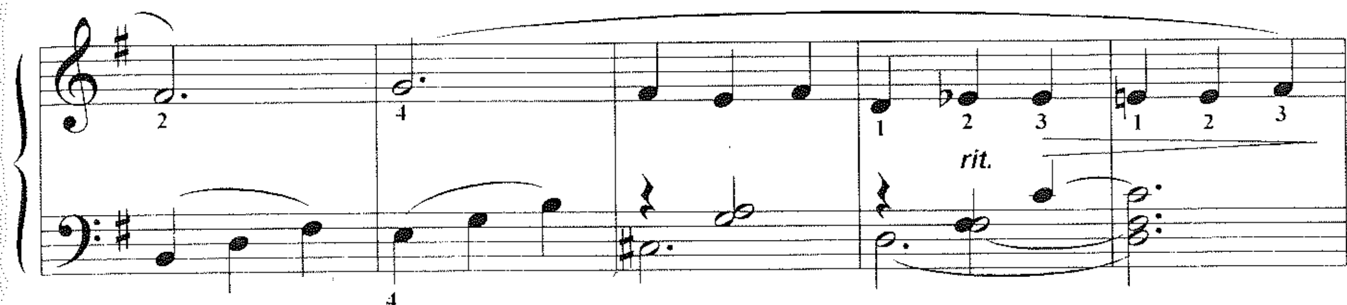
NOCTURNE
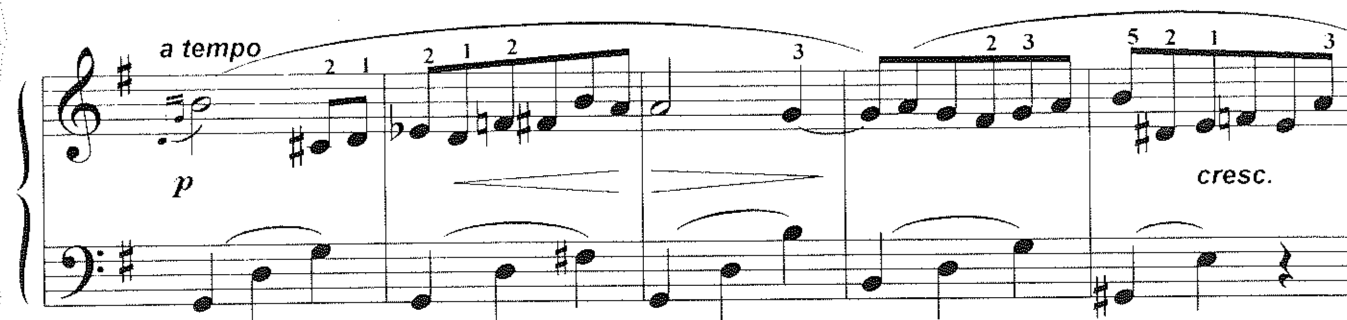
Op. 9, no. 2
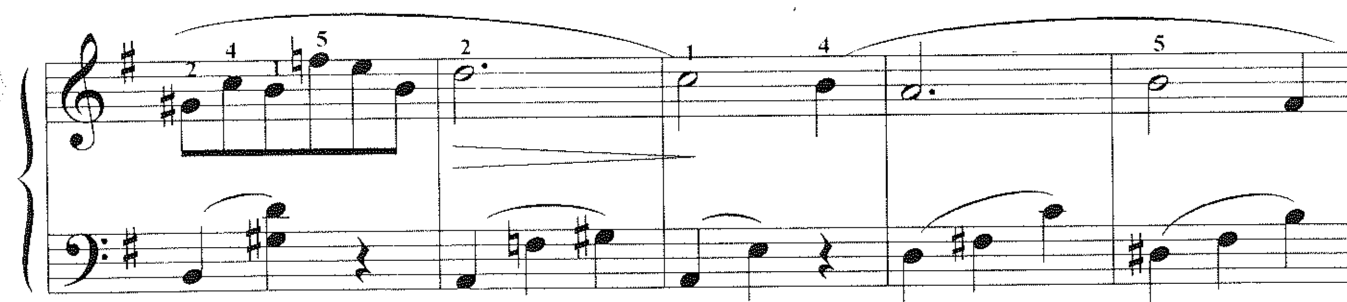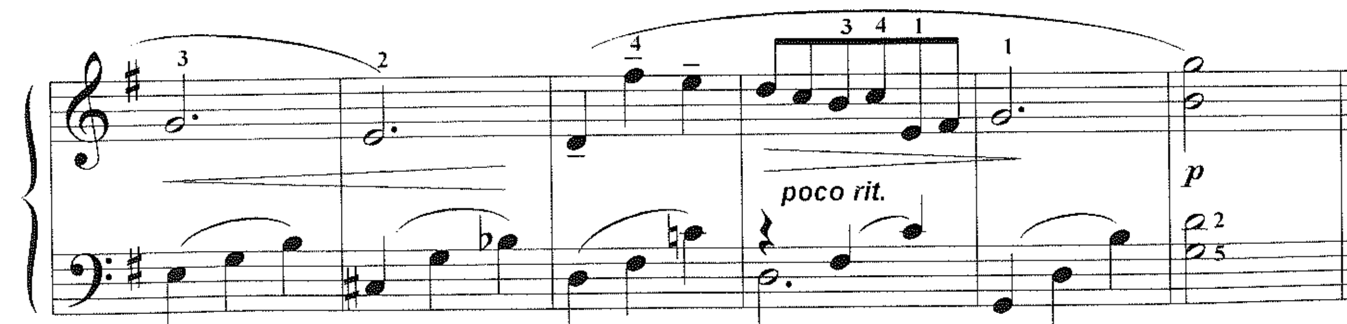
Moderato

Chopin










* Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Bạn nên vào mạng internet tìm *Nocturne op. 9, no. 2* (cung Mi giáng trưởng) của Chopin để nghe tham khảo cách thể hiện xúc cảm qua nhịp độ và sắc thái của tác phẩm gốc.

Trích đoạn

TRISTESSE

(Étude op. 10, no. 3)

Chopin

Andante

rall.

a tempo

* *Tristesse* là tên gọi khác của bản *Étude số 3, op. 9* (cung Mi trưởng) rất nổi tiếng của Chopin. Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt và dịch giọng cho dễ chơi hơn. Bạn có thể dễ dàng tìm thấy Étude này trên mạng internet để nghe tham khảo sắc thái, tình cảm và tốc độ của tác phẩm gốc.

PRÉLUDE

Op. 28, no. 4

Chopin

Largo

p espressivo

p

cresc.

f

dim.

p

pp

PRÉLUDE

Op. 28, no. 6

Chopin

Lento assai

sotto voce

p

sostenuto

pp

pp

PRÉLUDE

Op. 28, no. 7

Chopin

Andantino

p *dolce*

PRÉLUDE

Op. 28, no. 20

Largo

Chopin

ff

cresc.

p

rit.

dim.

pp

rit.

cresc.

p

Trích đoạn

VALSE

Op. 34, no. 1

Chopin

Vivace (𝅗𝅥 = 72)

* Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn.

Trích đoạn

VALSE

Op. 69, no. 2

Chopin

Moderato

p

f

poco rit.

a tempo

cresc.

rit. - - - - - - - - - a tempo

f

p sf sf f

f

rit.

dim.

* Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Tác phẩm gốc viết ở giọng Si thứ (nghe tham khảo CD tặng kèm).

TROIS ÉCOSSAISES

Op. 72, no. 3

Chopin

Vivace (♩ = 108)

mf

brilante

f

cresc.

Op. 72, no. 4

Op. 72, no. 5

8va

f

8va

8va

cresc.

f *mf*

Ped.

Ped. Ped.

8va

f

Ped. Ped. Ped. Ped. Ped.

8va

Ped. Ped. Ped. Ped. Ped. Ped.

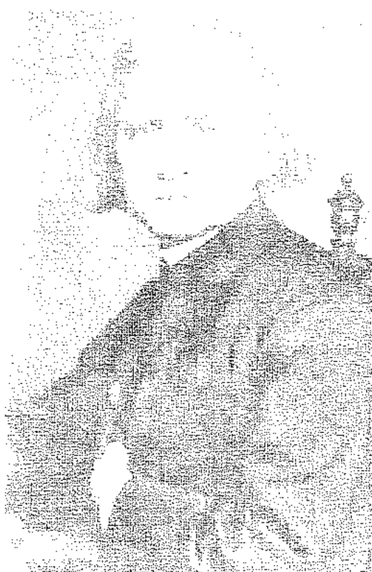
8va

cresc.

f

Ped. Ped. Ped. Ped. Ped.

FRANZ LISZT
(1811-1886)



Franz Liszt (F. Lixtơ) là nhà soạn nhạc, nghệ sĩ piano nổi tiếng thế giới người Hungary. Thời kỳ khởi nghiệp, danh tiếng của Liszt lừng lẫy khắp châu Âu bởi tài nghệ chơi piano cực kỳ xuất chúng. Bên cạnh đó, Liszt dần dần nổi bật trong vai trò một nhạc sĩ sáng tác thiên tài và cũng rất ưu tú trong nhiều lĩnh vực khác như: chỉ huy dàn nhạc, lý luận phê bình, sư phạm âm nhạc, hoạt động xã hội, tổ chức biểu diễn, lý luận mỹ học,... Ông cũng là đại diện tiêu biểu của phong trào nghệ thuật âm nhạc tiến bộ.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Liszt sinh ngày 22 tháng 10 năm 1811 tại Doborján- Hungary, là con trai của ông Adam Liszt và bà Maria Anna. Ông Adam là một người tháo vát và có nhiều tài lẻ, thông thạo nhiều ngoại ngữ và biết chơi thành thạo một số nhạc cụ. Có thời ông làm giáo viên, về sau làm việc trong dinh thự của công tước Esterházy. Bà Maria Anna là một phụ nữ gốc Áo sùng đạo, giản dị, đôn hậu và rất mực chăm lo cho gia đình. Tuổi ấu thơ, Liszt rất chăm chú lắng nghe mỗi lần cha chơi đàn piano và người cha bắt đầu dạy piano cho Liszt từ rất sớm. Ngoài thiên khiếu âm nhạc, Liszt còn được trời phú cho "đôi bàn tay vàng" với các ngón tay khá dài và cơ ngón bẩm sinh linh hoạt. Nhờ miệt mài tập luyện dưới sự kèm cặp sát sao của người cha, ở tuổi lên 7, Liszt đã có thể chơi tốt những bản đàn piano dành cho người lớn. Năm lên 9 tuổi, Liszt bắt đầu biểu diễn trước công chúng và được dư luận báo chí địa phương hết sức tán thưởng.

Với quyết tâm đào tạo con trai trở thành nhạc sĩ thiên tài, tháng 06 năm 1822, ông Adam xin nghỉ phép và đưa cả gia đình tới thành phố Vienne để cậu con trai 11 tuổi của mình được học tập một cách bài bản. Tại đây, Liszt nhận được sự dạy dỗ của nhà sư phạm, nghệ sĩ piano nổi tiếng Karl Czerny (1791-1857). Czerny từng là học trò của Beethoven, ông cũng là tác giả của các bản étude nổi tiếng với giai điệu hòa thanh vừa sinh động vừa rất có ích cho việc luyện ngón. Người thầy Czerny đã giúp Liszt khắc phục lỗ hổng kỹ thuật và hoàn thiện kỹ năng chơi đàn, qua đó nâng cao thẩm mỹ âm nhạc và sắc thái biểu cảm cho tiếng đàn của Liszt. Song song với việc học piano, Liszt còn được học sáng tác với nhạc sĩ nổi tiếng người Ý là Antonio Salieri- thầy của Beethoven và Schubert. Trong thời gian ở Vienne, Liszt đã có những buổi biểu diễn piano trước công chúng rất thành công và nhanh chóng trở nên nổi tiếng.

Trong cuốn *Tiểu sử F. Liszt* của nhà nghiên cứu người Anh Alan Walker có một giai thoại kể rằng khi Liszt 11 tuổi, cậu đã từng gặp Beethoven và chơi bản Fuga cung Đô thứ của Bach cho người nhạc sĩ thiên tài này nghe, sau đó Beethoven đã hỏi liệu cậu có thể chơi lại bản nhạc đó ở giọng khác được không và Liszt trả lời ngay rằng cậu có thể làm được. Nhiều năm sau, câu chuyện này được Liszt kể cho một người học trò với niềm xúc động sâu sắc.

Cuối năm 1823, người cha đưa Liszt sang Pháp với mong muốn vào học tại Nhạc viện Paris để tiếp tục nâng cao trình độ. Nhưng Nhạc viện Paris đã từ chối Liszt vì quy định của nhà trường thời kỳ đó không thu nhận học sinh nước ngoài. Nhưng may mắn là Liszt đã được những vị thầy giỏi nhận làm học trò. Liszt theo học môn sáng tác với nhạc sĩ Ferdinando Paer (1771-1839)- người chỉ huy Nhà hát nhạc kịch Ý tại Paris và học lý luận với nhạc sĩ người Séc Anton Reicha (1770-1836)- giảng viên Nhạc viện Paris. Tại kinh đô ánh sáng, được sự tài trợ của hãng đàn nổi tiếng Erard, Liszt thường trình diễn trên những cây đàn piano loại mới nhất của hãng này. Tài năng piano của cậu thiếu niên 13 tuổi Franz Liszt khiến cho công chúng Paris cùng dư luận báo chí luôn trầm trồ khen ngợi, nhờ đó Liszt nhanh chóng trở nên nổi tiếng tại Pháp.

Nối tiếp đà thành công, từ năm 1824 đến 1827, ông Adam liên tục dẫn con trai đi biểu diễn ở nhiều nơi trên nước Pháp cùng một số thành phố của Anh và Thụy Sĩ. Những chuyến lưu diễn ấy đều rất thành công và góp phần cải thiện đáng kể kinh tế gia đình.

Trong một bức thư viết cho Czerny, ông Adam có kể với thầy giáo cũ của Liszt về tài dịch giọng của cậu bé, đại ý rằng, khi Liszt 14 tuổi, có lần người ta nhờ cậu đệm cho một nghệ sĩ flute, nhưng dây chiếc đàn piano đó thấp hơn flute

nửa cung. Liszt đã ngồi vào đàn và thị tấu toàn bộ bản nhạc cao hơn nửa cung (so với nốt viết) một cách dễ dàng như chơi một bài do chính mình sáng tác vậy.

Trong những năm tháng ở Paris, Liszt sáng tác được một số tác phẩm, có tác phẩm được xuất bản hoặc công diễn nhưng không được dư luận đánh giá cao.

Năm 1827, ông Adam mắc bệnh và qua đời, cái chết của người cha khiến Liszt rơi vào trạng thái khủng hoảng và hụt hẫng tột cùng. Từ nhỏ, Liszt hầu như chỉ biết đến hai việc chính, đó là học tập và biểu diễn. Nhưng giờ đây, khi chỉ còn hai mẹ con bơ vơ nơi đất khách quê người, trách nhiệm kiếm sống chuyển qua đôi bàn tay và khối óc của cậu thiếu niên Liszt chưa đầy 15 tuổi.

Mặc dù dư luận đương thời có những chỉ trích về việc ông Adam lạm dụng khai thác tài năng còn non nớt của cậu bé Liszt để kiếm tiền nuôi cả nhà nhưng khách quan mà nói, đó cũng do hoàn cảnh kinh tế gia đình hạn chế. Chúng ta cần nhìn lại xuất phát điểm "bình dân" của gia đình Liszt để thấy vai trò trụ cột của ông Adam và những ảnh hưởng quan trọng của ông đối với sự thành đạt của thiên tài Liszt. Ông Adam tuy không phải là một nhạc sĩ chuyên nghiệp nhưng rất yêu âm nhạc, khi phát hiện năng khiếu đặc biệt của Liszt, ông đã truyền thụ tất cả vốn liếng âm nhạc mình có cho con trai. Nhận thấy vùng đất quê hương không phải là nơi có thể phát triển tài năng âm nhạc, ông đã bán hết gia sản để đưa Liszt đến Vienne, rồi sau đó đến Paris- những kinh đô âm nhạc của thế giới- với khát vọng cho con trai được theo học những bậc thầy danh tiếng. Và để con mình được tiếp tục du học trong hoàn cảnh kinh tế gia đình đã khánh kiệt, ông Adam năm lần bảy lượt viết thư về quê xin tiền tài trợ từ các quý tộc với sự tha thiết, bền bỉ, thậm chí cả sự hạ mình. Song song với việc chăm lo, quán xuyến việc học tập của con trai, ông cũng vận động, tổ chức các chuyến lưu diễn cho Liszt tại khắp các thành phố của Áo, Đức, Pháp, Anh, Thụy Sĩ,... một mặt đem lại lợi ích kinh tế, mặt khác tạo dựng tiếng tăm cho con trai trong lòng công chúng châu Âu. Điều này gợi cho chúng ta liên tưởng đến ông Leopold- người cha của Mozart thần đồng. Nếu nói về sự kỳ vọng với con cái, năng lực tháo vát tổ chức, sự bền bỉ và nỗ lực không biết mệt mỏi cho sự phát triển của con mình thì ông Adam không thua kém ngài Leopold là mấy. Còn nếu xét về xuất phát điểm thì chúng ta có thể thấy rõ ràng gia cảnh ông Adam không bằng, như vậy xem chừng ông Adam còn làm được nhiều việc khó hơn ông Leopold đã làm. Ông Leopold là một nhạc sĩ chuyên nghiệp lại có kiến thức, sách lược và sự cẩn trọng, Mozart được sinh ra và lớn lên ở nước Áo, gần kinh đô của âm nhạc, trong khi cha con ông Adam Liszt đều không có được những điều kiện tối ưu ấy. Sau này các nhà nghiên cứu cũng vô cùng ngạc nhiên, thán phục khi biết rằng với một xuất phát điểm như ông Adam

lại có thể đào tạo ra một nhạc sĩ Liszt giỏi giang như vậy. Nói một cách hài hước, ông Adam tuy có xuất phát điểm thấp nhưng đã có sự bứt phá ngoạn mục "nhờ" vào sự liều lĩnh, ông đã đánh một ván bạc vô cùng mạo hiểm khi dám bán hết gia sản để cho con đi "du học", đó cũng là một việc xưa nay hiếm!

Sau khi người cha qua đời, Liszt sống với mẹ ở Paris trong một căn hộ nhỏ trong khoảng thời gian 6 năm. Thời kỳ này, nhạc sĩ trẻ sống bằng nghề dạy học và biểu diễn. Lúc rảnh rỗi, Liszt tranh thủ đọc sách, nghiên cứu để lấp những lỗ hổng trên nhiều phương diện kiến thức, điều mà trước đây, do điều kiện hoàn cảnh ông không được học tập một cách có hệ thống.

Cũng trong thời gian ở Pháp, Liszt được gặp gỡ và kết bạn với những nhân vật lỗi lạc đương thời như: Berlioz (nhạc sĩ thiên tài người Pháp), Paganini (kỳ tài violon, nhà soạn nhạc người Ý), Chopin (nhạc sĩ thiên tài người Ba Lan), Bellini, Rossini (nhạc sĩ người Ý), Victor Huygo, Balzac, Heine, A. Dumas, George Sand (nhà văn Pháp),... Nhờ đó, chàng thiếu niên Liszt đã dần định hình và hoàn thiện quan điểm thẩm mỹ cũng như tư duy âm nhạc của mình.

Năm 22 tuổi (1833) nhạc sĩ trẻ gặp Marie d'Agoult- phu nhân xinh đẹp của một bá tước, họ lập tức phải lòng nhau và từ đó gắn cuộc đời với nhau trong quãng thời gian khoảng 10 năm. Năm 24 tuổi (1835), Liszt cùng với người tình chuyển đến Thụy Sĩ, khi thì ở Ý và chỉ thỉnh thoảng trở lại Paris tham gia các buổi biểu diễn. Trong giai đoạn này, Liszt vẫn dạy nhạc, biểu diễn piano, sáng tác và viết bài phê bình trên báo chí.

Cuối năm 1839, tình cảm giữa Liszt và Maria d'Agoult có những rạn nứt, Maria cùng các con trở về Paris trong khi Liszt bắt đầu những chuyến lưu diễn kéo dài trên khắp các vùng đất của châu Âu. Giai đoạn chu du thiên hạ góp phần đưa tên tuổi Liszt trở nên lừng lẫy khắp châu Âu và bắt đầu một thời kỳ sáng tác thành công. Những ấn tượng mới lạ về con người và vùng đất đi qua đã tạo thêm cảm hứng sáng tác cho Liszt, mà một trong những thành quả là ba tập nhạc viết cho piano nổi tiếng mang tên *Những năm chu du*.

Ở bất cứ đâu, Liszt cũng được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt, đồng thời trở thành đề tài được báo chí và dư luận quan tâm, nhất là nghệ thuật chơi piano siêu việt của Liszt. Người ta cũng thường nhắc tới nhiều giai thoại về kỳ tài chơi piano của Liszt:

Edvard Grieg (1843-1907)- nhạc sĩ thiên tài người Na Uy kể về việc Liszt từng thị tấu bản *Sonate cho đàn violon và piano* của Grieg như sau: "*Trước hết, các vị cần biết rằng Liszt chưa từng được nhìn thấy hay được nghe bản sonate này. Thêm nữa, đây là một bản sonate cho violon và piano, với hai phần viết riêng*

cho violon và piano. Liszt làm gì? Ông ta đã chơi tất, cả gốc lẫn ngọn, violon và piano. Còn hơn thế, ông chơi đầy đủ hơn, rộng rãi hơn, toàn bộ bằng piano, không bỏ sót một nốt nhạc nào. Và cách ông ta chơi mới kinh chứ, với sự hùng vĩ, vẻ đẹp, thiên tài, sự hiểu biết sâu sắc có một không hai. Tôi nhớ là tôi đã bò ra cười, cười như một thằng ngốc".

Nghệ sĩ violon nổi tiếng người Hungary Joseph Joachim (1831-1907) thì không bao giờ quên lần Liszt đệm cho ông chơi chương kết bản *Concerto cho violon* của Mendelssohn, ông ta kể: "*Liszt thị tấu trong khi bàn tay phải vẫn kẹp một điếu xì-gà bằng ngón tay trỏ và ngón tay giữa*".

Có lần, một người bạn của Liszt kể chuyện lạ rằng nghệ sĩ L. Boehner, tuy hai ngón tay bị què, vẫn chơi được một bản fuga trên đàn organ. Liszt nghĩ một lát rồi ngồi vào piano chơi một fuga khó của Bach mà dùng mỗi bàn tay chỉ với ba ngón tay.

Một lần khác, nhà soạn nhạc người Mỹ Otis Boise mang tổng phổ giao hưởng của mình đến Weimar (Đức) cho Liszt xem. Boise kể lại: "*Liszt liếc nhìn kết cấu các nhạc cụ, lật từng trang để nắm bắt các chủ đề và diễn biến, sau đó ông chơi toàn bộ giao hưởng trên đàn piano với cách thể hiện đáng kinh ngạc mà từ trước tới giờ tôi chưa từng được nghe, sau này cũng không bao giờ được nghe từ những nghệ sĩ khác. Những người từng thử sức trong việc này hiểu rằng mười ngón tay không thể nào diễn tả được tất cả các chi tiết, mà phải biết lựa ra những nét chính và giọng rõ ràng từ một đống các bè phức tạp. Liszt làm được điều đó ngay lập tức. Mọi đặc tính về tài nghệ của tác giả, của đối âm, của nhạc cụ đều được ông để ý tới. Ngoài ra ông còn vừa chơi vừa nhận xét bằng lời*".

Ngoài sáng tác và biểu diễn piano, Liszt cũng đứng trên sân khấu với vai trò chỉ huy dàn nhạc tại Séc, Đức, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch,... Liszt còn nhận được vô số các huân, huy chương, học vị danh dự của rất nhiều nước, nhiều tổ chức nơi ông đã đi qua.

Đối với bất cứ một nghệ sĩ biểu diễn nào, niềm hạnh phúc lớn nhất là được biểu diễn phục vụ cho đông đảo những khán giả nhiệt thành ở khắp mọi nơi. Và niềm hạnh phúc của Liszt được nhân lên khi Liszt biểu diễn phục vụ cho nhân dân quê hương Hungary yêu thương của ông. Ngày ông trở về, những buổi hòa nhạc của Liszt luôn chật kín khán giả quê nhà. Cũng trong thời gian ở quê hương, ông tranh thủ nghiên cứu thêm về âm nhạc dân gian, đó là nền tảng quý báu cho những bản Rhapsody Hungary đặc sắc của Liszt về sau.

Tháng 2 năm 1847, trong lần biểu diễn ở Kiev (nay là thủ đô của Ukraina), Liszt gặp gỡ và nảy sinh tình cảm với quận chúa Carolyne von Sayn Wittgenstein.

Carolyne là một trong những tác động khiến cuộc đời của Liszt chuyển sang một giai đoạn mới. Tháng 9 năm đó, Liszt có buổi biểu diễn cuối cùng ở Elizavetgrad (Ukraina) trước khi cùng Carolyne chuyển đến làm việc ổn định tại thành phố Weimar- một trong những trung tâm văn hóa của nước Đức, nơi các bậc thiên tài âm nhạc như Bach, Handel,.. đã từng có một thời gian sinh sống và làm việc. Nếu như trước đây bà Marie d'Agoult là động lực khởi đầu cho chuyến chu du thiên hạ của Liszt thì Wittgenstein có lẽ cũng là tác động cuối cùng để Liszt kết thúc thời kỳ lưu diễn kéo dài.

Tại Weimar, Liszt đảm nhiệm công việc chỉ huy dàn nhạc cung đình và các chương trình đặc biệt của nhà hát thành phố. Yêu cầu của công việc mới thúc đẩy Liszt đóng góp tài năng, trí tuệ cho lĩnh vực sáng tác và chỉ huy dàn nhạc. Trong vai trò là người lãnh đạo, ông thường xuyên tổ chức các "tuần lễ âm nhạc", trong đó quan tâm đặc biệt đến việc giới thiệu, truyền bá những tác phẩm xuất sắc của các nhà soạn nhạc mà công chúng thời đó ít người biết tới. Một thời gian dài ở Weimar, Liszt gần như không hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn piano, mà chủ yếu dành thời gian để chỉnh lý nhiều tác phẩm ông đã viết trong những năm tháng chu du, bao gồm cả các tác phẩm cải biên, chuyển thể cho piano.

Tuy nhiên, những cống hiến lớn lao của ông cho nền âm nhạc nước Đức đương thời không được nhìn nhận đúng đắn. Như đã đề cập trong bài viết về Schumann và Brahms phía trên, trong thời kỳ này, ở nước Đức tồn tại hai khuynh hướng âm nhạc có quan điểm nghệ thuật đối lập, hình thành nên hai trường phái là Weimer và Leipzig. Những cuộc "bút chiến" nổ ra rất gay gắt giữa hai trường phái âm nhạc làm cả hai bên cùng mệt mỏi. Liszt cũng luôn căng thẳng vì phải chống chọi với sự đả kích của trường phái âm nhạc Leipzig. Ông cũng từng viết nhiều bài báo bảo vệ những nhà âm nhạc tài năng thuộc trường phái Weimer như Wagner, Beclioz,... Sau này, lịch sử âm nhạc thế giới mới nhìn nhận và đánh giá đúng về Liszt, những tác phẩm ông viết trong quãng thời gian 14 năm ở Weimar (1848-1861) được xem là những tác phẩm thành công, chứa đựng nhiều điểm cải cách mới mẻ.

Năm 50 tuổi (1861), Liszt chuyển đến sống ở thành phố Roma nước Ý. Trong tám năm sống ở Roma, đã có thời gian khoảng bốn năm Liszt khoác áo thầy tu. So với nhiều nhà soạn nhạc thiên tài thì đây cũng là điểm độc đáo khác biệt của Liszt để chúng ta ghi nhớ về ông. Giai đoạn này, Liszt liên tiếp phải hứng chịu nỗi mất mát, buồn đau vì sự ra đi đột ngột của những người thân, đầu tiên là con trai Daniel qua đời tháng 12 năm 1859, không lâu sau, tháng 9 năm 1861 đến lượt con gái Blandine của ông. Chưa hết, hơn một năm sau, lễ thành hôn của Liszt và

Carolyne cũng không thể thực hiện do lực cản từ phía người chồng cũ của Carolyne. Những vận hạn liên tục khiến tinh thần của Liszt rơi vào trạng thái khủng hoảng, tác động không nhỏ đến nhiệt huyết sáng tác âm nhạc của ông. Trong giai đoạn này, Liszt có viết một số tác phẩm về đề tài tôn giáo nhưng không được giới chuyên môn đánh giá cao.

Những năm cuối đời, Liszt đi lại thường xuyên giữa Weimar và Roma, hàng năm có một vài tháng trở về Tổ quốc. Người ta ước tính từ năm 1869 đến 1881, mỗi năm Liszt đã đi ít nhất 6500 km- một con số đáng kinh ngạc so với tuổi tác của Liszt và hành trình khó khăn thời đó.

Tại Weimar, Liszt nhanh chóng khôi phục lại các hoạt động âm nhạc như mở nhiều lớp nhạc không lấy tiền, viết bài cổ vũ nhiệt thành cho các nhạc sĩ thuộc trường phái dân tộc mới nổi như nhạc sĩ người Séc Bédrich Sméctana (1824-1884), nhạc sĩ người Na-Uy Edvard Grieg (1843-1907) và các nhạc sĩ thuộc nhóm *Hùng mạnh* của nước Nga,... Những giai thoại sau đây phần nào khắc họa tính cách thân thiện, nhiệt tình giúp đỡ đồng nghiệp và lớp trẻ của Liszt.

Câu chuyện thứ nhất:

Khởi đầu sự nghiệp âm nhạc, Edvard Grieg (nhạc sĩ vĩ đại người Na-Uy) có nhiều tác phẩm giá trị, đã được xuất bản nhưng không được ai quan tâm. Khi nhạc sĩ trẻ bắt đầu cảm thấy chán nản và thất vọng thì bất ngờ nhận được một bức thư của Liszt vào tháng giêng năm 1869. Trong thư, nhạc sĩ tiền bối Liszt bày tỏ sự thán phục các tác phẩm của Grieg và mời đến gặp ở Weimar. Grieg sung sướng như ở trên mây nhưng vì một số lý do mà ông không đến ngay được Weimar. Sau này, trong một lần hội ngộ ở thành phố Roma nước Ý, Grieg đưa cho Liszt xem một bản concerto cho piano của mình. Liszt đề nghị:

- Cậu đàn cho tôi nghe nào!

Grieg lúng túng ấp úng:

- Đã lâu cháu không luyện bài này. Cháu e rằng nó sẽ...

- Thôi được, để tôi thử xem nhé!

Và với tài năng điêu luyện bậc thầy, Liszt đọc tổng phổ ngay trên đàn piano. Grieg tội nghiệp của chúng ta chỉ biết lắng nghe một cách sung sướng pha chút ngượng ngùng.

Câu chuyện thứ hai:

Liszt được mời đến lâu đài Jassy ở Rumani để nghe dàn nhạc người Digan biểu diễn. Ông quá thích thú bèn thốt lên:

- Tuyệt vời! Thật vô cùng tuyệt vời! Và bây giờ, mời các bạn thưởng thức tiếng đàn của tôi.

Ông ngồi vào đàn piano và ứng tấu một bản nhạc cực kỳ phức tạp với nhiều khúc biến tấu khác nhau. Bản nhạc kết thúc, nhóm nhạc công nhiệt liệt hoan hô. Người nhạc trưởng của họ tên là Barbo bước đến bên Liszt và nói:

- Thưa thầy, bản nhạc của thầy quả là tuyệt diệu. Xin thầy cho phép chúng tôi được chơi lại bản nhạc của thầy để thưởng thức thêm một lần nữa!

Liszt đồng ý nhưng tỏ vẻ không tin họ làm được điều đó. Nhưng Barbo đã cầm cây violon lên, tấu lại bản nhạc mà Liszt vừa chơi gần như không sai một nốt, dàn nhạc Digan cũng phụ đệm theo một cách tuyệt vời. Tiếng nhạc vừa dứt, Liszt chạy lại ôm chầm lấy Barbo và reo lên:

- Barbo! Thượng đế đã cho cậu làm nghệ sĩ, và cậu biết phát huy khả năng đó còn hơn cả tôi nữa!

Còn tại Hungary, với mong muốn thúc đẩy sự phát triển của nền âm nhạc quê hương, Liszt thường xuyên về nước tham gia các buổi trình diễn trong vai trò của người nghệ sĩ piano và nhà chỉ huy dàn nhạc, cũng như tham gia công tác giảng dạy. Giới chuyên môn nói riêng cũng như nhân dân Hungary nói chung đánh giá rất cao những đóng góp của ông đối với nền nghệ thuật của đất nước. Năm 1873 (tức là khi Liszt 62 tuổi), trên quê hương Hungary, người ta đã tổ chức một buổi kỷ niệm long trọng mừng 50 năm hoạt động nghệ thuật của ông. Liszt cũng được mời làm Chủ tịch đầu tiên của Viện Âm nhạc Budapest khi trường chính thức khánh thành năm 1875. Sự hiện diện của ông tại đất nước là niềm tự hào chung của những người dân Hungary.

Có một giai thoại kể về tình cảm của nhân dân dành cho Liszt và sự thông minh, hóm hỉnh của ông:

Trong một chuyến trở về quê hương, ông được đón tiếp rất nồng nhiệt tại thủ đô Budapest. Những họa sĩ vẽ truyền thần đều muốn ghi lại chân dung của ông. Tình cờ, đúng vào dịp này, nhạc sĩ nổi tiếng người Pháp- Camille Saint Saens (1835-1921), người sau này trở thành một trong những người bạn thân nhất của Liszt, có việc đi qua Budapest. Ông ta đến thăm Liszt và thấy đám nghệ sĩ mỹ thuật đang xúm xít vây quanh người nhạc sĩ già. Liszt vội vã phân trần hài hước với Camille Saint Saens:

- Ông xem, tôi đây có khác gì Thánh Sebastian không? (Thánh Sebastian thường được miêu tả trong văn chương là vị thánh tử vì đạo và bị các cung thủ bắn tên cho đến chết). Cọ vẽ của quý ông bà đây chính là những mũi tên bắn vào tôi đấy!

Từ tháng 07 năm 1881, sau một tai nạn ngã cầu thang, sức khỏe của Liszt yếu dần bởi nhiều bệnh tật, từ đó tinh thần nhạc sĩ cũng ngày càng suy nhược. Ông

qua đời ngày 31 tháng 07 năm 1886 tại thành phố Bayreuth, nước Đức, trong thời gian tham dự những buổi trình diễn âm nhạc của con rể- nhạc sĩ Wagner. Tang lễ của Liszt được cử hành trọng thể với sự có mặt của nhiều nhà soạn nhạc, nghệ sĩ, quý tộc, học trò và công chúng hâm mộ thiên tài âm nhạc của ông. Thi hài của Liszt được an táng ngày 03 tháng 08 năm 1886 tại nghĩa trang thành phố Bayreuth đúng như di nguyện của ông,

Về chuyện tình yêu, Liszt là nhân vật từng làm tốn không ít giấy mực của báo giới đương thời bởi ông vừa là nghệ sĩ nổi tiếng và rất "đào hoa". Với tài năng âm nhạc, sự lịch thiệp và cái duyên trong giao tiếp, Liszt chiếm được cảm tình của rất nhiều tiểu thư trẻ đẹp và cả các mệnh phụ phu nhân đằm thắm thuộc giới quý tộc. Tuy nhiên, những người phụ nữ thực sự có ảnh hưởng tới cuộc đời của Liszt chỉ có hai người, đó là nữ bá tước Marie d'Agoult và quận chúa Carolyne von Sayn Wittgenstein.

Marie d'Agoult kết hôn với bá tước Charles d'Agoult nhưng không có tình yêu, bà kém chồng 16 tuổi và lớn hơn Liszt khoảng 6 tuổi. Trong một lần tình cờ quen biết, Marie d'Agoult và Liszt lập tức phải lòng nhau, từ đó họ bí mật gặp gỡ trong khoảng 2 năm. Sau khi Marie d'Agoult ly hôn vào năm 1835, bà cùng Liszt rời Paris đến Thụy Sĩ, rồi sau đó chuyển đến Ý sống với nhau như vợ chồng. Họ có với nhau ba người con (hai gái, một trai), một trong hai cô con gái của Liszt tên là Cosima sau này trở thành vợ của nhạc sĩ thiên tài người Đức- Richard Wagner (1813-1883). Bà Marie d'Agoult đồng thời là nhà văn với bút danh Daniel Stern, thời kỳ sống với Liszt, bà là một trợ thủ đắc lực cho Liszt trong việc hoàn thiện nhiều bài viết lý luận phê bình âm nhạc của ông. Cuối năm 1839, khi tình cảm giữa Liszt và Marie d'Agoult rạn nứt, Maria cùng các con trở về Paris còn Liszt bắt đầu các chuyến lưu diễn khắp châu Âu. Mùa hè năm 1841 và 1843, Liszt có những kỳ nghỉ cuối cùng với Marie d'Agoult và các con tại đảo Nonnenwerth Rhine, nước Đức. Kể từ mùa xuân năm 1844, tình cảm giữa Liszt và Marie d'Agoult vĩnh viễn chấm dứt.


Nữ bá tước **Marie d'Agoult**

Quận chúa Carolyne von Sayn Wittgenstein cũng là người phụ nữ đã có gia đình nhưng hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân. Liszt và Carolyne gặp nhau khi Liszt 36 tuổi, Carolyne 29 tuổi, họ yêu nhau và tính chuyện cùng nhau đến sinh sống tại thành phố Weimar nước Đức. Quận chúa Wittgenstein cũng là một nhà văn và hai người từng cùng nhau viết một số tác phẩm văn chương. Liszt và

Carolyne muốn làm lễ kết hôn, là người ngoan đạo, Carolyne cần phải chứng tỏ cuộc hôn nhân trước của mình không còn giá trị. Vốn là người sùng đạo, Carolyne kiên trì với việc giải quyết vụ ly hôn trong thời gian dài hàng chục năm. Khi mọi việc tưởng như đã yên ổn, cặp đôi dự định tổ chức đám cưới ở Roma vào ngày 22 tháng 10 năm 1861- đúng vào dịp sinh nhật lần thứ 50 của Liszt. Nhưng cuối cùng, lễ cưới đã không bao giờ diễn ra bởi người chồng cũ của Carolyne và Sa hoàng nước Nga đã thuyết phục Tòa Thánh Vatican hủy bỏ hôn lễ.

Là người quảng giao, lại đi lưu diễn rất nhiều nơi, Liszt từng gặp hầu hết những nhân vật lỗi lạc đương thời, trong số đó, có rất nhiều người trở thành bạn thân tình của Liszt. Ngoài ra, trong thời gian ở Vienne, Liszt đã từng vinh dự được gặp Beethoven và nhạc sĩ thiên tài 53 tuổi đã ôm hôn lên trán cậu bé kỳ tài 12 tuổi, một trong những kỷ niệm sâu sắc, một ấn tượng hạnh phúc cho Liszt trong suốt cuộc đời. Sự kiện gặp Beethoven và "cái hôn thần thánh" nêu trên được cho là lời kể của Liszt (vài năm trước khi qua đời) với một người học trò của ông. Trong các tài liệu, những thông tin không mấy đồng nhất thêu dệt xung quanh cuộc gặp gỡ này, một giả thuyết cho rằng Beethoven ôm hôn Liszt sau khi xem một buổi trình diễn của cậu bé, trong khi lại có ý kiến khác cho rằng việc đó diễn ra trong lần Liszt được người ta dẫn đến gặp Beethoven tại nhà riêng,... Tuy nhiên cần biết rằng, thời điểm đó, Beethoven đã già yếu và thính giác đã hỏng hoàn toàn. Điều đó dẫn đến nhiều hạn chế trong giao tiếp và việc thưởng thức âm nhạc có lẽ còn khó khăn hơn, vì vậy, chúng ta chỉ nên xem sự việc trên như một giai thoại không được kiểm chứng một cách xác thực.

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Trước hết, Liszt nổi bật nhất trong vai trò của một nghệ sĩ piano kỳ tài. Với kỹ thuật độc đáo hiếm có, cộng với phong cách biểu diễn nhiệt tình, phóng khoáng, ông sớm có được danh tiếng lừng lẫy ngay từ thời kỳ đầu khởi nghiệp. Cũng nhờ sự nổi tiếng trong lĩnh vực biểu diễn piano, uy tín cũng như vị thế xã hội của Liszt không ngừng được nâng cao, góp phần không nhỏ trong việc mở ra con đường phát triển của ông sang các lĩnh vực âm nhạc khác như: sáng tác, chỉ huy, lý luận, sư phạm,...

Trong lĩnh vực sáng tác, Liszt để lại một kho tàng đồ sộ với hàng ngàn tác phẩm. Tuy nhiên, phần lớn những sáng tác trong thời kỳ đầu và giai đoạn Liszt khoác áo thầy tu không được giới chuyên môn đánh giá cao. Những sáng tác còn lưu truyền đến ngày nay được xem là những tác phẩm có giá trị, chủ yếu tập trung ở các lĩnh vực mà Liszt ưa thích như: piano, giao hưởng,...

Các tác phẩm viết cho piano chiếm vị trí trung tâm trong sự nghiệp âm nhạc của Liszt. Là một nghệ sĩ piano với "đôi bàn tay vàng", các tác phẩm viết cho piano của Liszt thường xuất hiện nhiều quãng rộng, thường mang âm hưởng của dàn nhạc lớn, đôi chỗ có thể thấy màu sắc đặc trưng của loại nhạc cụ nào đó như: những nét lướt mềm mại của đàn Harp; tiếng du dương trầm bổng của nhạc cụ bộ dây; hay âm thanh mạnh mẽ, sáng sủa của kèn Trumpet,... Là một nghệ sĩ piano nổi tiếng, Liszt thường xuyên tìm tòi nguồn tác phẩm để các buổi biểu diễn luôn mới lạ, thỏa mãn sự yêu thích của công chúng ở từng xứ sở mà ông đi qua. Trong khoảng 10 năm lưu diễn khắp châu Âu, Liszt đã tranh thủ thời gian vừa sáng tác, vừa nghiên cứu cải biên, chuyển thể nhiều tác phẩm kinh điển của các nhà soạn nhạc vĩ đại hoặc xây dựng tác phẩm từ chất liệu dân ca Ý, Pháp, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc, Nga, Ukraina,... biến chúng thành những bản nhạc hấp dẫn cho đàn piano.

Những tác phẩm cải biên của Liszt thường được phóng tác tự do dựa trên những chủ đề âm nhạc chọn lọc trong các nhạc kịch nổi tiếng của những nhà soạn nhạc thiên tài như: Mozart, Wagner, Weber, Bellini, Verdi,...

Các tác phẩm chuyển thể chiếm một số lượng đáng kể trong gia tài âm nhạc của Liszt. Chuyển thể có nghĩa là chuyển các tác phẩm thuộc thể loại âm nhạc khác như giao hưởng, organ, thanh nhạc,... sang cho đàn piano. Tác phẩm chuyển thể đầu tiên của Liszt là giao hưởng *Ảo tưởng* của Berlioz; tiếp đến là các giao hưởng số 5, số 6, số 7 của Beethoven; nhiều ouverture trong các vở nhạc kịch của Rossini, Weber, Wagner,...; nhiều tác phẩm viết cho đàn organ của J. S. Bach; các tác phẩm thanh nhạc của Beethoven, Schubert, Mendelssohn, Schumann, Chopin,...

Kế thừa cách làm của các nhà soạn nhạc lãng mạn, Liszt cũng thường tập hợp các tác phẩm piano có tiêu đề thành một tập liên khúc. Có thể kể ra những tuyển tập piano tiêu biểu của Liszt như: *Những năm chu du* (gồm 3 tập, xuất bản năm 1855); *Những éude cao cấp* (khởi động từ năm 1826, hoàn thành năm 1851); *Những éude lớn phỏng theo phong cách của Paganini* (1851),...

Trong số những tác phẩm viết cho piano đặc sắc của Liszt, người ta cũng thường nhắc tới 19 *Rhapsody Hungary* với lối phóng tác tự do, phát triển từ chất liệu dân gian Hungary và Digan; *Sonate cho piano cung Si thứ* (viết tặng R. Schumann) cũng là một trong những tác phẩm nổi tiếng của Liszt, mẫu mực đầu tiên của dạng sonate một chương thời kỳ lãng mạn,...

Trong sáng tác giao hưởng, Liszt được xem là nhà soạn nhạc có công phát triển nghệ thuật giao hưởng có tiêu đề và là người sáng tạo thể loại thơ giao

hưởng có tiêu đề. Những giao hưởng có tiêu đề nổi tiếng của Liszt là *Giao hưởng Dante* (1856); *Giao hưởng Faust* (1857); 13 bản thơ giao hưởng,... Các bản thơ giao hưởng của Liszt có cấu trúc một chương, phần lớn đều có tiêu đề, nội dung hình tượng thường lấy từ trong các tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới. Có thể kể tên một số bản thơ giao hưởng như: *Orpheus, Prometheus* (nhân vật trong truyện *Thần thoại Hy Lạp*); *Hamlet* (của Shakespeare); *Tasso* (của Goethe); *Mazeppa* (của Victor Hugo); *Những khúc dạo đầu* (của Lamartine),...

Trong vai trò người chỉ huy dàn nhạc, Liszt luôn cố gắng đổi mới danh mục chương trình biểu diễn để có thể giới thiệu tới công chúng những tác phẩm có giá trị, nhờ đó, nhiều tác phẩm của các nhạc sĩ cổ điển như Gluck, Mozart, Beethoven,... được vang lên cùng với các tác phẩm của các nhạc sĩ trẻ tài năng đương thời như Weber, Rossini, Berlioz, Schumann, Glinka, Wagner,...

Trong lĩnh vực lý luận, Liszt cũng bén duyên với nghiệp viết lách qua những bài báo phản ánh đời sống âm nhạc đương đại. Ông còn là tác giả của những truyện ký về Schubert, Chopin, Berlioz, Schumann,... trong đó cuốn sách viết về Chopin có thể được xếp vào tủ sách văn học. Ngoài ra, cuốn sách *Về người Digan và âm nhạc của họ ở Hungary* của Liszt cũng là một công trình nghiên cứu dân nhạc có giá trị.

Trong lĩnh vực sư phạm, Liszt có khá nhiều học trò ở những nơi mà ông đã từng sinh sống và làm việc như: Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Hungary,... Ở tuổi trung niên, ông mở nhiều lớp dạy nhạc miễn phí và cộng tác giảng dạy tại nhiều trường đào tạo âm nhạc, trong đó có Nhạc viện Genève (Thụy Sĩ), Nhạc viện Budapest tại quê hương Hungary,...

Có thể khẳng định, với tài năng âm nhạc xuất chúng của mình, Liszt là một nhạc sĩ quan trọng, có vai trò tích cực trong tiến trình phát triển của nền âm nhạc kinh điển. Ông xứng đáng được xếp vào một trong những tên tuổi vĩ đại nhất trong lịch sử âm nhạc thế giới.

Ngày nay, tượng đài tưởng niệm Liszt được dựng lên ở nhiều thành phố Châu Âu như: Eisenstadt, Vienne (Áo); Weimar, Bayreuth (Đức) Kalocsa, Budapest (Hungayry) Kiev (Ukraina),... Tại thủ đô Budapest, có một học viện âm nhạc và một bảo tàng lớn mang tên nhà soạn nhạc thiên tài Franz Liszt. Căn nhà nơi Liszt trút hơi thở cuối cùng ở thành phố Bayreuth nước Đức cũng có một bảo tàng về ông.

Kể từ năm 1986, 100 năm sau khi nhạc sĩ qua đời, cứ ba năm một lần, người ta lại tổ chức Cuộc thi piano Quốc tế mang tên ông tại thành phố Utrecht, Hà Lan.

Tượng đài Liszt, thành phố Kalocsa, Hungary	**Học viện Âm nhạc Franz Liszt, Thủ đô Budapest, Hungary**	**Bảo tàng Franz Liszt, Thủ đô Budapest, Hungary**

LES PRELUDES

Chủ đề

Andante **Liszt**

p

9

13

17

21

Trích đoạn

HUNGARIAN RHAPSODIE NO. 2

Lento a cappriccio

Liszt

f marcato

poco rit.

più ritenuto

LASSAN

Andante mesto

mf

molto espressivo

* Bản nhạc trên đã được biên soạn lược bớt cho dễ chơi hơn. Bạn có thể vào mạng internet để nghe tham khảo sắc thái, tình cảm và tốc độ của tác phẩm gốc.

R.H.

dim.

L. H.

dolce con grazia

FRISKA

Vivace

pp

rit.

Tempo giusto - Vivace

***f** marcato*

Molto staccato

leggiero

8va

pp

8va

mp

mf

54

cresc.

ff

fff

LIEBESTRÄUME

Poco Allegro, con affetto. **Liszt**

dolce *cantando*

* *Liebesträume* (tạm dịch là "Những giấc mơ tình yêu") là tiêu đề mà Liszt đặt cho ba bản nhạc thuộc thể loại nocturne được chuyển soạn cho piano từ các ca khúc của ông. Bản nhạc trên là "giấc mơ" thứ ba trong "Những giấc mơ tình yêu" của Liszt.

13

Poco cresc. ed agitato

8va

8va

lunga

Più animato con passione

cre - - - - - - - - - - - - - - - - - - - scen - - - - - - - - - - - - - - do

f

Sempre stringendo

ff

sempre più rinforzando

appassionato assai

affrettando

dimin.

leggiero

lunga

Tempo I

dolce armoniosso

poco - - - a - - - poco - - -

ri - - - - - - - - te - - - - - - nuto

più smorz. e rit

cantando espressivo

p

84 *f* vibrato

pp

PYOTR ILYICH TCHAIKOVSKY
(1840-1893)



Pyotr Ilyich Tchaikovsky (P. I. Trai-cốp-xki) là nhà soạn nhạc thiên tài người Nga đồng thời cũng là tên tuổi vĩ đại của nền âm nhạc thế giới. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng viết cho dàn nhạc với quy mô lớn và những tiểu phẩm đặc sắc, sinh động dành cho đàn piano. Bên cạnh sở trường sáng tác, ông còn có những đóng góp đáng kể trong lĩnh vực giảng dạy, lý luận phê bình và chỉ huy dàn nhạc.

1. Cuộc đời và sự nghiệp

Tchaikovsky ngày 07 tháng 05 năm 1840 tại nước Nga trong một gia đình mà cha mẹ đều là những trí thức đức độ và yêu âm nhạc. Cha của Tchaikovsky, ông Ilya Petrovich Tchaikovsky là một kỹ sư mỏ có tài. Năm 1837, ông cùng người vợ thứ hai (trẻ hơn ông 18 tuổi) và con gái đầu lòng chuyển đến Votkinsk- một thị trấn nhỏ ở vùng hẻo lánh nước Nga để nhận chức Giám đốc một nhà máy luyện kim. Tại đây, họ sinh thêm bốn người con, trong đó có Tchaikovsky. Ông Ilya là một nhà lãnh đạo đầy tâm huyết, cương trực, tốt bụng, vui tính và dễ hòa đồng; ông đồng thời là người cha, người chồng dịu dàng, rất mực yêu quý vợ con. Người mẹ của Tchaikovsky, bà Alexandra Andreyevna née d'Assier tốt nghiệp đại học Saint Petersburg, bà biết nhiều ngoại ngữ, ham đọc sách và thuộc nhiều bài dân ca. Bà vừa là người vợ đảm đang, tháo vát, quán xuyến gia đình; vừa là người mẹ hết lòng chăm lo nuôi dạy con cái, đồng thời cũng là trợ thủ đắc lực cho chồng trong công việc. Mặc dù sinh sống tại vùng xa xôi hẻo lánh nhưng người mẹ

Tchaikovsky đã lặn lội lên tận thành phố để tìm gia sư cho các con. Từ nhỏ, Tchaikovsky đã được tạo điều kiện học tập và tiếp thu những kiến thức cần thiết, kể cả môn piano. Tchaikovsky học thông minh và luôn có ý thức cố gắng, cậu thích học môn lịch sử và văn học, riêng môn piano cậu học rất nhanh, có thể dễ dàng đàn được những bản nhạc dành cho người lớn. Tchaikovsky tỏ ra vô cùng nhạy cảm với âm nhạc, cậu từng nhiều lần khóc nức nở khi thưởng thức các vở nhạc kịch của Mozart, điều đó khiến cha mẹ Tchaikovsky không ít lần tỏ ra lo lắng trước sự quá nhạy cảm của con trai mình. Ngoài ra, Tchaikovsky còn đặc biệt yêu thích giai điệu đẹp, trữ tình của những làn điệu dân ca Nga qua tiếng hát người mẹ và những người xung quanh. Sớm nhận thấy năng khiếu âm nhạc đặc biệt ở Tchaikovsky, nhưng ông Ilya và bà Alexandra lại muốn hướng cho con trai mình theo học ngành luật. Năm 10 tuổi (1850), Tchaikovsky phải xa gia đình để học dự bị trước khi chính thức vào trường luật tại Saint Petersburg. Tại thành phố lớn này, Tchaikovsky được học âm nhạc một cách bài bản với một thầy giáo người Đức, cũng như có điều kiện tiếp cận với âm nhạc kinh điển. Tchaikovsky có một trí nhớ âm nhạc kỳ lạ, khả năng chơi piano điêu luyện và thiên tài ngẫu hứng trên đàn. Tuy nhiên, trong xã hội Nga lúc bấy giờ âm nhạc chưa được quan tâm đúng mực, bởi vậy khi người cha hỏi ông thầy người Đức rằng có nên cho Tchaikovsky đi theo con đường âm nhạc chuyên nghiệp không thì người thầy đã không tán thành. Năm 19 tuổi, Tchaikovsky tốt nghiệp trường luật sau gần chín năm học (1850-1859) và xin được việc làm trong Bộ Tư pháp. Công việc tại Bộ Tư pháp mang lại thu nhập ổn định và vị thế xã hội, tuy nhiên lại không làm cho Tchaikovsky hạnh phúc. Trong một bức thư gửi cho em gái, Tchaikovsky viết: "*... Họ để cho anh làm quan, nhưng trên thực tế thì anh làm không tốt...*" Thời điểm này, nghệ sĩ piano, nhà soạn nhạc, nhà chỉ huy dàn nhạc, nhà sư phạm nổi tiếng thế giới người Nga Anton Grigorievich Rubinstein (1829-1894) mở các lớp nhạc phổ cập tại thành phố Saint Petersburg, Tchaikovsky phấn khởi ghi tên mình vào danh sách học viên tham dự. Năm 1862, các lớp nhạc của A. G. Rubinstein được tổ chức thành Nhạc viện Saint Petersburg- nhạc viện đầu tiên của nước Nga và cũng trong năm đó, Tchaikovsky có một quyết định táo bạo: xin thôi việc sau ba năm làm việc tại Bộ Tư pháp để toàn tâm toàn ý theo học âm nhạc.

Kể từ đây, Tchaikovsky mới thực sự đi trên con đường học nhạc một cách chuyên nghiệp. Vài tháng sau khi từ bỏ vị trí công việc ở Bộ Tư pháp để theo học tại Nhạc viện Saint Peterburg, Tchaikovsky có cuộc trò chuyện với người anh Nicolai. Vốn không ủng hộ quyết định của em trai, Nicolai thẳng thừng nói rằng Tchaikovsky không thể có tài năng như Glinka, người mà Tchaikovsky luôn

ngưỡng mộ, và do đó sẽ mãi chỉ là một nhạc sĩ hạng hai. Nhạc sĩ trẻ đã trả lời: "*...Có thể là em không được bằng Glinka, nhưng rồi anh xem, sẽ có ngày anh sẽ cảm thấy tự hào vì có một người em như em*". Về sau, những thành công của Tchaikovsky đã dần chứng minh lời nhạc sĩ từng nói với người anh trai của mình. Sau ba năm học tại nhạc viện Saint Petersburg, năm 1865, Tchaikovsky tốt nghiệp đứng vị trí thứ hai toàn trường. Cũng phải nói thêm rằng, tất cả các môn Tchaikovsy học rất xuất sắc, riêng môn chỉ huy, có lẽ do bản tính nhút nhát nên nhạc sĩ không mấy tự tin, bởi vậy điểm tốt nghiệp môn chỉ huy đã kéo thấp thành tích học tập chung của nhạc sĩ xuống vị trí thứ hai.

Năm 26 tuổi (đầu năm 1866), Tchaikovsky được mời giảng dạy môn lý thuyết cho các lớp âm nhạc do Nikolai Grigorievich Rubinstein- em trai của A. G. Rubinstein- tổ chức. N. G. Rubinstein (1835-1889) là một nghệ sĩ piano, nhà sư phạm, chỉ huy dàn nhạc nổi tiếng, ông còn là nhà hoạt động xã hội và âm nhạc vĩ đại. N. G. Rubinstein chính là người sáng lập đồng thời là Giám đốc đầu tiên của Nhạc viện Moskva khi nhạc viện này đi vào hoạt động tháng 09 năm 1866. N. G. Rubinstein rất trân trọng thiên tài âm nhạc của Tchaikovsky và dần trở thành một người bạn thân thiết của Tchaikovsky.



Anton (bên phải) và **Nikolai Rubinstein**

Tại Nhạc viện Moskva, Tchaikovsky hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giảng dạy và sáng tác. Một trong những cống hiến quan trọng của Tchaikovsky cho nhạc viện Moskva cũng như cho việc đào tạo âm nhạc nói chung đó là cuốn sách về hòa âm, mà nhiều năm sau đó trở thành sách giáo khoa trong các nhạc viện. Trong quãng thời gian khoảng 10 năm làm việc tại Nhạc viện Moskva, Tchaikovsky luôn chú ý phát hiện và hết lòng bồi dưỡng các tài năng âm nhạc trẻ tuổi. Một trong số những học trò kiệt xuất của Tchaikovsky là nhạc sĩ, nghệ sĩ piano, nhà sư phạm nổi tiếng Sergey Ivannovich Taneyev (1856-1915). Taneyev sau này cũng là một người bạn thân của Tchaikovsky và từng có thời gian làm Giám đốc Nhạc viện Moskva.

Năm 37 tuổi (1877), Tchaikovsky kết hôn với cô học trò của mình là Antonina Ivannova Miliukova, nhưng cuộc hôn nhân đã nhanh chóng đổ vỡ chỉ sau 9 tuần chung sống.

Thời kỳ này, công việc gò bó của nghề giảng dạy và bối cảnh xã hội ngột ngạt của nước Nga đương thời luôn làm cho Tchaikovsky mệt mỏi. Sau bi kịch

của hôn nhân, sức khỏe vốn bẩm sinh không tốt của Tchaikovsky càng rơi vào khủng hoảng nặng nề. Đúng lúc ấy, bà Nadejda von Meck- một góa phụ giàu có mà Tchaikovsky quen trước đó đã đề nghị tài trợ một số tiền cố định hàng năm để Tchaikovsky có thể tạm nghỉ dạy học để chuyên tâm vào lĩnh vực sáng tác. Từ đó, Tchaikovsky thường về các vùng nông thôn yên tĩnh hoặc đi du lịch đây đó để nghỉ ngơi, dưỡng sức, thả hồn mình vào phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và thỏa sức sáng tạo âm nhạc. Rất nhiều các tác phẩm nổi tiếng của Tchaikovsky được viết một cách nhanh chóng trong không gian êm đềm, thơ mộng, tĩnh mịch của thiên nhiên.

Khoảng từ năm 45 tuổi, sức khỏe của Tchaikovsky có vẻ khả quan hơn. Ông bắt đầu tham gia vào các hoạt động xã hội. Ngày 20 tháng 02 năm 1885, tại cuộc họp của phân hội âm nhạc Nga ở Moskva (R.M.O), Tchaikovsky được bầu làm ủy viên Ban điều hành phân hội. Trên cương vị mới, Tchaikovsky có những cải tiến về mặt nghệ thuật cho các chương trình hòa nhạc của hội; thu hút những nghệ sĩ ưu tú vào hội; quan tâm trực tiếp đến các công việc của nhạc viện sau khi thầy N. G. Rubinstein mất năm 1889, cụ thể như: tham gia hỏi thi, bàn bạc việc đề cử các giáo sư và giám đốc,... Ngày 19 tháng 01 năm 1887, Tchaikovsky lần đầu tiên xuất hiện trên sân khấu nhà hát lớn Moskva trong vai trò của nhà chỉ huy dàn nhạc để trình diễn vở nhạc kịch *Cherevichki* của mình (vở nhạc kịch *Cherevichki* được sửa chữa từ vở *Người thợ rèn Vacula*). Sự thành công của buổi diễn đã giúp nhạc sĩ tự tin hơn, từ đó Tchaikovsky có mặt nhiều hơn trong các chương trình hòa nhạc quy mô trên khắp các thành phố lớn của nước Nga.

Tài năng lỗi lạc, tinh thần hăng say, miệt mài lao động quên mình cho nghệ thuật đã dần đưa Tchaikovsky trở thành một tên tuổi lớn, vượt ra khỏi biên giới nước Nga. Tháng 12 năm 1887, Tchaikovsky (47 tuổi) lần đầu tiên thực hiện chuyến lưu diễn dài ngày qua các nước châu Âu như Đức, Séc, Pháp, Anh,... Ở đâu, ông cũng được khán giả chào đón rất nồng nhiệt. Trong chuyến đi này, Tchaikovsky làm quen với nhiều nhạc sĩ thiên tài của thế giới như Brahms (nhạc sĩ Đức); Grieg (nhạc sĩ Na-Uy); Dvorak (nhạc sĩ Séc),... Cuối tháng 03 năm 1888, Tchaikovsky trở về quê hương sau chuyến lưu diễn hết sức thành công và ông lại bận rộn chuẩn bị cho chuyến lưu diễn châu Âu lần thứ hai ngay trong năm đó. Năm 1891, Tchaikovsky bắt đầu chuyến lưu diễn dài ngày lần thứ ba ở tuổi 51, sau một vài ngày dừng chân biểu diễn ở Paris, Tchaikovsky lên tàu sang Mỹ. Tại đây, âm nhạc của Tchaikovsky rất được công chúng yêu thích, ông tham gia các buổi hòa nhạc ở nhiều thành phố lớn của nước Mỹ.

Mùa hè năm 1893, Tchaikovsky được trường Đại học tổng hợp Cambridge danh tiếng mời đến nước Anh để trao tặng danh hiệu *Tiến sĩ âm nhạc danh dự*. Ngay trong ngày đầu tiên đến nước Anh, Tchaikovsky đã tham gia một buổi hòa nhạc chỉ huy một tác phẩm của ông và nghi thức trao tặng học vị tiến sĩ âm nhạc diễn ra trang trọng vào ngày hôm sau.

Sau khi trở về từ nước Anh, Tchaikovsky hoàn thành bản *Giao hưởng số 6* vào tháng 08 năm 1893, đó là một trong những tác phẩm vĩ đại cuối cùng của ông.

Ngày 30 tháng 10 năm 1893, Tchaikovsky chỉ huy buổi biểu diễn ra mắt *Giao hưởng số 6* tại Saint Petersburg. Cũng chính tại thành phố này, một tuần sau đó, ngày 06 tháng 11 năm 1893 Tchaikovsky đột ngột qua đời. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của người nhạc sĩ tài hoa này vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi cho đến tận ngày nay. Người ta không thực sự tìm thấy bằng chứng xác thực cho các giả thiết Tchaikovsky qua đời do bệnh tả, uống nước nhiễm khuẩn, tự tử hay là hậu quả của một thời gian dài hút thuốc lá và uống rượu nhiều. Và vì thế có thể cái chết của Tchaikovsky sẽ mãi mãi là điều bí ẩn. Ít ngày sau khi Tchaikovsky qua đời, giai điệu bi thương của bản *Giao hưởng số 6* lại vang lên trong buổi hòa nhạc tưởng nhớ người nhạc sĩ vĩ đại làm xúc động biết bao trái tim những người dân nước Nga yêu mến ông.

Về khía cạnh tình cảm riêng tư, có thể kể đến bóng dáng của ba người phụ nữ trong cuộc đời Tchaikovsky: mối tình đầu với ca sĩ Desiree Artot; cuộc hôn nhân ngắn ngủi với Antonina Ivanova Miliukova và ân tình đặc biệt với góa phụ Nadezhda von Meck.



Năm 1868, Tchaikovsky (28 tuổi) quen với giọng ca nữ cao người Bỉ- Desiree Artot (**xem ảnh bên**) khi cô đang lưu diễn tại Nga. Họ lập tức phải lòng nhau và đã đính ước với nhau. Tchaikovsky đã viết cho nàng bản *Romance cho piano cung Fa thứ, op.5*. Tuy nhiên, ngày 15 tháng 09 năm 1869, không một lời giải thích với Tchaikovsky, Artot kết hôn với một thành viên cùng nhóm nhạc, đó là giọng nam trung người Tây Ban Nha Mariano Padilla y Ramos. Chuyện tình này dường như đã ghi dấu ấn trong một số tác phẩm của Tchaikovsky: *Concerto số 1 cho piano cung Si giáng thứ*, bài thơ *Fatum, Giao hưởng số 3* và fantasy-ouverture *Romeo và Juliet*. Sau đó, họ có vài lần gặp lại nhau và tháng 10 năm 1888, Tchaikovsky đã

viết tặng Artot *Sáu bài ca Pháp, op. 65* thay vì chỉ một bài hát như đề nghị của nàng. Tchaikovsky về sau từng nói rằng Artot là người phụ nữ duy nhất mà ông yêu.

Tháng 04 năm 1877, Tchaikovsky kết hôn với Antonina Ivanova Miliukova, học trò cũ của ông, sau rất nhiều lá thư bày tỏ tình cảm nồng nhiệt của cô gái. Nhưng ngay sau đám cưới, Tchaikovsky đã cảm thấy mình đã phạm một sai lầm lớn, ông phát hiện ra rằng ông và Antonina không hề có bất cứ sự hòa hợp nào. Miliukova vốn là cô gái hời hợt, phù phiếm và ít kiến thức, mặc dù là sinh viên trường nhạc nhưng cô không mấy yêu thích âm nhạc và không biết chơi một tác phẩm nào của chồng mình. Cuộc sống sau hôn nhân nhanh chóng trở thành địa ngục đối với Tchaikovsky, ông rơi vào khủng hoảng tinh thần đến mức từng có ý định nhảy sông tự tử. Thời gian sau đó sức khỏe Tchaikovsky suy giảm nghiêm trọng. Sau một thời gian nằm viện để điều trị, Tchaikovsky chuyển đến Clarens (Thụy Sĩ) để tiếp tục tĩnh dưỡng tinh thần và khôi phục sức khỏe. Về sau, Tchaikovsky đành nhờ người anh là luật sư đứng ra thuyết phục để Miliukova đồng ý sống ly thân nhưng không ly hôn. Như vậy, cuộc hôn nhân của Tchaikovsky đã kết thúc chỉ sau chín tuần chung sống, từ đó, nhạc sĩ sống độc thân và chuyên tâm sáng tác, để lại cho đời rất nhiều tác phẩm vĩ đại.



Tchaikovsky và Antonina trong tuần trăng mật năm 1877

Trong cuộc đời của Tchaikovsky, có một mối quan hệ rất đặc biệt, đầy ân nghĩa với một góa phụ tên là Nadezhda von Meck. Bà Nadejda von Meck là một người có tâm hồn đẹp và kiến thức văn hóa sâu rộng, bà am hiểu lịch sử, triết học, văn học, nghệ thuật, biết nhiều ngoại ngữ và rất sành âm nhạc. Qua nghệ sĩ violon Iosif Kotek, một người bạn của Tchaikovsky, bà biết nhiều hơn về thiên tài âm nhạc mà từ lâu bà đã mến mộ. Trong lá thư đầu tiên gửi Tchaikovsky, bà Nadezha tự giới thiệu mình là một người hâm mộ nhiệt thành và đặt ông viết vài tác phẩm cho violon và piano để biểu diễn tại dinh thự của mình. Dần dần, bà trở thành người bảo trợ tài chính cho người nhạc sĩ trẻ tuổi. Biết Tchaikovsky luôn trong điều kiện kinh tế khó khăn, bà thường đặt ông viết các tác phẩm nho nhỏ và trả cho ông những khoản tiền thù lao hậu hĩnh. Sau này, thấy Tchaikovsky sức khỏe kém mà phải làm thêm vất vả, bà đã đề nghị chu cấp cố định cho ông 6000 rúp mỗi năm (một khoản tiền rất lớn thời kỳ đó) để ông chuyên tâm sáng tác. Tchaikovsky đã đón nhận sự giúp đỡ của bà với lòng biết ơn sâu sắc. Tchaikovsky

từng sáng tác bản giao hưởng số 4 với lời đề tặng cho bà Nadejda von Meck. Mối quan hệ bạn bè tri kỷ của họ kéo dài từ năm 1877 đến năm 1890. Trong suốt quãng thời gian 13 năm đó, hai người đã gửi cho nhau hơn 1.200 lá thư và điều đặc biệt là họ chưa từng gặp gỡ trực tiếp. Trong các bức thư, Tchaikovsky chia sẻ với bà Nadejda von Meck những quan điểm sáng tác, ngược lại bà đưa ra một số nhận xét về những tác phẩm của Tchaikovsky, điều đáng chú ý là những đánh giá của bà có vẻ như còn đúng hơn ý kiến của các nhà phê bình âm nhạc chuyên nghiệp đương thời.



Bà Nadezhda von Meck

2. Một số thành tựu và đặc điểm âm nhạc nổi bật

Tchaikovsky là một trong số ít các nhạc sĩ thành công ở nhiều thể loại khác nhau trong đó nổi bật với các thể loại giao hưởng, nhạc kịch, thính phòng, vũ kịch, piano,...

Trong lĩnh vực giao hưởng, Tchaikovsky sáng tác khoảng 30 tác phẩm, trong số đó có 07 bản giao hưởng (chỉ một bản có tiêu đề là *Giao hưởng Manfred*), 02 thơ giao hưởng, 02 tổ khúc giao hưởng, một số bản concerto, một số ouverture,... Trong số 07 giao hưởng của ông, người ta thường nhắc đến giao hưởng số 5 và số 6 là những bản giao hưởng có nội dung triết lý sâu sắc mà Tchaikovsky đã dành rất nhiều tâm huyết để hoàn thành và đó cũng là những tác phẩm đưa tên tuổi Tchaikovsky lên đến đỉnh cao của vinh quang rực rỡ.

Trong lĩnh vực nhạc kịch, Tchaikovsky sáng tác khoảng 10 tác phẩm, trong số này người ta thường nhắc tới các vở opera dòng lịch sử như *Orléans, Mazeppa, Iolanta,...* nhưng có lẽ người ta biết đến nhiều nhất là hai vở thuộc dòng tâm lý xã hội nói về đề tài tình yêu là: *Eugéne Onesguine, Con đầm pique*.

Nhạc kịch *Eugéne Onesguine* được viết dựa trên tác phẩm văn học cùng tên của Pushkin- nhà thơ vĩ đại người Nga. *Eugéne Onesguine* có những sáng tạo khác với nguyên gốc về tính cách nhân vật và một số tình tiết kịch, đặc biệt là phần âm nhạc đã khắc họa được nội tâm, tâm lý nhân vật một cách rất tinh tế và sinh động. Tchaikovsky hoàn thành nhạc kịch này năm 1877 và khi công diễn đã gây được tiếng vang lớn, được khán giả hết sức tán thưởng, thậm chí giới chuyên môn đánh giá tác phẩm này ngang với nhạc kịch *Don Giovanni* của Mozart.

Trong lĩnh vực vũ kịch (ballet), Tchaikovsky sáng tác ba vở ballet là *Hồ Thiên nga, Người đẹp ngủ trong rừng* và *Chiếc kẹp hạt dẻ.* Ba vở vũ kịch của Tchaikovsky được xem là những tác phẩm kinh điển của nền âm nhạc thế giới. Đó

là những câu chuyện mang màu sắc cổ tích, ca ngợi cái đẹp và tình yêu. Thời kỳ trước Tchaikovsky, thể loại ballet chưa phát triển ở nước Nga, đó chỉ là thể loại đơn điệu với những cảnh vui mắt để khán giả xem trình diễn các màn múa; còn âm nhạc chỉ đóng vai trò thứ yếu, có khi phần âm nhạc của vở kịch còn bị chắp vá từ nhiều khúc nhạc của nhiều tác giả khác nhau. Các vở vũ kịch của Tchaikovsky xuất hiện đã tạo một luồng sinh khí kỳ diệu cho thể loại âm nhạc độc đáo này. Trong ballet của Tchaikovsky, các chủ đề âm nhạc phát triển một cách thống nhất như một tác phẩm giao hưởng, các màn múa riêng biệt trên nền nhạc đặc sắc được liên kết một cách logic với các màn kịch giống như opera. Cũng từ đó, các vở ballet của Tchaikovsky trở thành mẫu mực của một thể loại âm nhạc hoàn chỉnh.

Có giai thoại rằng cảm hứng để Tchaikovsky sáng tác ballet *Hồ Thiên nga* bắt nguồn từ chuyến thăm tòa lâu đài tuyệt đẹp của Lidvig II, một vị vua nước Đức. Tòa lâu đài thần tiên tuyệt đẹp có tên là lâu đài Thiên Nga, đứng trên sườn núi trông ra khu hồ cũng mang tên là hồ Thiên nga hết sức thơ mộng. Trên thực tế, *Hồ Thiên nga* được viết theo đơn đặt hàng của Nhà hát lớn Moskva. Sau khoảng hai năm, vở ballet được công diễn lần đầu tiên vào ngày 20 tháng 02 năm 1877 tại Nhà hát Bolshoi, thủ đô Moskva và được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Vở vũ kịch *Hồ Thiên nga* kể về câu chuyện tình yêu thật đẹp và cảm động giữa Hoàng tử Đức Digfrid và nàng Odetta xinh đẹp- bà chúa của thiên nga, chúng tôi xin tóm tắt nội dung như sau:

Một buổi chiều, hoàng tử 18 tuổi nước Đức tên là Digfrid đi săn trong rừng và họ dừng chân nghỉ lại qua đêm bên bờ hồ yên tĩnh. Dưới ánh trăng bàng bạc, hoàng tử được chứng kiến một quang cảnh thật kỳ lạ: một đàn chim thiên nga mềm mại, trắng muốt bay xuống bên hồ, trong phút chốc, chúng thoát khỏi lốt thiên nga và biến thành những cô gái thật yêu kiều. Hoàng tử Digfrid lập tức bị choáng ngợp bởi vẻ đẹp rực rỡ tinh khôi của Odetta, bà chúa của bầy thiên nga. Odetta kể cho hoàng tử nghe về số phận của mình, nàng vốn là một công chúa, nàng và các cung nữ đã bị một lão phù thủy độc ác tên là Rotbart phù phép, chỉ đêm đến, họ mới được trở lại làm người. Odetta còn cho hoàng tử biết rằng ma thuật của lão phù thủy chỉ biến mất nếu nàng gặp được một người hết lòng yêu thương và chung thủy với nàng. Bên bờ hồ, Hoàng tử Digfrid bày tỏ tình cảm với Odetta và thề sẽ mãi mãi yêu nàng. Nhưng đôi trai gái đã không thể ngờ rằng câu chuyện hẹn thề của họ đã bị tên phù thủy độc ác biến thành con cú lén nghe thấy hết. Khi những tia nắng đầu tiên xuất hiện, các cô gái lại biến thành thiên nga bay đi, hoàng tử Digfrid trở về hoàng cung đúng lúc cha mẹ muốn tổ chức yến tiệc linh đình để kén vợ cho chàng. Theo lệnh của mẹ, Digfrid phải chọn một

trong những cô gái đến dự tiệc. Nhưng rồi, tất cả các tiểu thư xinh đẹp và giàu có đều không làm chàng rung động, trong tim chàng chỉ khắc sâu hình ảnh của nàng Odetta. Tên phù thủy Rotbart vô cùng thâm độc, hắn cho cô con gái Odillia của mình biến thành Odetta làm hoàng tử nhận nhầm. Digfrid vui mừng dẫn Odillia đến trình diện mẹ, nhưng ngoài cửa bỗng có tiếng kêu thảm thiết của Odetta thiên nga. Ngay lập tức, hai cha con tên phù thủy độc ác biến thành những con cú cất tiếng kêu man rợ và bay ra khỏi hoàng thành. Hoàng tử chợt bừng tỉnh và hiểu rằng chàng đã bị phù thủy Rotbart đánh lừa. Bên bờ hồ, Odetta đau đớn gặp lại Digfrid, chàng thất vọng xé nát bộ lông chim thiên nga. Rồi mưa gió, sấm sét nổ vang trời, nước hồ dâng trào và đôi trai gái tuyệt vọng nắm tay nhau nhảy xuống lòng hồ cuộn sóng. Chính trong khoảnh khắc đó, tình yêu chung thủy của họ đã được chứng minh và mọi ma thuật của lão phù thủy đã bị phá tan. Nhờ đó, các nàng thiên nga khác cũng được giải thoát và họ cùng nhảy múa rất vui vẻ trong đám cưới linh đình của hoàng tử Digfrid và nàng Odetta.

Vở ballet *Người đẹp ngủ trong rừng* cũng là một tác phẩm rất nổi tiếng của Tchaikovsky, ông đã viết nó với tâm trạng vô cùng hứng khởi. Trong một bức thư gửi cho một người bạn, ông nói: "*Tôi có cảm giác âm nhạc của vở ballet này sẽ là một trong những sáng tác hay nhất. Đề tài vừa thơ mộng, vừa cao thượng cho âm nhạc đến nỗi việc sáng tác rất hấp dẫn tôi và tôi viết với cả một niềm hào hứng say mê chỉ dành cho các tác phẩm có giá trị.*" Nội dung vở vũ kịch *Người đẹp ngủ trong rừng* được phỏng theo câu chuyện cổ tích nổi tiếng thế giới *Nàng công chúa ngủ trong rừng.* Đây là một câu chuyện đã quá quen thuộc, khi bắt tay vào viết vở ballet này, Tchaikovsky đã rất cẩn thận phối hợp với ê-kíp làm việc để có những sáng tạo mới mẻ, sinh động, tạo hiệu quả biểu hiện cao nhất.

Dưới đây, chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn những mô tả, nhận xét, đánh giá trích từ cuốn sách mang tên *P.I. Tchaikovsky* của tác giả V. Vla-đư-kin-na Ba-trin-xkai-a (Vũ Việt Nga dịch, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội- 1978) về vở vũ kịch trên để người đọc tham khảo, từ đó có thể hiểu sâu sắc hơn về thiên tài sáng tạo tuyệt vời của Tchaikovsky cùng cộng sự:

Khúc mở màn *diễn ra trong cung nhà vua, nơi tổ chức lễ sinh nhật của công chúa A-vro-ra. Trong tiếng kèn hiệu, nhà vua và hoàng hậu cùng với khách đẩy chiếc nôi có công chúa nhỏ bé vào.*

Điệu nhạc ru êm ái của đàn Hác-pơ và violon đã thay bằng hành khúc vui nhộn của ngày lễ- đấy là các nàng tiên hiền hậu bay đến. Nàng thứ nhất tặng A-vro-ra sắc đẹp, nàng thứ hai tặng vẻ kiều diễm, nàng thứ ba tặng lòng nhân hậu...

Bỗng có tiếng động, một chiếc xe ngựa có mui chứa đầy chuột và con mụ độc ác điên dại Ga-ra-bot bay vào. Để trả thù việc không được mời dự lễ, mụ chúc một điều kinh khủng. Công chúa sẽ chết vào tuổi dậy thì vì ống suốt đâm vào tay. Lời cầu xin của nhà vua và hoàng hậu cùng các nàng tiên đều vô ích. Khoái trá vì đã làm cho mọi người sợ hãi, Ga-ra-bôt cùng bọn tùy tùng- lũ chuột cống và bầy dơi- múa một điệu man rợ. Âm điệu đó còn được vang lên trong một số tổ khúc âm nhạc khác của vở kịch.

Nàng tiên Tử đinh hương đã làm giảm bản tuyên án của mụ độc ác: công chúa A-vro-ra không chết mà sẽ ngủ một giấc trăm năm, và nhờ chiếc hôn của người yêu sẽ đánh thức nàng dậy.

***Màn thứ nhất** được bắt đầu bằng âm nhạc mang tính chất đồng quê. A-vro-ra đã là cô gái dậy thì, các hoàng tử từ khắp nơi đến hỏi cưới nàng. Công chúa đón tiếp niềm nở, nhảy múa với họ, nhưng không một ai lọt vào trái tim nàng. Mặc dù hết sức cảnh giác, công chúa A-vro-ra vẫn bị ống suốt đâm vào ngón tay, lời nguyền của mụ phù thủy độc ác đã thành hiện thực. Công chúa nhảy múa quay cuồng và cuối cùng ngã quỵ xuống bất tỉnh nhân sự... Tất cả đều thất vọng...*

Nhưng bỗng nhiên vang lên tiếng nhạc êm ái và nàng tiên Tử đinh hương xuất hiện. Nàng nhắc lại rằng đấy chỉ là một giấc ngủ dài. Để công chúa A-vro-ra khỏi buồn khi tỉnh dậy sau một trăm năm, nàng để công chúa ngủ trong một lâu đài với tất cả người hầu. Lâu đài bị rừng rậm che khuất. Màn kịch kết thúc bằng một cảnh âm nhạc trong đó diễn tả mọi người đều ngủ.

***Màn thứ hai**, tiếng tù và đi săn vang lên vui vẻ. Đấy là hoàng tử Đê-đi-rê cùng đoàn tùy tùng đi săn, ngồi nghỉ, đánh bài và nhảy múa. Nàng tiên Tử đinh hương đến gần hoàng tử Đê-đi-rê, nàng gợi lên hình bóng của A-vro-ra. Hoàng tử lập tức say đắm sắc đẹp của công chúa và van nài nàng tiên Tử đinh hương tìm cho mình nàng A-vro-ra. Hai người đi thuyền đến một lâu đài hoa lệ. Toàn cảnh của một miền tuyệt đẹp hiện ra và cuối cùng hai người ở trong lâu đài, nơi một trăm năm trước công chúa A-vro-ra đã ngủ.*

Tất cả đều ngủ say, mọi người ngủ ở đúng tư thế như khi giấc ngủ đến với họ. Tĩnh mịch. Đường đi đầy cây cỏ. Nhạc sĩ diễn tả cảm giác của giấc ngủ và sự bất động bằng thủ thuật âm nhạc sau: trong suốt cả cảnh, trên đàn violon, tại khoảng âm cao, chỉ vang lên một âm, trên nền đó vang lên những hợp âm kỳ dị, lúc thì như say, lúc thì như tỉnh của đàn hác-pơ chơi nhẹ.

Nhưng bỗng âm nhạc sôi nổi hẳn lên- hoàng tử Đê-đi-rê và nàng tiên Tử đinh hương bước vào. Nàng tiên đưa hoàng tử vào giường ngủ của A-vro-ra. Bằng một

nụ hôn, hoàng tử đã đánh thức công chúa. Cùng với nàng, cả lâu đài choàng tỉnh sau giấc ngủ một trăm năm. Tất cả đều hân hoan.

Màn thứ ba *là lễ cưới của A-vro-ra và Đê-đi-rê. Âm nhạc trang nghiêm của ngày hội vang lên. Phía trước là nhà vua, hoàng hậu, công chúa cùng chàng rể. Nhiều nhân vật trong các câu chuyện thần thoại được mời đến. Các nàng tiên bạc, vàng và kim cương nhảy múa như khoe sắc lấp lánh của đá quý. Mèo đen đi hia và mèo trắng nhảy những bước rất ngộ nghĩnh. Dáng đi uyển chuyển và bước nhảy của chúng được nhạc sĩ truyền đạt bằng âm nhạc đặc biệt.*

Đo-lu-sca, hoàng tử Phoc-tuy-nê, chim xanh, công chúa Phlo-ri-na và các nhân vật cổ tích khác cũng nhảy múa. Màn kịch câm tuyệt đẹp do cô bé quàng khăn đỏ sắm vai. Em gái nhún nhảy, hái hoa, nhặt quả một cách vô tư. Một con sói hung dữ đi về phía em. Qua em bé, nó biết được em sống ở đâu và chó sói vội chạy đi trước. Sau khi mặc quần áo của bà em, nó bắt em bé mang đi...

Trên sân khấu xuất hiện một đám trẻ con đi giày gỗ. Đó là chú bé tí hon và các anh của chú. Tên khổng lồ ghê sợ đuổi theo các chú. Nhưng các chú dùng mưu mẹo làm tên khổng lồ ngã bổ nhào vào cái thùng to, và nó bất lực chổng vó lên trời. Các chú kéo đôi hia "bảy dặm" của nó ra và bỏ chạy. Nhạc sĩ diễn tả những bước đi "bảy dặm" của tên khổng lồ bằng những âm trầm khoáng đạt.

A-vro-ra và Đê-đi-rê nhảy sóng đôi. Theo luật của ba-lê cổ điển, bộ đôi bắt đầu bằng khúc Adagio- âm nhạc uyển chuyển chậm rãi, tiếp sau gồm một số phần khác. Phần kết- đoạn đuôi- cho phép các diễn viên múa biểu diễn kỹ thuật múa nhanh và nhào lộn. Công chúa và hoàng tử nhảy uyển chuyển, duyên dáng. Điệu nhảy ma-đuốc-ca lộng lẫy huy hoàng kết thúc vở ba-lê. Trong điệu nhảy này, tất cả các nhân vật đều tham gia, tạo nên một cảnh rất sinh động trước khi hạ màn.

Vở vũ kịch *Người đẹp ngủ trong rừng* đã được hoan nghênh nhiệt liệt ngay từ buổi công diễn đầu tiên trên sân khấu nhà hát Mariinski, thành phố Saint Petersburg ngày 03 tháng 01 năm 1890. Nó đã mang lại những xúc cảm và sự hưng phấn tột độ cho những khán giả có mặt. I-u-ri Lvô-vich Đa-vư-lốp, một người cháu của Tchaikovsky nhớ lại: "*Thật không diễn tả nổi tâm trạng của khán giả... những khuôn mặt bị kích động, những giọt lệ ở khóe mắt, những bàn tay mỏi nhừ vì hoan hô và những giọng đã bị khàn của thanh niên. Đây thực sự là những thành công rực rỡ của người chiến thắng, đứng đầu là Pi-ốt I-lich* (tức Tchaikovsky), *người mà vũ nữ ba-lê Bri-an-ca đã dắt tay mời lên sân khấu*".

Và từ sau buổi biểu diễn lần đầu năm 1890, trải qua hơn một trăm năm, đến nay, vở ballet *Người đẹp ngủ trong rừng* vẫn là một cô gái tuyệt đẹp và đầy sức

sống trong lòng khán giả mọi thời đại, đó không chỉ là một kiệt tác của Tchaikovsky mà còn là kiệt tác của nền âm nhạc thế giới.

Trong lĩnh vực sáng tác cho piano, Tchaikovsky thường viết những bản đàn cho phụ trương của tạp chí âm nhạc *Người mới* ra hàng tháng. Ngoài một số bản concerto cho piano, ông còn có các tập nhạc piano tiêu biểu như: *Dumka, Bài ca không lời,* tổ khúc *Bốn mùa*, *Tuyển tập cho Trẻ em*,...

Trong kho tàng tác phẩm viết cho piano của Tchaikovsky, tổ khúc *Bốn mùa* là một tập nhạc rất đặc sắc với 12 bản nhạc khắc họa một cách sinh động những hình ảnh đặc trưng, tiêu biểu của thiên nhiên nước Nga trong suốt 12 tháng của năm. Có thể kể tên các bản nhạc trong tổ khúc *Bốn mùa* như: *Lễ tiễn mùa đông* (tháng 2, mô tả cảnh lễ hội dân gian đầu năm); *Bài ca chim vành khuyên* (tháng 3); *Hoa tuyết* (tháng 4); *Đêm trắng* (tháng 5); *Chèo thuyền* (tháng 6); *Bài ca người cắt cỏ* (tháng 7); *Mùa gặt* (tháng 8); *Đi săn* (tháng 9); *Khúc hát mùa thu* (tháng 10); *Trên xe tam mã* (tháng 11); *Noel* (tháng 12).

Ngoài ra, nhiều người chơi piano còn biết đến và yêu thích *Tuyển tập cho Trẻ em* (còn gọi là *Album cho thiếu nhi*) của Tchaikovsky. Tuyển tập gồm 24 khúc nhạc với những âm điệu dễ thuộc dễ nhớ, khắc họa thế giới gần gũi, thân thương của tuổi thơ cùng những điệu múa, điệu nhảy và những giai điệu dân gian của nhiều nước khác nhau. Có thể kể tên một số tiểu phẩm quen thuộc như: *Đánh đu trên mâm gỗ* (số 3); *Mẹ* (số 4); *Cậu bé chơi trận giả* (số 5); *Búp bê bị ốm* (số 6); *Đám tang búp bê* (số 7); *Valse* (số 9); *Búp bê mới của em* (số 9); *Mazurka* (số 9); *Khúc hát nước Nga* (số 11); *Polka* (số 14); *Khúc hát nước Ý* (số 15); *Khúc hát cổ nước Pháp* (số 16); *Khúc hát nước Đức* (số 17); *Bài hát xứ Neapolitan nước Ý* (số 18); *Giấc mộng êm đềm* (số 21),... Ngày nay, ít ai chơi đàn piano mà chưa từng chơi qua những tiểu phẩm sinh động trong *Tuyển tập cho Trẻ em* của Tchaikovsky. Đây là món quà quý mà Tchaikovsky dành tặng lứa tuổi thiếu nhi chơi đàn piano trên khắp thế giới.

Ngày nay, khi nhắc tới nền âm nhạc nước Nga, tên tuổi đầu tiên mà người ta nghĩ tới chính là Tchaikovsky. Có thể nói, Tchaikovsky là một trong những nhạc sĩ mang lại vinh quang bậc nhất cho đất nước Nga với những đóng góp đáng kể đưa âm nhạc kinh điển của đất nước mình sánh ngang với những nền âm nhạc lớn nhất trên thế giới. Để ghi nhớ công lao của ông, năm 1940, Nhạc viện Moskva được đổi tên thành Nhạc viện Tchaikovsky. Từ năm 1958, cuộc thi âm nhạc quốc tế mang tên Tchaikovsky được tổ chức, thu hút sự tham gia của rất nhiều thanh thiếu niên chơi nhạc xuất sắc đến từ khắp nơi trên thế giới.

Nếu có dịp đến nước Nga, hãy đừng quên ghé thăm bảo tàng Tchaikovsky, đó là một ngôi nhà nhỏ hai tầng ở ngoại ô thành phố Klin, nơi Tchaikovsky đã sống từ tháng 05 năm 1892 cho đến khi qua đời năm 1983. Cũng chính tại đây, Tchaikovsky đã sáng tác Giao hưởng số 6. Còn ngôi nhà ở thành phố Votkinsk, nơi tuổi thơ Tchaikovsky đi qua ngày nay cũng trở thành bảo tàng mang tên ông.

Bảo tàng Tchaikovsky tại Klin, Nga.	**Bảo tàng Tchaikovsky tại Votkinsk, Nga**

MARCHE SLAV

Allegro moderato

Tchaikovsky

18

23

28

mf

32

VALSE

Từ bản Serenade cho bộ dây

Tchaikovsky

Moderato

mf

p

gracefully

To Coda ⊕

ritard.

mp a tempo

mf

D.S al Coda

Coda

p

pp

* Bản nhạc trên được soạn cho piano dựa trên giai điệu chọn lọc từ tác phẩm Serenade cho bộ dây của Tchaikovsky.

SYMPHONY No. 5

Chủ đề

Slowly

Tchaikovsky

SYMPHONY No. 6 "PATHÉTIQUE"

Chủ đề

Andante

Tchaikovsky

mp *mf* *mp* *mf* *mp* *p ritard.*

BARCAROLLE

P. I. Tchaikovsky

Andante cantabile

p

p

poco più

f

dim.

p

poco più mosso

p ma poco a poco cresc.

Allegro giocoso

cresc...

ff POCO RIT.

8va

energico

Tempo I

mf *p*

Ped. ※

p

più f

dim.

p

p

pp

un poco cresc.

pp

* Bản *Barcarolle* (*Khúc chèo thuyền*) là tác phẩm trích trong tổ khúc *Bốn mùa* cho piano- Bài Tháng 6 của Tchaikovsky.

SWAN LAKE

Chủ đề

Moderato **Tchaikovsky**

p

cresc.

f

rit.

* Bản nhạc trên được biên soạn dựa trên giai điệu chọn lọc từ vở vũ kịch *Hồ Thiên nga* nổi tiếng của Tchaikovsky.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử âm nhạc thế giới- Tập II (*Thế Vinh, Nguyễn Thị Nhung)- Nhạc viện Hà Nội 1985.

2. *Lịch sử âm nhạc thế giới- (*Nguyễn Thị Nhung)- Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân 2008.

3. *Từ điển tác giả, tác phẩm âm nhạc phổ thông* (Vũ Tự Lân)- Nhà xuất bản Từ điển bách khoa 2007.

4. *Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới* (Phạm Lê Hòa)- Nhà xuất bản âm nhạc 2007.

5. *Sô-panh* (*Ph. M. Ốc-giê-khốp-xkai-a*, Vũ Việt dịch)- Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội- 1984)

6. *P. I. Trai-cốp-xki* (V. Vla-đư-kin-na Ba-trin-xkai-a, Vũ Việt Nga dịch)- Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội- 1978)

7. *10 nhà âm nhạc lớn thế giới* (Phương Lập Bình, Phong Đảo dịch)- Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin 2003.

8. Nghiên cứu khoa học đề tài: *Trao đổi một số vấn đề về lý luận âm nhạc* (Lê Dũng)- Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương 2012.

9. *Thuật ngữ và ký hiệu âm nhạc thường dùng* (Đào Trọng Từ, Đỗ Mạnh Thường, Đức Bằng)- Nhà xuất bản Văn hóa 1984.

10. Thông tin tham khảo từ các trang web trong và ngoài nước.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ TRÊN BẢN NHẠC

Các thuật ngữ	Tạm dịch
Accel. poco a poco	*Dần dần nhanh dần*
Affrettando	*Nhanh, gấp gáp*
***Allargando** (viết tắt là **Allarg.**)*	*Mở rộng ra*
Allegretto	*Hơi nhanh*
Allegretto grazioso	*Hơi nhanh, duyên dáng*
Allegro	*Nhanh, vui, sôi nổi*
Allegro giocoso	*Nhanh, vui vẻ*
Allegro moderato	*Nhanh vừa*
Andante	*Chậm vừa* (thong thả như bước đi)

Andante cantabile	*Chậm vừa, du dương như hát*
Andante mesto	*Chậm vừa, buồn*
Andante tranquillo	*Chậm vừa, yên tĩnh*
Andantino	*Hơi chậm, gần như **Andante***
Animato	*Tâm hồn rung động; tình cảm, hào hứng*
Apassionato assai	*Rất say đắm, nồng nhiệt*
A tempo	*Trở lại tốc độ ban đầu, vào nhịp*
Both hands	*Hai tay*
Cantabile	*Du dương, như hát*
Cantando	*Réo rắt, du dương*
Cantando espressivo	*Du dương, tình cảm*
Con anima	*Với sự rung động hào hứng*
Crescendo *(*viết tắt là ***cresc.****)*	*To dần, mạnh dần*
Crescendo poco a poco	*Dần dần mạnh dần*
Cresc. molto	*To hơn, mạnh hơn nhiều*
D.C al Fine	*Đàn lại từ đầu cho đến chữ **Fine** (hết)*
D.S al Coda	*Đàn lại từ dấu **Segno** đến chữ **Coda** (kết của bản nhạc, chương nhạc)*
D.S al Fine	*Đàn lại từ dấu **Segno** đến chữ **Fine** (hết)*
Decresc.	*Khẽ dần, nhỏ dần*
Diminuendo (viết tắt là ***dimin.*** hoặc ***dim.***)	*Giảm dần, nhẹ dần*
Dolce	*Dịu, nhẹ, êm*
Dolce armoniosso	*Êm dịu, du dương*
Dolce con grazia	*Êm dịu với vẻ duyên dáng*
Dolce e legato	*Dịu dàng và liền tiếng*
Energico	*Mạnh mẽ, đầy nghị lực, quả quyết*
Espressivo	*Tình cảm*
Faster	*Nhanh hơn*
Fine	*Hết, kết thúc*
Frisch und fröhlich	*Tươi sáng và vui vẻ*
Giocoso	*Vui vẻ*
Gracefully	*Một cách duyên dáng*
Grazioso	*Duyên dáng*
Im mässigen tempo	*Ở tốc độ vừa phải*
Langsamer	*Chậm rãi*

Langsam, zart	*Chậm rãi, dịu dàng, tinh tế*
Largo	*Chậm rãi, phóng khoáng* (chậm hơn ***Adagio***)
Left hand alone	*Chỉ với tay trái*
Legato	*Liền tiếng*
Leggiero	*Nhẹ nhàng*
Lento	*Chậm rãi*
Lento assai	*Rất chậm*
Lento a capriccio	*Chậm rãi tùy hứng*
Lively	*Sinh động*
Lunga	*Độ dài*
L.H. (viết tắt của từ ***left hand***)	*Tay trái*
Maestoso	*Oai nghi, hùng tráng, tưng bừng*
Marcando	*Nhấn, phát âm rõ*
Marcato	*Nhấn mạnh*
Mit fröhlichem Ausdruck	*Với sự biểu lộ, biểu đạt vui vẻ*
Moderato	*Vừa phải*
Moderately	*Vừa phải, hài hòa*
Molto	*Rất nhiều*
Molto espressivo	*Dạt dào tình cảm*
Molto rall.	*Chậm lại nhiều*
Molto staccato	*Rất nảy tiếng*
Pedal (viết tắt là ***Ped.***)	*Bàn đạp đàn piano dùngđể thay đổi âm sắc*
Ped. simile	*Dậm và nhấc bàn đạp như nhịp trước đó*
Più animato con passione	*Tình cảm hơn, với sự say đắm*
Più mosso	*Chuyển động hơn*
Più ritenuto	*Kìm tốc độ hơn*
Più smorz. e rit.	*Nhẹ hơn và kìm tốc độ*
Poco	*Một chút, hơi*
Poco allarg.	*Hơi mở rộng ra*
Poco allegretto	*Hơi nhanh một chút*
Poco allegro, con affetto	*Nhanh một chút, với sự xúc động*
Poco animato	*Hào hứng một chút*
Poco rit.	*Hơi kìm tốc độ lại*
Poco ritard.	*Hơi ngập ngừng, chậm dần lại*
Poco a poco	*Dần dần*
Poco cresc. ed agitato	*Hơi mạnh thêm và xúc động mãnh liệt*

Poco a poco ritenuto (hoặc viết tắt là ***poco a poco rit.***)	*Dần dần kìm nhịp lại*
Poco più mosso	*Hơi nhanh thêm một chút*
Poco più f	*Hơi mạnh thêm một chút*
Poco rall. hay ***poco rallent.***	*Hơi chậm lại*
Poco rit. hay ***poco riten.***	*Hơi kìm nhịp*
pp sempre, ma molto espressivo	*Luôn luôn rất khẽ nhưng rất tình cảm*
p ma poco a poco cresc.	*Nhẹ nhưng dần dần mạnh dần*
Rall. hoặc ***rallent.***	*Chậm lại*
Ritardando (viết tắt là ***Ritard.***)	*Ngập ngừng, chậm dần lại*
Rit. hoặc ***riten.***	*Kìm tốc độ lại*
Rit. molto	*Kìm tốc độ thật nhiều*
Ritard. e dim.	*Chậm dần và nhẹ dần*
R.H. (viết tắt của từ ***right hand***)	*Tay phải*
Sempre	*Luôn luôn*
Sempre più rinforzando	*Càng ngày càng mạnh hơn*
Sempre pp	*Luôn luôn rất khẽ, rất êm*
Sempre stringendo	*Luôn dồn dập*
Simile, simili	*Giống như vậy, cùng cách diễn tấu*
Slargando	*Mở rộng ra*
Slowly	*Một cách chậm rãi*
Sostenuto	*Nền tiếng ngân đủ, hơi chậm lại*
Sotto voce	*Nhẹ giọng, khẽ*
Tempo I	*Tốc độ như đoạn thứ nhất*
Tempo primo	*Tốc độ đầu tiên*
Ten	*Giữ tiếng ngân đủ*
Teneramente e grazioso	*Âu yếm và duyên dáng*
Theme	*Chủ đề*
To Coda	*Đến đoạn cuối, đoạn kết*
TRIO	*Đoạn giữa của bản nhạc viết ở thể ba đoạn*
Un poco cresc.	*Một chút mạnh dần lên*
Un poco più riten.	*Hơi kìm lại hơn một chút*
Un poco più andante	*Hơi chậm hơn một chút*
Vibrato	*Rung* (ngón đàn, giọng hát)
Vivace	*Hoạt bát, sôi nổi, nhanh*
With gentle animation	*Với một chút hào hứng*

MỤC LỤC SÁCH

MỤC LỤC CD

MỜI CÁC BẠN TÌM ĐỌC sách nhạc:

TÀI LIỆU HỌC ĐÀN PIANO

* **Piano Méthode rose** (kèm CD đánh mẫu)
* **Piano cho thiếu nhi tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng** - Phần 1 (kèm CD đánh mẫu)
* **Piano cho thiếu nhi tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng** - Phần 2 (kèm CD đánh mẫu)
* **Piano cho thiếu nhi tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng** - Phần 3 (kèm CD đánh mẫu)
* **Piano cho thiếu nhi tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng** - Phần 4 (kèm CD đánh mẫu)
* **Piano cổ điển được yêu thích** - Phần 1 (CD-Rom tặng kèm theo sách)
* **Piano cổ điển được yêu thích** - Phần 2 (CD-Rom tặng kèm theo sách)

SÁCH DÀNH CHO GIÁO VIÊN DẠY NHẠC

* **Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng Âm nhạc lớp 1** (kèm CD đánh mẫu)
* **Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng Âm nhạc lớp 2** (kèm CD đánh mẫu)
* **Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng Âm nhạc lớp 3** (kèm CD đánh mẫu)
* **Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng Âm nhạc lớp 4** (kèm CD đánh mẫu)
* **Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng Âm nhạc lớp 5** (kèm CD đánh mẫu)

SÁCH DÀNH CHO NGƯỜI TỰ HỌC

- **Tự học nhạc lý cơ bản**
- **Bài tập vui giúp bé thuộc nhanh nốt nhạc**
- **30 ngày biết đệm Guitar** (kèm CD đệm đàn và hát mẫu)

MỜI CÁC BẠN TÌM NGHE đĩa nhạc:

* CD **Âm nhạc dành cho giáo viên & học sinh lớp 1**
* CD **Âm nhạc dành cho giáo viên & học sinh lớp 2**
* CD **Âm nhạc dành cho giáo viên & học sinh lớp 3**
* CD **Âm nhạc dành cho giáo viên & học sinh lớp 4**
* CD **Âm nhạc dành cho giáo viên & học sinh lớp 5**

• Bộ 24 CD "**Chị Hằng Nga kể chuyện**" với những câu chuyện cổ tích hấp dẫn, mỗi câu chuyện một bài học giáo dục cho bé. Bên cạnh đó, bộ CD còn giới thiệu những tuyệt phẩm âm nhạc nổi tiếng thế giới và những câu chuyện về tấm gương lao động, học tập, sáng tạo của các nhạc sĩ thiên tài.

VOL 1 **Những người bạn bốn chân**
VOL 2 **Những người bạn biết bay**
VOL 3 **Những người bạn trong rừng**
VOL 4 **Phép lạ của ông Bụt**
VOL 5 **Chuyện về tình anh em**
VOL 6 **Những nàng công chúa xinh đẹp**
VOL 7 **Những chàng trai tài giỏi**
VOL 8 **Những cô bé đáng yêu**
VOL 9 **Những cuộc phiêu lưu kỳ thú**
VOL 10 **Sự tích các loài hoa**
VOL 11 **Chuyện về trí thông minh**
VOL 12 **Chuyện về lòng nhân ái**
VOL 13 **Bài học cho thói kiêu ngạo**
VOL 14 **Chuyện về hoàng tử & công chúa**
VOL 15 **Bài học về lòng hiếu thảo**
VOL 16 **Sự tích loài vật**
VOL 17 **Những nàng tiên kiều diễm**
VOL 18 **Những bảo bối thần kỳ**
VOL 19 **Sự tích các loài cây**
VOL 20 **Những câu chuyện phép thuật**
VOL 21 **Những ông Trạng tài giỏi**
VOL 22 **Những vị thần tài ba**
VOL 23 **Những tòa lâu đài kỳ bí**
VOL 24 **Những chuyện ngụ ngôn thế giới**

NHẠC SĨ THIÊN TÀI VÀ NHỮNG BÀI TẬP PIANO QUEN THUỘC

Tập 2



NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

61 Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản:

HOÀNG THÁI DŨNG

Biên tập nội dung:

Nhạc sĩ NGUYỄN QUANG LONG

Biên tập kỹ thuật:

TRỊNH QUỐC DŨNG

Sửa bản in thử:

MINH THANH - ĐỨC ĐỊNH - ĐỊNH GIÁC

Thực hiện CD Master:

NGUYỄN ĐẮC TRUNG

Trình bày bìa:

Họa sĩ TRỌNG KIÊN

PHÁT HÀNH TẠI

Nhà sách Huy Hoàng

110D Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Tel/Fax: (04) 736.5859 - 736.6075

Nhà sách Thành Vinh

59 Đường Trần Phú, TP Vinh, Nghệ An

Tel/Fax: (0383) 591.167 - Mobile: 0912.109.349

Chi nhánh phía Nam

239 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh

Tel: (083) 839.66.79 - Mobile: 0973.18.48.48

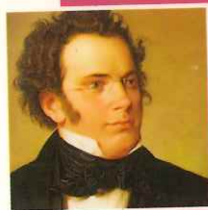
www.huyhoangbook.com.vn

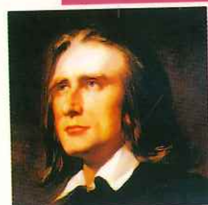
In 2000 cuốn khổ 20,5 x 29,5 cm tại Cty TNHH PT Minh Đạt
Số GPXB: 167/QĐXB-ÂN/12 ngày 01/10/2012 của Nhà xuất bản Âm nhạc
Số đăng ký KHXB: 03-2012/CXB/55/3-280/ÂN
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012

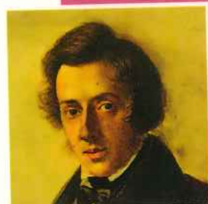
Nhạc sĩ thiên tài & Những bài tập piano quen thuộc

Tập 2

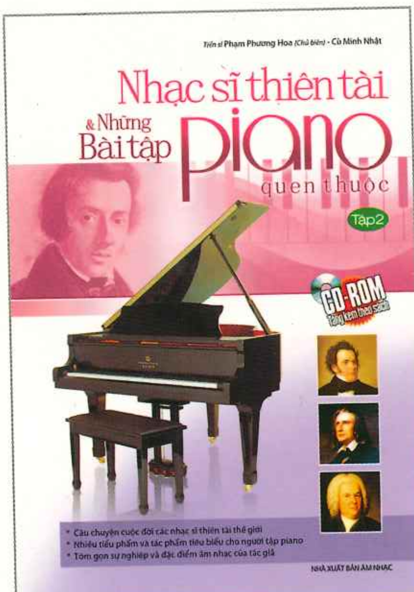


















8 935095 615247
85.000 VNĐ
(Sách tặng kèm CD-ROM)